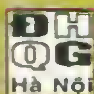
ThS. TẠ THỊ THÚY ANH

KIẾN THỨC CƠ BẢN LỊCH SỬ 7





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TẠ THỊ THUÝ ANH

KIẾN THỨC CƠ BẢN

LỊCH SỬ

7

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 7 thân mến!

Để giúp các em có điều kiện nâng cao năng lực tự học một cách tíc cực, chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức, chúng tôi biên soạ cuốn ***Kiến thức cơ bản Lịch sử 7***.

Sách gồm có 4 phần:

Phần A: Kiến thức cơ bản.

Phần B: Câu hỏi trắc nghiệm.

Phần C: Một số đề kiểm tra tham khảo.

Phần D: Hướng dẫn trả lời.

- Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm

- Hướng dẫn trả lời đề kiểm tra tham thảo

Tuy chúng tôi đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, song trong quá trìn bên soạn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhậ được sự góp ý của các em và bạn đọc.

Tác giả

PHẦN I
KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

BÀI 1
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN Ở CHÂU ÂU
(Thời sơ -trung kì trung đại)

A. Kiến thức cơ bản

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu.

- Vào cuối thế kỉ V, do sự xâm nhập của người Giéc-man, xã hội Tây Âu có những biến đổi lớn: bộ máy nhà nước của đế quốc Rô-ma sụp đổ ruộng đất của chủ nô được chia cho quý tộc, nông dân công xã, nên tạo thành những tầng lớp mới trong xã hội:

+ Những nô lệ được giải phóng (hoặc nông dân công xã bị mất đất biến thành nông nô - tầng lớp sống phụ thuộc vào lãnh chúa.

+ Các thủ lĩnh quân sự của người Giéc-man và quan lại người Giéc-man được ban cấp nhiều ruộng đất trở thành lãnh chúa những kẻ có thế lực trong xã hội.

- Quan hệ giữa hai giai cấp: nông nô không có ruộng phải phụ thuộc vào lãnh chúa, lãnh chúa là những người chủ các vùng ruộng đất rộng lớn. Quan hệ sản xuất mới - quan hệ sản xuất phong kiến đã hình thành ở Châu Âu.

2. Lãnh địa phong kiến

* *Lãnh địa* Là một khu đất rộng lớn mà quý tộc tước đoạt được, bao gồm đất canh tác, rừng, ao hồ, nhà thờ, lâu đài của lãnh chúa, nhà ở của nông nô. ...

- Đứng đầu mỗi lãnh địa là một lãnh chúa, có mọi quyền hành trong lãnh địa đó.

+ Quyền lực của lãnh chúa trong lãnh địa có quyền sở hữu tối cao ruộng đất, có quyền đặt ra các loại tô, thuế. Ngoài ra lãnh chúa còn đứng đầu cơ quan pháp luật và thống trị nông nô về tinh thần.

- Đời sống trong lãnh địa:

+ Lãnh chúa sống đầy đủ, xa hoa..

+ Nông nô phải sống phụ thuộc, khổ cực và đói nghèo.

- Lãnh chúa bắt nông nô xây dựng dinh thự, thành lũy kiên cố cho mình, đồng thời bắt nông nô phải cày cấy ruộng đất, nộp tô thuế nặng nề và phải chịu phụ thuộc về mọi mặt, không được rời khỏi lãnh địa.

- Sự phát triển kinh tế và đặc điểm của lãnh địa.

+ Kĩ thuật canh tác: lạc hậu, thô sơ.

+ Quan hệ sản xuất: lãnh chúa bóc lột nông nô.

+ Nền kinh tế hầu như hoàn toàn mang tính tự túc.

3. Sự xuất hiện thành thị trung đại

- Sau một thời gian tồn tại và phát triển chậm chạp, đến các thế kỉ X-XIII, trong các lãnh địa số lượng sản phẩm thủ công tăng lên, nhu cầu trao đổi sản phẩm giữa các vùng khác nhau cũng ngày càng cấp thiết, một số thợ thủ công đã bỏ trốn khỏi lãnh địa, rủ nhau tụ tập ở những nơi có điều kiện thuận lợi để sản xuất và mua bán. Những vùng này ngày càng đông đúc, ngành nghề đa dạng; từ đó các thành thị ra đời và ngày càng được tổ chức quy củ.

- Trong thành thị, cư dân chủ yếu là thợ thủ công và thương dân. Họ đã thành lập các phường hội để sản xuất một cách tập trung hơn và trao đổi hàng hóa được chủ động hơn, không chỉ để lấy sản phẩm thủ công mà còn để lấy lương thực đưa từ các lãnh địa đến. Xã hội phong kiến Tây Âu ngày càng phát triển.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Các quốc gia cổ đại phương Tây tồn tại đến thời gian nào thì bị bộ tộc Giéc-man tràn xuống xâm chiếm ?

a. Cuối thế kỉ IV. c. Cuối thế kỉ V.

b. Đầu thế kỉ V. d. Đầu thế kỉ IV.

Câu2. Người Giéc-man chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ chia cho thành phần nào nhiều nhất.

a. Dòng tộc của mình. b. Tướng lĩnh quân sự và quý tộc.

c. Phân đều cho mọi người. d. Những người thân trong gia đình.

Câu 3. Lãnh chúa phong kiến được hình thành từ các tầng lớp nào của xã hội?

a. Nông dân tự do có nhiều ruộng đất.

b. Tướng lĩnh quân sự và quý tộc có nhiều ruộng đất.

c. Nô lệ được giải phóng.

d. Tất cả các thành phần trên.

Câu 4. Nông nô xuất thân từ tầng lớp nào trong xã hội?

a. Nô lệ và thợ thủ công.

b. Nông dân và thương nhân.

c. Nô lệ và nông dân.

d. Tướng lĩnh quân sự bị thất bại trong chiến tranh.

Câu 5. Xã hội phong kiến châu Âu hình thành dựa trên cơ sở của giai cấp nào?

a. Tăng lữ quý tộc và nông dân. b. Lãnh chúa phong kiến và nông nô.

c. Chủ nô và nô lệ. d. Địa chủ và nông dân.

Câu 6. Lãnh địa phong kiến là gì?

a. Vùng đất rộng lớn của nông dân.

b. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa phong kiến.

c. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa và nông nô.

d. Vùng đất rộng lớn của các tướng lĩnh quân sự.

Câu 7. Kinh tế trong các lãnh địa phong kiến là nền kinh tế có sự trao đổi buôn bán. Đúng hay sai?

a. Đúng. b. Sai.

Câu 8. Quá trình phong kiến hóa ở châu Âu có nội dung gì?

a. Hình thành các lãnh địa phong kiến. b. Quý tộc trở thành lãnh chúa.

c. Nô lệ và nông dân trở thành nông nô. d. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 9. Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở châu Âu là gì?

a. Lãnh địa. c. Làng xã.

b. Phường thủ công. d. Tỉnh.

Câu 10. Lãnh chúa giao cho nông dân sử dụng phần đất đai nào trong lãnh địa?

a. Đất đai xung quanh lâu đài gồm đất canh tác, đồng cỏ, ao hồ, đầm lầy

b. Đất đai xung quanh lâu đài gồm, ao hồ, đầm lầy, sông ngòi.

c. Đất đai xung quanh lâu đài gồm đất canh tác.

d. Đất đai gồm đồng cỏ, ao hồ, đầm lầy.

Câu 11. Người sản xuất chính trong lãnh địa là ai?

a. Lãnh chúa. c. Nô lệ. b. Nông nô. d. Nông dân.

Câu 12. Kinh tế của lãnh địa mang tính chất gì?

a. Buôn bán trao đổi với lãnh địa khác.

b. Tự cung, tự cấp.

c. Phụ thuộc vào thành thị.

d. Nông dân vừa làm ruộng, vừa làm thêm một nghề thủ công.

Câu 13. Vì sao dẫn đến sự xuất hiện thành thị ở châu Âu thời trung đại?

a. Sản xuất bị đình đốn.

b. Sự ngăn cản giao lưu buôn bán của các lãnh địa.

c. Nghề thủ công phát triển cần phải trao đổi, mua bán.

d. Câu b và c đúng.

Câu 14. Cư dân chủ yếu của thành thị xã hội phong kiến châu Âu là gì?

a. Lãnh chúa và nông nô. b. Lãnh chúa và thương nhân.

c. Thợ thủ công và thương nhân. d. Thợ thủ công và nô lệ.

Câu 15. Những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa ở châu Âu xuất hiện vào thời gian nào?

a. Thế kỉ IX. c. Thế kỉ XI. b. Thế kỉ X d. Thế kỉ XII.

Câu 16. Mục đích ra đời của các phường hội, thương hội?

a. Cùng nhau sản xuất và buôn bán.

b. Cùng nhau trao đổi hàng hóa.

c. Tổ chức triển lãm, giới thiệu hàng hóa của mình.

d. Tổ chức các hội chợ trao đổi hàng hóa.

BÀI 2

SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

A. Kiến thức cơ bản

1. Những cuộc phát kiến địa lí

- Từ thế kỉ XV, nền kinh tế Tây Âu ngày càng phát triển. Nhu cầu mở rộng thị trường, trao đổi buôn bán tăng lên, trong lúc đó những con đường bộ sang Châu Á bị ngăn trở. Yêu cầu bức thiết đặt ra là phải nhanh chóng tìm được những con đường mới, chủ yếu là đường biển, để giải quyết những khó khăn.

- Dựa vào những phát minh khoa học-kĩ thuật, một số nhà thám hiểm Tây Âu đã vượt mọi khó khăn, phát hiện ra những con đường biển đi vòng quanh thế giới để tới các châu lục mới. Những phát kiến địa lí đó đã đem lại cho châu Âu những nguồn nguyên liệu quý giá, những kho vàng, bạc, những thị trường rộng lớn.

2. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu

- Sau các cuộc phát kiến địa lí, quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy đã hình thành. Đó là quá trình tạo ra vốn đầu tiên và những người lao động làm thuê

- Nền kinh tế Tây Âu, đặc biệt là công - thương nghiệp, phát triển nhanh chóng: xuất hiện những nhà tư bản giàu có. Họ ra sức mở rộng kinh doanh, thành lập các công xưởng sản xuất, những công ti buôn bán, những đồn điền lớn. Đồng thời hàng loạt nông dân, người lao động không có việc làm đã trở thành công nhân làm thuê. Trong xã hội Tây Âu, hai giai cấp mới ra đời: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, đánh dấu sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Những phát minh khoa học - kĩ thuật nào có giá trị chủ yếu để người châu Âu có thể thực hiện các chuyến đi bằng đường biển?

a. Tàu có bánh lái.
b. Hệ thống buồm nhiều tầng.
c. La bàn
d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 2. Cuộc phát kiến địa lí của các thương nhân châu Âu chủ yếu hướng về đâu?

a. Ấn Độ và các nước phương Đông.
b. Trung Quốc và các nước phương Đông.
c. Nhật Bản và các nước phương Đông.
d. Ấn Độ và các nước phương Tây.

Câu 3. Lần đầu tiên họ đã đi vòng quanh trái đất gần hết 3 năm, từ năm 1519 đến năm 1522, đó là đoàn thám hiểm nào?

a. Đoàn thám hiểm của Ph.Ma-gien-lan.
b. Đoàn thám hiểm của B. Di-a-xơ.
c. Đoàn thám hiểm của Va-xcô đơ Ga-ma.
d. Đoàn thám hiểm của C.Cô-lôm-bô.

Câu 4. Ai là người đầu tiên đã đến được Ấn Độ bằng đường biển?

a. B. Di-a-xơ.
c. C. Cô-lôm-bô.
b. Va-xcô đơ Ga-ma.
d. Ph.Ma-gien-lan.

Câu5. Ai là người đến châu Mĩ đầu tiên nhưng lại cho rằng đó là Ấn Độ?

a. Ph.Ma-gien-lan
c. Di-a-xơ
b. C. Cô-lôm-bô
d. Va-xcô đơ Ga-ma

Câu 6. Ai là người tìm ra châu Mĩ ?

a. Va-xcô đơ Ga-ma.
c. Ph. Ma-gien-lan.
b. C. Cô-lôm-bô.
d. Tất cả các nhà thám hiểm trên.

Câu 7. Để kỉ niệm chuyến đi vòng quanh trái đất đầu tiên, hiện nay nơi nào trên thế giới được mang tên Ma-gien-lan?

a. Mũi cực Nam của Nam Mĩ.
b. Mũi cực Nam của châu Phi.
c. Eo biển giữa châu Á và Bắc Mĩ.
d. Eo biển giữa châu Âu và châu Á.

Câu 8. Cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?

a. Tăng lữ, quý tộc.
c. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc.
b. Công nhân, quý tộc.
d. Thương nhân, quý tộc.

Câu 9. Nước nào đi đầu trong cuộc phát kiến địa lí?

a. Anh, Pháp.
c. Đức, Ý.
b. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
d. Pháp, Bồ Đào Nha.

Câu 10. Ma-gien-lan là người nước nào?

a. Bồ Đào Nha.
c. Tây Ban Nha.
b. Italia (Ý).
d. Anh.

Câu 11. Phát kiến địa lí đem lại những kết quả gì cho giai cấp tư sản châu Âu?

a. Thúc đẩy thương nghiệp châu Âu phát triển.
b. Đem lại cho giai cấp tư sản châu Âu những nguồn nguyên liệu quý giá, những kho vàng, bạc, châu báu khổng lồ.
c. Chiếm đoạt được những vùng đất mênh mông ở châu Á, châu Phi và châu Mĩ.
d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 12. Sau cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV, người nông nô như thế nào?

a. Được hưởng thành quả do phát kiến mang lại.
b. Được ấm no vì của cải xã hội ngày càng nhiều.
c. Bị thất nghiệp vì phải làm thuê cho tư sản.
d. Bị trở thành những người nô lệ.

Câu 13. Chủ nghĩa tư bản ở châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

a. Các thành thị trung đại.
b. Thu vàng bạc, hương liệu từ Ấn Độ và phương Đông.
c. Sự phá sản của chế độ phong kiến.
d. Vốn và công nhân làm thuê.

Câu 14. Vì sao người nông nô phải làm thuê trong các xí nghiệp của tư bản??

a. Họ thấy vào xí nghiệp tư bản dễ sống hơn.
b. Họ bị tư bản và phong kiến cướp ruộng đất.
c. Họ không muốn lao động bằng nông nghiệp.
d. Vì những lí do trên.

Câu 15. Giai cấp tư sản được hình thành từ đâu?

a. Địa chủ giàu có.
c. Thương nhân giàu có.
b. Chủ xưởng, chủ đồn điền.
d. Câu b và c đúng.

Câu 16. Phong trào "rào đất cướp ruộng" xuất hiện đầu tiên ở nước nào?

a. Nước Anh.
c. Nước Đức.
b. Nước Pháp.
d. Nước Nga.

BÀI 3
CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI ĐẠI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI Ở CHÂU ÂU

A. Kiến thức cơ bản:

1. Phong trào Văn hóa Phục hưng (thế kỉ XIV - XVII)

Trên cơ sở phát hiện những thành tựu của Văn hóa Hi Lạp-Rô-ma cổ đại, ở các nước Tây Âu đã dấy lên phong trào đấu tranh Văn hóa rộng khắp, chống lại sự kìm hãm của chế độ phong kiến. Những tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật đương thời, một mặt chống lại những giáo lí, trật tự của xã hội phong kiến, mặt khác đề cao những giá trị chân chính, quyền tự do của con người, đề cao vai trò của khoa học - kĩ thuật trong sự phát triển của xã hội loài người.

- Phong trào Văn hóa Phục hưng thực sự mở ra một thời kì mới cho sự phát triển của Văn hóa châu Âu và nhân loại.

- Phong trào này nổi lên các danh nhân kiệt xuất như Ra-bơ-le, Sếch-xpia, Cô-péc-ních, Đê-các-tơ, Lê-ô-na đơ Vanh-xi....

2. Phong trào cải cách tôn giáo

Trên cái nền của phong trào Văn hóa Phục hưng, giai cấp tư sản đang lên đã nhận thấy giáo hội Ki-tô là một thế lực cản trở bước tiến của họ. Tư tưởng cải cách hình thành và lan rộng, tạo nên sự phân chia thành hai giáo phái: cựu và tân, đấu tranh lẫn nhau.

Cuộc đấu tranh này đã trở thành động lực của một phong trào đấu tranh vũ trang lớn mà lịch sử gọi chung là "chiến tranh nông dân"

- Người khởi xướng phong trào cải cách tôn giáo là M. Lu-thơ (người Đức), sau đó nhanh chóng lan sang Thụy Sĩ, Pháp, Anh v.v....

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Hệ tư tưởng của chế độ phong kiến châu Âu là gì?

a. Phật giáo. c. Hồi giáo. b. Ki-tô giáo. d. Ấn Độ giáo.

Câu 2. Giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại hệ tư tưởng của đạo nào?

a. Đạo Hồi c. Đạo Phật. b. Đạo Ki-tô. d. Ấn Độ giáo.

Câu 3. Phong trào Văn hoá Phục hưng diễn ra trong khoảng thời gian nào?

a. Thế kỉ XIV-XVII. c. Cuối thế kỉ XIV-XVII.
b. Giữa thế kỉ XIV-XVII. d. Đầu thế kỉ XVII-XVIII.

Câu 4. Quê hương của phong trào Văn hóa Phục hưng là nước nào?

a. Nước Pháp c. Nước Ý. b. Nước Bỉ. d. Nước Anh.

Câu 5. Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài mà người ta gọi là:

a. "Những người vĩ đại" c. "Những người xuất chúng"

b. "Những người thông minh" d. "Những người khổng lồ"

Câu 6. Nội dung của phong trào Văn hoá Phục hưng là gì?

a. Phê phán xã hội phong kiến và giáo hội.

c. Đề cao giá trị con người.

b. Đề cao khoa học tự nhiên.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 7. "Ông đã chứng minh được trung tâm hệ thống hành tinh chúng ta là Mặt Trời, Trái Đất tự xoay xung quanh trục của nó và xoay xung quanh Mặt Trời". Ông là ai?

a. Cô-péc-ních. c. Đê-các-tơ.

b. Ga-li-lê. d. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

Câu 8. "Ông cho rằng Mặt Trời không phải là trung tâm của vũ trụ mà chỉ là trong vô số thái dương hệ". Ông là ai?

a. Cô-péc-ních. c. Đê-các-tơ. b. Bru-nô. d. Ga-li-lê.

Câu 9. Ai là người đã chứng minh được tính khoa học vững chắc của thuyết Nhật tâm của Cô-péc-ních?

a. Bru-nô. c. Đê-các-tơ.

b. Ga-li-lê. d. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

Câu10. Qua các tác phẩm của mình, các tác giả thời Phục hưng muốn nói lên điều gì?

a. Lên án nghiêm khắc giáo hội Ki-tô.

b. Đề cao giá trị chân chính của con người.

c. Đả phá trật tự xã hội phong kiến.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 11. Phong trào Văn hóa Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến mà còn là:

a. "Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại". c. Cuộc cách mạng văn hoá.

b. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản. d. Cuộc cách mạng tư sản.

Câu 12. Phong trào cải cách tôn giáo nổ ra trước tiên ở nước nào?

a. Nước Pháp. c. Nước Thụy Sĩ.

b. Nước Đức. d. Nước Anh.

Câu 13. Ai là người khởi xướng phong trào cải cách tôn giáo?

a. Lu-thơ. b. Can-vanh. c. Ga-li-lê. d. Cô-péc-ních.

Câu 14. Phong trào cải cách tôn giáo nổ ra đầu tiên ở nước nào?

a. Nước Pháp. b. Nước Đức. c. Nước Thụy Sĩ. d. Nước Anh.

Câu 15. Vì sao xuất hiện phong trào cải cách tôn giáo?

a. Giáo hội tăng cường bóc lột nhân dân.

b. Giáo hội là lực lượng cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản đang lên.

c. Giáo hội dựa vào kinh thánh của đạo Ki-tô bóc lột nhân dân về mặt tinh thần

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 16. Ông đã kịch liệt lên án những hành vi tham lam và đồi bại của giáo hoàng, chỉ trích mạnh mẽ những giáo lý giả dối của Giáo hội, đòi bãi bỏ những thủ tục, lễ nghi phiền toái, đòi quay về với giáo lý Ki-tô nguyên thuỷ. Ông là ai?

a. M.Lu-thơ. c. U.Sếch-xpia.

b. G.Can-vanh. d. N.Cô-péc-ních.

Câu 17. Trong giáo lý của mình, Lu-thơ chủ trương vấn đề gì?

a. Lên án những hành vi của giáo hoàng.

b. "Cứu vớt con người bằng lòng tin".

c. Chỉ trích giáo lí giả dối của Giáo hội.

d. Phủ nhận vai trò thống trị của Giáo hội.

Câu 18. Nội dung của phong trào nông dân Đức là gì?

a. Đòi cải cách tôn giáo. b. Đòi thủ tiêu chế độ phong kiến.

c. Đòi xóa bỏ lãnh địa phong kiến. d. Đòi giải phóng nông nô.

BÀI 4

TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

A. Kiến thức cơ bản

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc

- Sau hàng ngàn năm xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội, đến thời Xuân Thu- Chiến Quốc (khoảng thế kỉ VIII-V TCN), nhờ sự phát minh ra thuật luyện sắt, cải tiến sản xuất nông nghiệp, mở rộng ruộng đồng, nền kinh tế của Trung Quốc phát triển nhanh chóng. Trên cơ sở đó, xã hội Trung Quốc cũng đổi thay, dần dần phân hóa thành hai giai cấp mới: giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân. Quan hệ sản xuất phong kiến hình thành.

2. Xã hội Trung Quốc thời Tần - Hán

- Trải qua nhiều cuộc xung đột lớn giữa các Vương quốc ở các vùng khác nhau đến cuối thế kỉ III TCN, nhà Tần đã thống nhất được Trung

Quốc, mở đầu một giai đoạn mới, giai đoạn hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc.

- Thời Tần - Hán đã thực hiện nhiều chính sách nhằm củng cố và phát triển kinh tế.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần - Hán:

Cấp Trung ương, cấp địa phương và bước đầu hình thành thể chế chính trị tương ứng với quan hệ sản xuất phong kiến Trung Quốc.

- Nhà Hán xóa bỏ chế độ pháp luật hà khắc của nhà Tần, giảm nhẹ tô thuế, sưu dịch cho nông dân... phát triển sản xuất nông nghiệp nhờ thế kinh tế phát triển, xã hội ổn định.

- Nhà Hán thực hiện chính sách bành trướng, xâm lược.

3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường

- Nhà nước quân chủ chuyên chế được xác lập và ngày càng hoàn chỉnh, nền kinh tế phong kiến ngày càng phát triển và mở rộng. Đến thế kỉ VII - VIII, dưới thời Đường, Trung Quốc đã trở thành quốc gia cường thịnh nhất châu Á.

- Tổ chức bộ máy Nhà nước được hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. Chế độ tuyển dụng quan lại bằng hình thức thi cử biểu hiện của sự tiến bộ và chính sách trọng người tài.

- Sự phát triển kinh tế cao hơn các triều đại khác về mọi mặt.

- Chính sách đối ngoại: luôn tìm cách mở rộng bờ cõi bằng những cuộc chiến tranh xâm lược các nước láng giềng.

4. Trung Quốc thời Tống - Nguyên

- Nhà Tống có công thống nhất lại Trung Quốc sau hơn nửa thế kỉ loạn lạc và thi hành một số chính sách nhằm ổn định đất nước...

+ Thời Tống có nhiều phát minh quan trọng như la bàn, thuốc súng, nghề in...

- Dưới thời Nguyên, người Mông Cổ thi hành nhiều biện pháp phân biệt đối xử giữa các dân tộc: người Mông Cổ có địa vị cao, hưởng mọi đặc quyền. Người Hán địa vị thấp, bị cấm đoán đủ điều...

5. Trung Quốc thời Minh - Thanh

- Sự thành lập nhà Minh là kết quả của cuộc khởi nghĩa nông dân do Chu Nguyên Chương khởi xướng và lãnh đạo.

+ Sau đó nhà Minh bị lật đổ bởi cuộc khởi nghĩa của Lí Tự Thành. Lí Tự Thành chưa kịp ăn mừng chiến thắng, Mãn Thanh từ phương Bắc tràn xuống chiếm toàn bộ Trung Quốc và lập ra nhà Thanh.

- Dưới các triều đại Tống, Nguyên, Minh, xã hội phong kiến Trung Quốc tiếp tục phát triển về mọi mặt và giữ vững vị trí hùng cường của mình.

Tuy nhiên, đến cuối thời Minh (các thế kỉ XVI -XVII), những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa hình thành ở các đô thị và từng bước phát triển. Chế độ phong kiến Trung Quốc chuyển dần sang giai đoạn suy thoái.

Cũng như tình hình ở các nước khác, xã hội phong kiến Trung Quốc trải qua nhiều biến động lớn. Vào cuối các triều đại lớn như Đường, Tống, Nguyên, Minh, mâu thuẫn giai cấp giữa nông dân và địa chủ, quan lại trở nên sâu sắc, đã làm bùng lên những cuộc khởi nghĩa lớn, hoặc dẫn đến sự sụp đổ của các triều đại đang thống trị hoặc các cuộc xâm lược và thống trị của các bộ tộc láng giềng cùng sự ra đời của các triều đại mới.

6. Văn hóa, khoa học - kĩ thuật Trung Quốc thời phong kiến

- Nho giáo là hệ tư tưởng và đạo đức thống trị xã hội Trung Quốc thời phong kiến.

Với tư cách là một quốc gia rộng lớn, có lịch sử lâu đời lại có một nền văn minh rất xa xưa, trải qua các thế kỉ phong kiến, Trung Quốc đã tạo nên nhiều thành tựu khoa học - kĩ thuật quý giá như giấy viết, nghề in, la bàn, thuốc súng v.v... cùng nhiều thành tựu văn học, đặc biệt là thơ Đường, nghệ thuật, triết học, y học, các công trình kiến trúc hoành tráng, đa dạng.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Người Trung Quốc đã xây dựng nhà nước đầu tiên của mình trên vùng đồng bằng nào?

a. Đồng bằng Hoa Bắc.
b. Đồng bằng Hoa Nam.
c. Đồng bằng Châu thổ Trường Giang.
d. Đồng bằng Châu thổ sông Hoàng Hà.

Câu 2. Sự xuất hiện công cụ bằng sắt ở Trung Quốc vào giai đoạn lịch sử nào?

a. Thời Xuân Thu-Chiến Quốc.
b. Thời Tam quốc.
c. Thời Tây Tấn.
d. Thời Đông Tấn.

Câu 3. Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động đến xã hội làm cho xã hội Trung Quốc có những sự thay đổi như thế nào?

a. Giai cấp địa chủ xuất hiện.
b. Nông dân bị phân hoá.
c. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ.
d. Câu a và b đúng.

Câu 4. Công cụ bằng sắt xuất hiện đã có ảnh hưởng gì đến kinh tế?

a. Diện tích gieo trồng được mở rộng.
b. Năng suất lao động tăng.
c. Mở rộng khai hoang vùng rừng núi.
d. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 5. Xã hội phong kiến Trung Quốc được hình thành dần dần từ thế kỉ nào?

a. Thế kỉ thứ nhất TCN.
b. Thế kỉ thứ hai TCN.
c. Thế kỉ thứ ba TCN.
d. Hai nghìn năm TCN.

Câu 6. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ cày gọi là:

a. Nông dân tự canh. c. Nông dân làm thuê.

b. Nông dân lĩnh canh. d. Nông nô.

Câu 7. Chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại để cai trị, ban hành một chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất cho cả nước, gây chiến tranh, mở rộng lãnh thổ về phía Bắc và phía Nam. Đó là chính sách của triều đại nào ở Trung Quốc?

a. Nhà Tần (221-206 TCN). c. Nhà Tùy (589-618).

b. Nhà Hán (206 TCN đến 220). d. Nhà Đường (618-907).

Câu 8. Công trình phòng ngự nổi tiếng của nhân dân Trung Quốc được xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là gì?

a. Vạn lý trường thành. c. Ngọ môn.

b. Tử cấm thành. d. Lũy Trường Dục.

Câu 9. Tần Thủy Hoàng đã thống nhất Trung Quốc vào năm nào?

a. Năm 221 TCN. c. Năm 231 TCN.

b. Năm 222 TCN. d. Năm 232 TCN.

Câu 10. Công cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần có ý nghĩa gì?

a. Chấm dứt thời kì chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.

b. Tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.

c. Tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.

d. Câu a và c đúng.

Câu 11. Pháp luật Pháp đã được áp dụng thống nhất trên lãnh thổ Trung Hoa lần đầu tiên vào triều đại phong kiến nào?

a. Triều đại phong kiến Nhà Tần. b. Triều đại phong kiến Nhà Hán.

c. Triều địa phong kiến Nhà Đường. d. Triều địa phong kiến Nhà Minh.

Câu 12. Xoá bỏ chế độ pháp luật hà khắc của nhà Tần, giảm nhẹ tô thuế và sưu dịch cho nông dân, khuyến khích họ nhận ruộng cày cấy và khai hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp. Đó là việc làm của triều đại nào?

a. Triều đại phong kiến Nhà Hán. b. Triều đại phong kiến Nhà Đường

c. Triều đại phong kiến Nhà Tống. d. Triều đại phong kiến Nhà Nguyên

Câu 13. Tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện từ Trung ương đến địa phương, chế độ tuyển dụng quan lại bằng hình thức thi cử là biểu hiện của sự tiến bộ và chính sách trọng người tài. Đó là sự phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc dưới triều đại nào?

a. Triều đại phong kiến Nhà Tần.

b. Triều đại phong kiến Nhà Hán.

c. Triều đại phong kiến Nhà Đường.

d. Triều đại phong kiến Nhà Minh.

Câu 14. Dưới thời Đường, đời sống của nông dân và sản xuất nông nghiệp như thế nào?

a. Nông dân mất ruộng, sản xuất nông nghiệp sa sút.

b. Nông dân có ruộng cày cấy, sản xuất nông nghiệp phát triển.

c. Nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất, sản xuất nông nghiệp trì trệ.

d. Nông dân được cấp ruộng, sản xuất nông nghiệp được mùa bội thu.

Câu 15. Biện pháp tuyển chọn nhân tài dưới thời Đường như thế nào?

a. Các quan đại thần tiến cử người tài giỏi cho triều đình.

b. Mở trường học chọn ngay từ nhỏ, chủ yếu là con em quan lại.

c. Mở nhiều khoa thi.

d. Vua trực tiếp tuyển chọn.

Câu 16. Dưới triều đại nào Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á?

a. Triều đại phong kiến Nhà Tần. b. Triều đại phong kiến Nhà Đường.

c. Triều đại phong kiến Nhà Minh. d. Triều đại phong kiến Nhà Thanh.

Câu 17. Chế độ ruộng đất nổi tiếng dưới thời nhà Đường được gọi là?

a. Chế độ công điền. c. Chế độ quân điền.

b. Chế độ tịch điền. d. Chế độ lĩnh canh.

Câu 18. Tình trạng chia cắt loạn lạc sau thời Đường trước thời Tống ở Trung Quốc được sử sách gọi là gì?

a. Thời Đông Tấn. c. Thời Tam quốc.

b. Thời Ngũ Đại. d. Thời Tây Tấn.

Câu 19. Đến thời Tống, người Trung Quốc đã có nhiều phát minh quan trọng, đó là gì?

a. Kĩ thuật luyện đồ kim loại.

b. Đóng tàu, chế tạo súng.

c. Thuốc nhuộm, thuốc in.

d. La bàn, thuốc súng, nghề in, giấy viết.

Câu 20. Triều đại phong kiến nhà Minh ở Trung Quốc do ai lập ra?

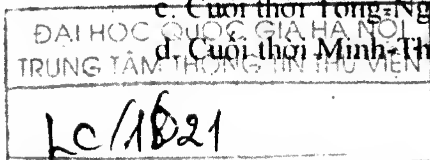
a. Lý Tự Thành. c. Hốt Tất Liệt.

b. Chu Nguyên Chương. d. Lưu Bang.

Câu 21. "Vua chỉ biết đục khoét nhân dân để sống xa hoa, truy lạc. Còn những người nông dân và thợ thủ công thì không những phải nộp tô, thuế nặng nề mà còn bị đi lính, đi phu, xây dựng nhiều công trình đồ sộ, tốn kém như cố cung ở Kinh đô, Bắc Kinh". Đó là tình hình xã hội phong kiến Trung Quốc triều đại nào?

a. Cuối thời Tần-Hán. c. Cuối thời Tống-Nguyên.

b. Cuối thời Đường. d. Cuối thời Minh-Thanh.



Câu 22. Hãy kể tên một số nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Đường?

a. Tư Mã Thiên, Đổng Trọng Thư, Ngô Thừa Ân.

b. La Quán Trung, Tào Tuyết Cần, Bạch Cư Dị.

c. Đỗ Phủ, Lý Bạch, Ngô Thừa Ân.

d. Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị.

BÀI 5
ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

A. Kiến thức cơ bản

1. Những trang sử đầu tiên

- Sông Ấn và sông Hằng có vai trò to lớn trong sự hình thành và phát triển của nền văn minh sông Ấn

- Dọc hai bờ của sông Ấn, khoảng 2.500 năm TCN xuất hiện thành thị của người Ấn. Khoảng 1.500 năm TCN một số thành thị hình thành trên lưu vực sông Hằng. Những thành thị - tiểu Vương quốc này dần dần liên kết với nhau thành nhà nước rộng lớn - nước Ma-ga-đa. Thế kỉ VI TCN đạo Phật ra đời. Cuối thế kỉ III TCN, A-sô-ca đưa Ma-ga-đa trở nên một đất nước hùng mạnh.

Từ sau thế kỉ III TCN, Ấn Độ bị phân chia thành nhiều quốc gia nhỏ. Đến đầu thế kỉ IV mới được thống nhất dưới Vương triều Gúp-ta.

2. Ấn Độ thời phong kiến

- Trải qua hàng ngàn năm tồn tại, phải đến thế kỉ IV - dưới thời Vương triều Gúp-ta, Ấn Độ mới thống nhất thành một quốc gia rộng lớn.

Với sự xuất hiện và phát triển nghề rèn sắt và các nghề luyện kim khác, kinh tế Ấn Độ nhanh chóng được nâng cao và trên cơ sở đó, những quan hệ sản xuất phong kiến hình thành và thống trị.

- Trải qua nhiều thế kỉ tồn tại, Ấn Độ đã từng bị người Thổ Nhĩ Kì xâm lược và thống trị với Vương triều hồi giáo Đê-li và sau đó là Vương triều Mô-gôn của người Mông Cổ. Mặc dù có một thời kì ổn định do chính sách hoà hợp tôn giáo của Nhà nước, đến thế kỉ IX, Ấn Độ phong kiến suy yếu và bị nước Anh xâm chiếm.

3. Văn hoá Ấn Độ

- Ấn Độ là nước có nền văn hoá lâu đời và là một trong những trung tâm văn minh lớn của loài người.

+ Chữ viết. Người Ấn Độ đã có chữ viết của mình từ rất sớm, phổ biến nhất là chữ Phạn.

- Các bộ kinh khổng lồ: Kinh Vê-đa của đạo Bà-la-môn và đạo Hin-đu, kinh Phật.

- Văn học với các thể loại: giáo lý, luật pháp, sử thi, kịch thơ....

- Nghệ thuật kiến trúc: Chịu ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo (Kiến trúc Hin-du, kiến trúc Phật giáo).

- Trên đất Ấn Độ tồn tại hàng vạn công trình nghệ thuật độc đáo; điều đó không chỉ phản ánh trình độ văn hoá phát triển của Ấn Độ mà còn là những mẫu mực cho nghệ thuật của các nước Đông Nam Á.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Những thành thị đầu tiên của người Ấn Độ xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

a. 1000 năm TCN — c. 2000 năm TCN.

b. 1500 năm TCN. — d. 2500 năm TCN.

Câu 2. Những thành thị cổ nhất của người Ấn xuất hiện ở đâu?

a. Lưu vực sông Ấn. — c. Miền Đông Bắc Ấn

b. Lưu vực sông Hằng. — d. Miền Nam Ấn.

Câu 3. Vương quốc Ma-ga-đa xuất hiện ở khu vực nào của Ấn Độ?

a. Hạ lưu sông Hằng. — c. Hạ lưu sông Ấn.

b. Thượng lưu sông Hằng. — d. Thượng lưu sông Ấn.

Câu 4. Tôn giáo nào giữ vai trò quan trọng trong quá trình thống nhất Vương quốc Ma-ga-đa?

a. Ấn Độ giáo. — c. Hồi giáo.

b. Phật giáo. — d. Thiên Chúa giáo.

Câu 5. Đạo Phật ra vào thời gian nào đời ở Ấn Độ?

a. Thế kỉ III TCN. — c. Thế kỉ V TCN.

b. Thế kỉ IV TCN. — d. Thế kỉ VI TCN.

Câu 6. Đến thế kỉ III TCN, đất nước Ma-ga-đa trở nên hùng mạnh nhất dưới thời vua nào?

a. A-cơ-ba. — c. Sa-mu-dra-gup-ta.

b. A-sô-ca — d. Mi-hi-ra-cu-la.

Câu 7. Sau thời kì phân tán loạn lạc (thế kỉ III TCN đến đầu thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất lại dưới Vương triều nào?

a. Vương triều Gup-ta — c. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn.

b. Vương triều Hồi giáo Đê-li. — d. Vương triều Hác-sa.

Câu 8. Trong lịch sử trung đại Ấn Độ, Vương triều nào được xem là giai đoạn thống nhất và thịnh vượng nhất?

a. Vương triều Gup-ta. — c. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn.

b. Vương triều Hồi giáo Đê-li. — d. Vương triều Hác-sa.

Câu 9. Điều nào chứng tỏ trình độ phát triển cao của nghề luyện ı kin dưới Vương triều Gup-ta?

a. Đúc được cột sắt không rỉ, tượng Phật bằng đồng cao 2m.
b. Dúc được cột sắt, đúc tượng Phật bằng sắt cao 2m.
c. Nghề khai mỏ phát triển, khai thác sắt, đồng, vàng.
d. Đúc một cột sắt cao 7,25m nặng 6500 kg.

Câu 10. Vương triều Hồi giáo Đê-li do người nào lập nên?

a. Người Ấn Độ. c. Người Mông Cổ.
b. Người Thổ Nhĩ Kì. d. Người Trung Quốc.

Câu11. Sự giống nhau giữa Vương quốc Hồi giáo Đê-li và Vương qquốc Mô-gôn là gì?

a. Cùng theo đạo Phật.
b. Cùng theo đạo Hồi.
c. Đều là Vương triều của người nước ngoài.
d. Đều là dân cư có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kì.

Câu 12. Dưới vương triều Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XII-XVI) cấm ddoán nghiệt ngã đạo gì?

a. Đạo Phật. c. Đạo Hin-đu.
b. Đạo Thiên Chúa. d. Đạo Bà La Môn.

Câu 13. Vương triều Ấn Độ-Mô-gôn có một vị vua kiệt xuất, ông là ai??

a. A-cơ-ba. c. Sa-mu-dra-gup-ta.
b. A-sô-ca. d. Mi-hi-ra-cu-la.

Câu 14. Dưới sự trị vì của mình, A-cơ-ba (1556-1605) đã thi hành nhhiều biện pháp tiến bộ. Đó là những biện pháp gì?

a. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo.
b. Thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo.
c. Khôi phục và phát triển kinh tế Ấn Độ.
d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 15. Kinh Vê-đa được viết bằng chữ gì?

a. Chữ Phạn. c. Chữ Nho.
b. Chữ tượng hình. d. chữ Hin-du.

Câu 16. Người Ấn Độ đã có chữ viết riêng của mình từ rất sớm, phổ biến nhấất là chữ gì?

a. Chữ Nho. b.Chữ tượng hình. c. Chữ Phạn. d. Chữ Hin-đu.

Câu 17. Kinh Vê-đa là bộ kinh cầu nguyện xưa nhất của đạo nào?

a. Đạo Phật. c. Đạo Hồi.
b. Đạo Bà La Môn và Đạo Hin-đu. d. Đạo Thiên Chúa.

Câu 18. Hai bộ sử thi nổi tiếng nhất của Ấn Độ thời cổ đại là?

a. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na. b. Ma-ha-bha-ra-ta và Prit-si-cat..
c. Ra-ma-ya-na và Xat-sai-a. d. Ra-ma-ya-na và Mê-ga-đu-ta.

BÀI 6
CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

A.. Kiến thức cơ bản

1. Sự hình thành các Vương quốc cổ ở Đông Nam Á

- Đông Nam Á gồm có 10 nước.

- Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn gồm nhiều đảo, bán đảo, đất ven biển, có những điều kiện tự nhiên thuận lợi giống nhau như: hằng năm có gió mùa, mưa thuận gió hoà thích hợp cho trồng trọt và chăn nuôi. Từ sớm, trên vùng đất Đông Nam Á đã có con người sinh sống và trong quá trình lao động, dân cư địa phương đã phát minh ra nghề luyện kim, nghề trồng lúa cùng các loại rau quả, chăn nuôi súc vật.

- Trong khoảng 10 thế kỉ TCN, trên vùng đất Đông Nam Á đã hình thành hàng loạt các quốc gia cổ đại.

2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

- Từ nửa sau thế kỉ X - XVIII là thời kì phát triển thịnh vượng của chế độ phong kiến của các quốc gia Đông Nam Á, chủ yếu trên vùng bán đảo In-đô-nê-xi-a, bán đảo Đông Dương, lưu vực sông I-ra-oa-di, lưu vực sông Mê Nam, lưu vực sông Mê Công v.v... Lịch sử các quốc gia này trải qua nhiều biến động, khó khăn, đặc biệt từ các thế kỉ XVII-XVIII, khi các nước tư bản phương Tây bành trướng thế lực sang phương Đông, nửa sau thế kỉ XVIII, các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bước vào thời kì suy yếu, mặc dù xã hội phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại cho tới khi trở thành thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

3. Vương quốc Cam-pu-chia

- Cam-pu-chia là một trong những nước có lịch sử lâu đời và phát triển nhất Đông Nam Á thời cổ - trung đại.

- Nhà nước của tộc người Khơ-me hình thành gọi là Chân Lạp, chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Ấn Độ, trải qua một thời kì phát triển lâu dài, Vương quốc Cam-pu-chia đã có một thời hoàng kim với tên gọi là thời kì Ăng-co, để lại nhiều di sản văn hoá quý giá như đền tháp Ăng-co Vát, Ăng-co Thom.

Sau thời kì Ăng-co, Cam-pu-chia bước vào giai đoạn suy yếu kéo dài tới khi thực dân Pháp xâm lược 1863.

4. Vương quốc Lào

- Chủ nhân cổ nhất của nước Lào là người Khạ, sau này gọi là người Lào Thơng. Họ là chủ nhân của các nền văn hoá đồ đá, đồ đồng và đồ sắt có từ hàng ngàn năm trước. Mãi đến thế kỉ XIII, mới có nhóm người nói tiếng Thái di cư đến đây gọi là người Lào Lùm.

Cuộc di thiên này mang tính chất hoà hợp, không có xung đột xảy ra. Sự liên kết của các bộ tộc Lào là nhân tố chủ yếu dẫn tới sự thành lập nước Lạn Xạng.

- Thời thịnh vượng của nước Lạn Xạng là thế kỉ XV- đầu thế kỉ XVIII, nhất là dưới triều vua Xu-li-nha-vông-xa. Thời này, quân và dân Lào đã 3 lần đánh thắng quân xâm lược Miến Điện.

- Từ nửa sau thế kỉ XVIII, Lạn Xạng suy yếu dần trở thành một tỉnh của Xiêm cho đến khi Pháp xâm lược và biến Lào thành thuộc địa.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu1. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt đó là:

a. Mùa khô và mùa hanh. c. Mùa đông và mùa xuân.

b. Mùa khô và mùa mưa. d. Mùa thu và mùa hạ.

Câu 2. Dựa vào yếu tố tự nhiên nào, cư dân Đông Nam Á từ xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây ăn quả, ăn củ khác?

a. Mùa khô tương đối lạnh, mát. c. Gió mùa kèm theo mưa.

b. Mùa mưa tương đối nóng. d. Khí hậu mát, ẩm.

Câu 3. Đến những thế kỉ đầu công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng kim loại gì?

a. Sắt. c. Vàng. b. Đồng. d. Thiếc.

Câu 4. Vương quốc Cham-pa được thành lập ở vùng nào Đông Nam Á?

a. Hạ lưu sông Mê Công. c. Hạ lưu sông Mê Nam.

b. Trung Bộ Việt Nam. d. Các đảo của In-đô-nê-xi-a.

Câu 5. Vương quốc Phù Nam được thành lập tại vùng nào của Đông Nam Á?

a. Trung Bộ Việt Nam. c. Hạ lưu sông Mê Công.

b. Hạ lưu sông Mê Nam. d. Thượng nguồn sông Mê Công.

Câu 6. Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?

a. Đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII

b. Giữa thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

c. Nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

d. Cuối thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

Câu 7. In-đô-nê-xi-a được thống nhất dưới Vương triều nào ?

a. Xu-ma-tơ-ra. b. Gia-va. c. Mô-giô-pa-hit. d. b + c đúng.

Câu 8. Vương quốc Pa-gan là tiền thân của quốc gia nào hiện nay?

a. Cam-pu-chia. b. Lào. c. Phi-líp-pin. d. Mi-an-ma.

Câu 9. Vương quốc Su-khô-thay là tiền thân của quốc gia nào hiện nay?

a. Thái Lan. b. Mi-an-ma c. Ma-lai-xi-a. d. Xin-ga-po

Câu 10. Vương quốc Lạn Xạng (Lào) ra đời từ giai đoạn nào?

a. Đầu thế kỉ XIV. c. Nửa sau thế kỉ XIV.

b. Giữa thế kỉ XIV. d. Cuối thế kỉ XIV.

Câu 11. Từ thế kỉ XIII, do sự di thiên của người Thái từ phía bắc xuống phía nam đã dẫn tới sự hình thành hai quốc gia mới đó là?

a. Đại Việt và Cham-pa b. Pa-gan và Chăm-pa.

c. Su-khô-thay và Lạn Xạng d. Mô-giô-pa-hit và Gia-va.

Câu 12. Giữa thế kỉ XIX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây, trừ nước nào?

a. Việt Nam. b. Thái Lan. c. Phi-lip-pin. d. Xin-ga-po.

Câu 13. Quốc gia nào có lịch sử lâu đời và phát triển nhất Đông Nam Á thời cổ-trung đại ?

a.Thái Lan b. Việt Nam. c. Cam-pu-chia. d. Lào.

Câu 14. Người Khơ-me thành lập Vương quốc đầu tiên của mình có tên là gì?

a. Ăng-co. b. Chân Lạp. c. Chăm-pa. d. Pa-gan.

Câu 15. Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia, còn gọi là thời kì Ăng-co kéo dài trong bao lâu?

a. Thế kỉ IX đến thế kỉ XII. c. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIV.

b. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIII d. Thế kỉ IX đến thế kỉ XV.

Câu 16. Những sự kiện nào chứng tỏ thời kì Ăng-co đất nước Cam-pu-chia rất phát triển ?

a. Nông nghiệp phát triển

b. Dùng vũ lực mở rộng lãnh thổ về phía đông, sang hạ lưu sông Mê Nam và vùng trung lưu Mê Công.

c. Kinh đô Ăng-co được xây dựng như một thành phố với những đền tháp đồ sộ và độc đáo, nổi tiếng thế giới.

d. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 17. Chủ nhân đầu tiên sống trên đất Lào là tộc người nào?

a. Lào Thơng. c. Người Thái.

b. Lào Lùm. d. Người Khơ-me.

Câu 18. Các bộ lạc Lào tập hợp và thống nhất thành quốc gia vào thời gian nào?

a. Năm 1350. b. Năm 1351. c. Năm 1352. d. Năm 1353

Câu 19. Vương quốc Lạn Xạng bước vào thời kì thịnh vượng ở các thế kỉ nào?

a. Thế kỉ XIV-XV. c. Thế kỉ XV-XVII.

b. Thế kỉ XV-XVI. d. Thế kỉ XV-XVIII.

Câu 20. Vương quốc Lạn Xạng có chính sách ngoại giao như thế nào vớvới Đại Việt và Cam-pu-chia?

a. Đưa quân đánh Đại Việt và Cam-pu-chia.

b. Giữ quan hệ hoà hiếu với Đại Việt và Cam-pu-chia.

c. Giữ quan hệ hoà hiếu với Đại Việt và lấn chiếm Cam-pu-chia

d. Lấn chiếm Đại Việt và giữ quan hệ hoà hiếu với Cam-pu-chia.

BÀI 7

NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN

A. Kiến thức cơ bản

1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến

- Chế độ phong kiến là một thời kì lớn trong lịch sử loài người, tồn tại ở ở cả phương Đông và phương Tây. Tuy nhiên, ở phương Đông, xã hội phongiế kiến hình thành sớm hơn (thế kỉ III TCN đến khoảng thế kỉ X) tồn tại lâu dàiài và từng bước suy vong để rồi trở thành thuộc địa và nửa thuộc địa của cácic nước tư bản chủ nghĩa phương Tây (giữa thế kỉ XIX).

Trong lúc đó, xã hội phong kiến hình thành ở phương Tây muộn hơnn (thế kỉ V) nhưng phát triển nhanh hơn, chủ yếu từ các đô thị và khi chuyểnn sang giai đoạn suy vong (thế kỉ XV - XVI) cũng là lúc chủ nghĩa tư bản raa đời và phát triển.

2. Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến

- Cơ sở kinh tế ở phương Đông và phương Tây nền kinh tế nông nghiệpp là chủ yếu. Một nền nông nghiệp đóng kín, tự túc tự cấp là chính. Ở phươngg Đông sản xuất nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn, ở phương Tây đóng kín trong các lãnh địa.

- Xã hội phong kiến ở phương Đông và phương Tây đều có 2 giai cấp (thân phận của mỗi giai cấp không giống nhau).

+ Ở phương Đông: địa chủ và nông dân.

+ Ở Phương Tây: Lãnh chúa và nông nô.

- Phương thức bóc lột: đều bóc lột bằng tô thuế. Tuy nhiên, nếu như phương Đông, thành thị ra đời muộn và ít phát triển thì ở phương Tây, thành thị ra đời sớm và phát triển nhanh chóng tương đối tự do, dẫn đến sự hình thành của chủ nghĩa tư bản.

3. Nhà nước phong kiến

Hình thức nhà nước phổ biến là quân chủ, nhưng ở phương Đông từ sớm đã là quân chủ chuyên chế còn ở phương Tây thì mãi đến thế kỉ XV, khi quốc gia thống nhất, quyền lực mới thực sự tập trung trong tay nhà vua. Nhà nước quân chủ thống nhất được hình thành ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha...

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến phương Đông là gì?

a. Hình thành muộn, phát triển chậm quá trình khủng hoảng suy vong kéo dài.

b. Hình thành sớm, phát triển chậm, quá trình khủng hoảng suy vong kéo dài.

c. Hình thành muộn, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng suy vong nha

d. Hình thành sớm, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng suy vong nhan

Câu 2. Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến châu Âu là gì?

a. Hình thành muộn, phát triển nhanh, ngắn, kết thúc sớm nhường chỗ chủ nghĩa tư bản.

b. Hình thành sớm, phát triển nhanh, kết thúc sớm nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản.

c. Hình thành muộn, phát triển nhanh, kết thúc muộn.

d. Hình thành sớm, phát triển muộn, kết thúc chậm

Câu 3. Xã hội phong kiến phương Đông hình thành trong khoảng thời gian nào?

a. Từ thế kỉ I TCN đến thế kỉ X. b. Từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ X.

c. Từ thế kỉ III TCN đến thế kỉ X. d. Từ thế kỉ IV TCN đến thế kỉ X.

Câu 4. Xã hội phong kiến phương Đông phát triển trong khoảng thời gian nào?

a. Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ XV b. Từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV.

c. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. d. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV.

Câu 5. Xã hội phong kiến châu Âu hình thành trong khoảng thời gian nào?

a. Từ thế kỉ IV đến thế kỉ X. b. Từ thế kỉ V đến thế kỉ X.

c. Từ thế kỉ VI đến thế kỉ X. d. Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

Câu 6. Xã hội phong kiến châu Âu phát triển trong khoảng thời gian nào?

a. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIII. b. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.

c. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV. d. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVI.

Câu 7. Chế độ phong kiến phương Đông khủng hoảng và suy vong trong khoảng thời gian nào?

a. Từ thế kỉ XV cho tới giữa thế kỉ XIX.

b. Từ thế kỉ XVI cho tới giữa thế kỉ XIX.

c. Từ thế kỉ XVI cho tới đầu thế kỉ XIX.

d. Từ thế kỉ XVI cho tới cuối thế kỉ XIX.

Câu 8. Xã hội phong kiến châu Âu suy vong trong khoảng thời gian nào?

a. Thế kỉ XIII-XVI. c. Thế kỉ XV-XVI.

b. Thế kỉ XIV-XVI. d. Thế kỉ XVI-XVII.

Câu 9. Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến phương Đông là gì?

a. Nghề nông trồng lúa nước.

b. Sản xuất nông nghiệp bị bó hẹp, đóng kín trong các công xã nông thôn.

c. Kinh tế nông nghiệp lãnh địa phong kiến.

d. Nghề nông trồng lúa và chăn nuôi.

Câu 10. Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến châu Âu là gì?

a. Nghề nông trồng lúa nước.

b. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn.

c. Kinh tế nông nghiệp đóng kín trong các lãnh địa phong kiến.

d. Nghề nông trồng lúa và chăn nuôi gia súc.

Câu 11. Các giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến phương Đông là:

a. Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

b. Lãnh chúa phong kiến và nông nô.

c. Lãnh chúa phong kiến và nông dân lãnh canh.

d. Địa chủ và nông nô.

Câu 12. Các giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến châu Âu là?

a. Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

b. Lãnh chúa phong kiến và nông nô.

c. Quý tộc địa chủ và nông nô nô tì.

d. Lãnh chúa phong kiến và nông dân lĩnh canh.

Câu 13. Địa chủ, lãnh chúa bóc lột nông dân và nông nô chủ yếu bằng::

a. Đánh thuế.

b. Địa tô.

c. Tô, tức.

d. Làm nghĩa vụ phong kiến.

Câu 14. Thế nào gọi là chế độ quân chủ?

a. Thể chế nhà nước do vua đứng đầu.

b. Thể chế nhà nước quyền lực phân tán.

c. Thể chế nhà nước quyền lực tập trung trong tay địa chủ.

d. Nhà nước phong kiến của địa chủ và lãnh chúa.

Câu 15. Đặc điểm nhà nước phong kiến phương Đông là gì?

a. Nhà nước quân chủ chuyên chế tập trung do vua đứng đầu.

b. Nhà nước phong kiến quyền lực tập trung trong tay giai cấp thống trị.

c. Nhà nước phong kiến phân quyền.

d. Nhà vua trở thành Hoàng Đế hay Đại Vương.

Câu 16. Ở châu Âu từ thế kỉ XV, khi các quốc gia phong kiến thống nhất quyền hành tập trung vào bộ phận nào?

a. Tập trung vào tay quý tộc.

b. Tập trung vào tay các lãnh chúa.

c. Tập trung vào tay vua.

d. Tập trung vào tay bộ máy quan lại thống trị.

PHẦN HAI

LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XIX

Chương I
BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ (THẾ KỈ X)

BÀI 8
NƯỚC TA BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

A. Kiến thức cơ bản

1. Ngô Quyền dựng nền độc lập

- Sau Chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại (938) người anh hùng Ngô Quyề[n] quyết định xưng vương (939) xoá bỏ hệ thống chính quyền cũ, xây dự[ng] nhà nước mới (bỏ chức tiết độ sứ) đóng đô ở Cổ Loa. Đất nước bước đầu [ổn] định, các tướng lĩnh được giao cai quản các địa phương.

2. Tình hình chính trị cuối thời Ngô

- Năm 944, Ngô vương mất, các con của ông không đủ uy tín giữ vữ[ng] chính quyền, nội bộ lục đục, chia rẽ. Các hào trưởng địa phương nhân [cơ] chiếm giữ vùng đất của mình, không thần phục triều đình, đem quân chố[ng] đánh lẫn nhau, gây thành cuộc "loạn 12 sứ quân". Đất nước rơi vào cả[nh] chia cắt, chiến tranh; nhân dân lại phải chịu cảnh khổ cực, chết chóc.

3. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước

- Đất nước trong tình trạng rối ren

- Nhà Tống đang có mưu đồ xâm lược nước ta.

- Trong tình hình rối loạn đó, ở vùng Hoa Lư (Ninh Bình) xuất hiệ[n] nhân vật Đinh Bộ Lĩnh. Ông đã liên kết các bạn chiến đấu, xây dựng lự[c] lượng, quyết tâm đánh dẹp các sứ quân, lập lại nền thống nhất đất nước. Đượ[c] sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân và một số sứ quân có ý thức, Đinh Bộ Lĩ[nh] lần lượt đánh bại các sứ quân. Đất nước trở lại thống nhất trong yên bìn[h]. Công lao to lớn của người anh hùng Đinh Bộ Lĩnh được ghi vào lịch sử.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

***Câu 1.** Kinh đô của nước ta dưới thời Ngô Quyền ở đâu?*

a. Hoa Lư   c. Phú Xuân.   b. Cổ Loa   d. Mê Linh

Câu 2. Tại sao Ngô Quyền không duy trì chính quyền của họ Khúc?

a. Chính quyền họ Khúc về danh nghĩa vẫn thuộc nhà Hán.

b. Ngô Quyền phát triển đất nước thành một Quốc gia độc lập.

c. Ngô Quyền thiết lập một chính quyền mới hoàn toàn của người Việt..

d. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 3. Ngô Quyền đã xây dựng chính quyền độc lập như thế nào?

a. Ngô Quyền xưng vương. b. Bãi bỏ chức tiết độ sứ.

c. Lập triều đình theo chế độ quân chủ. d. Tất cả các câu trên đều đúng..

Câu 4. Bộ máy nhà nước do Ngô Quyền tổ chức là một nhà nước như thế nào?

a. Là một nhà nước đơn giản. b. Là một nhà nước phức tạp.

c. Là một nhà nước rất quy mô. d. Là một nhà nước rất hoàn chỉnh.

Câu 5. Vào thời Ngô Quyền, chức Thứ sử đứng đầu các Châu là:

a. Các tướng lĩnh có công, được Ngô Quyền cử đi cai quản các địa phươngg.

b. Các quan địa phương.

c. Chức quan do Trung Quốc cử sang.

d. a và b đúng.

Câu 6. Ngô Quyền đã cử ai làm Thứ sử Châu Hoan (Nghệ An - Hà Tĩnh) ?

a. Đinh Công Trứ. c. Ngô Xương Ngập.

b. Kiều Công Hãn. d. Ngô Xương Văn.

Câu 7. Loạn 12 sứ quân diễn ra thời điểm nào?

a. Cuối thời nhà Ngô. c. Cuối thời nhà Đinh.

b. Đầu thời nhà Đinh. d. Đầu thời nhà Tiền Lê.

Câu 8. Đinh Bộ Lĩnh người quê ở đâu? Con của ai?

a. Gia Viễn - Ninh Bình - Con cua Đinh Tiên Hoàng.

b. Động Hoa Lư - Gia Viễn - Ninh Bình - Con của Đinh Công Trứ.

c. Đông Anh - Hà Nội - Con của Đinh Kiến.

d. Hưng Nguyên - Nam Đàn - Nghệ An - Con của Đinh Điền.

Câu 9. Dưới thời của Đinh Bộ Lĩnh, đất nước ta đến năm nào được bình yên trở lại?

a. Đầu năm 967 b. Đầu năm 965 c. Cuối năm 965 d. Cuối năm 967

Câu10. Khi Ngô Quyền mất nhường ngôi lại cho ai?

a. Ngô Xương Ngập c. Ngô Xương Xí

b. Ngô Xương Văn d. Đinh Tiên Hoàng

Câu11.Dương Tam Kha đã cướp ngôi của họ Ngô trong hoàn cảnh như thế nào?

a. Tình hình đất nước rối loạn, nguy cơ ngoại xâm.

b. Ngô Quyền mất, con còn trẻ không đủ uy tín và sức mạnh giữ vững chính quyền trung ương. Đất nước lâm vào tình trang không ổn định.

c. Mâu thuẫn trong nội bộ triều đình gay gắt, tranh giành quyền lực.

d. Vua mới còn nhỏ, giao quyền chấp chính cho Dương Tam Kha.

Câu 12. Tình trạng đất nước khi Ngô Xương Văn mất như thế nào?

a. Đất nước bị chia cắt.

b. Các tướng lĩnh chiếm cứ các địa phương đánh lẫn nhau.

c. Nhà Tống lăm le xâm lược.

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 13. "Cờ lau tập trận" là nói về nhân vật nào trong lịch sử Việt Nam

a. Lê Hoàn. c. Đinh Bộ Lĩnh.

b. Trần Quốc Tuấn. d. Trần Thu Độ.

Câu 14. Đinh Bộ Lĩnh xây dựng căn cứ ở đâu?

a. Hoa Lư (Ninh Bình). c. Triệu Sơn (Thanh Hóa).

b. Lam Sơn (Thanh Hóa). d. Cẩm Khê (Phú Thọ).

Câu 15. Đinh Bộ Lĩnh đã liên kết với sứ quân nào?

a. Trần Lãm. c. Nguyễn Thu Tiệp.

b. Ngô Nhật Khánh. d. Nguyễn Siêu.

Câu16. Đinh Bộ Lĩnh được nhân dân tôn xưng là gì?

a. Bắc Bình Vương. c. Bình Định Vương.

b. Vạn Thắng Vương. d. Bố Cái Đại Vương.

Câu 17. Tại sao Đinh Bộ Lĩnh thống nhất được đất nước?

a. Nhờ sự ủng hộ của nhân dân c. Sự liên kết với các sứ quân

b. Tài năng của Đinh Bộ Lĩnh d. Tất cả các câu trên đúng

BÀI 9

NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH - TIỀN LÊ

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình chính trị, quân sự

1. Nhà Đinh xây dựng đất nước

- Năm 968, sau khi dẹp yên loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, Đi Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Vi định đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). Mùa xuân năm 970, vua Đinh đặt niên hi là Thái Bình, sai sứ sang giao hảo với nhà Tống.

- Đinh Bộ Lĩnh phong vương cho các con, cử các tướng lĩnh thân cậ Đinh Điền, Lê Hoàn, Phạm Hạp... nắm giữ các chức vụ quan trọng chủ ch Ông cho xây cung điện, đúc tiền...

- Tất cả các việc làm đó khẳng định nền độc lập, tự chủ của nước trong quan hệ với nhà Tống.

2. Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê

- Cuối năm 979, vua Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, vua mới còn nhỏ nên phải cử một tướng giỏi là Lê Hoàn, người có công lớn trong dẹp loạn 12 sứ quân, làm người giúp vua. Nội bộ triều đình xảy ra bất hoà, trong lúc nhà Tống nhân đó đã quyết định sai quân xâm lược nước ta. Trước tình thế đó, khi các lực lượng chống đối bị dẹp tan, các tướng lĩnh cùng bà thái hậu họ Dương đã tôn Lê Hoàn lên làm vua, chuẩn bị cuộc kháng chiến.

Lê Hoàn (Lê Đại Hành) đổi niên hiệu là Thiên Phúc, lập nhà Lê (Tiền Lê).

- Để giữ vững nền thống trị, bảo vệ sự thống nhất đất nước, hai triều đại Đinh, Tiền Lê đã nối tiếp nhau xây dựng một chính quyền khá hoàn chỉnh:

+ Triều đình Trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành về quân sự và dân sự. Giúp vua có thái sư, đại sư, quan văn, võ...

+ Cả nước được chia thành 10 lộ, giao cho các tướng hay con cháu cai quản. Quân đội được thành lập bao gồm 10 đạo và 2 bộ phận cấm quân và quân địa phương.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống và Lê Hoàn

- Đầu năm 981, quân Tống tiến vào nước ta. Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi. Đây là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của chính quyền độc lập còn non trẻ. Thắng lợi này không chỉ biểu hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm mà còn chứng tỏ một bước phát triển của đất nước và khả năng bảo vệ độc lập của Đại Việt.

II. Sự phát triển kinh tế và văn hoá

1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ

- Nông nghiệp là cơ sở kinh tế chủ yếu của nước ta đương thời. Sau nhiều năm khó khăn do xung đột, chiến tranh gây nên, các nhà nước Đinh - Tiền Lê đã phải ra sức cùng nhân dân khôi phục và phát triển sản xuất, khai hoang mở rộng ruộng đồng, đào vét kênh máng. Một việc làm đáng chú ý là hằng năm, vua Lê Đại Hành đã làm lễ *cày tịch điền* để khuyến khích nhân dân sản xuất.

- Nhà nước Đinh - Tiền Lê đã xây dựng nhiều xưởng đúc tiền, rèn vũ khí, đóng thuyền, chế tạo các sản phẩm phục vụ vua quan..

- Kinh đô Hoa Lư được xây dựng tráng lệ, thủ công, thương nghiệp từng bước phát triển.

- Nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển

- Quan hệ giao bang Việt - Tống được thiết lập.

2. Đời sống xã hội và văn hoá

- Xã hội chia thành hai bộ phận: vua quan và một số ít địa chủ là bộ phận thống trị. Nông dân, thợ thủ công là bộ phận bị trị. Dưới cùng là nông nô.

- Giáo dục chưa phát triển. Các nhà sư giỏi Nho học mở một số lớp dạy dân. Chùa chiền được xây dựng nhiều nơi, các nhà sư được nhà nước trọng dụng, đạo Phật được truyền bá rộng rãi.

- Nhiều loại hình văn hoá dân gian đã tồn tại như ca hát, nhảy múa, đua thuyền, đấu vật...

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Đinh Bộ lĩnh lên ngôi xưng là "Hoàng đế" có ý nghĩa gì?

a. Đinh Bộ Lĩnh muốn ngang hàng với hoàng đế Trung Quốc.

b. Đinh Bộ Lĩnh muốn khẳng định nước ta độc lập và ngang hàng với Trung Quốc.

c. Đinh Bộ Lĩnh muốn khẳng định năng lực của mình.

d. Đinh Bộ Lĩnh không muốn bắt chước Ngô Quyền.

Câu 2. Quốc hiệu của nước ta dưới thời Đinh Bộ Lĩnh là gì?

a. Đại Việt. b. Vạn Xuân. c. Đại Cồ Việt. d. Đại Ngu.

Câu 3. Vua Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu là gì?

a. Thái Bình. b. Thiên Phúc. c. Hưng Thống. d. Ứng Thiên.

Câu 4. Kinh đô Hoa Lư thời Đinh Tiên Hoàng nay thuộc tỉnh nào?

a. Tỉnh Hà Nam. c. Tỉnh Nam Định.

b. Tỉnh Ninh Bình. d. Tỉnh Thái Bình.

Câu 5. Nhà Đinh có mấy đời vua? Đời vua cuối cùng là ai?

a. Hai đời vua. Vua cuối cùng là Đinh Điền.

b. Hai đời vua. Vua cuối cùng là Đinh Toàn.

c. Ba đời vua. Vua cuối cùng là Đinh Liễn.

d. Bốn đời vua. Vua cuối cùng là Đinh Toàn.

Câu 6. Nhà Đinh tồn tại trong thời gian bao lâu?

a. 10 năm. b. 15 năm. c. 14 năm. d. 12 năm.

Câu 7. Những việc làm nào của Đinh Bộ Lĩnh cho thấy tinh thần tự chủ tự cường, khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc?

a. Tự xưng "Hoàng đế", đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

b. Đóng đô ở Hoa Lư.

c. Đặt niên hiệu là Thái Bình, cấm sử dụng niên hiệu là Trung Quốc.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 8. Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?

a. Nội bộ triều đình mâu thuẫn sau khi Đinh Tiên Hoàng mất.

b. Đinh Tiên Hoàng mất, vua kế vị còn nhỏ, nhà Tống chuẩn bị xâm lược nước ta.

c. Thế lực Lê Hoàn mạnh, ép nhà Đinh nhường ngôi.

d. Đinh Tiên Hoàng mất, các thế lực trong triều ủng hộ Lê Hoàn

Câu 9. Lê Hoàn lên ngôi vua vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì?

a. Năm 980. Niên hiệu Thái Bình.

b. Năm 979. Niên hiệu Hưng Thống.

c. Năm 980. Niên hiệu Thiên Phúc.

d. Năm 981. Niên hiệu Ứng Thiên.

Câu 10. Khi Lê Hoàn lên ngôi vua nước ta phải đối phó với quân xâm lược nào?

a. Nhà Minh ở Trung Quốc.

b. Nhà Tống ở Trung Quốc.

c. Nhà Đường ở Trung Quốc

d. Nhà Hán ở Trung Quốc.

Câu 11. Dưới thời của Lê Hoàn (Lê Đại Hành) tên nước ta là Đại Cồ Việt. Đúng hay sai?

a. Đúng.

b. Sai.

Câu 12. Nhà Tiền Lê được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

a. Năm 979 đến năm 1008.

b. Năm 980 đến năm 1009.

c. Năm 981 đến năm 1007.

d. Năm 982 đến năm 1009.

Câu 13. Trong xã hội dưới thời Đinh - Tiền Lê, tầng lớp nào dưới cùng của xã hội?

a. Tầng lớp nông dân.

b. Tầng lớp công nhân.

c. Tầng lớp thợ thủ công.

d. Tầng lớp nông nô.

Câu 14. Triều đình trung ương thời tiền Lê được tổ chức như thế nào?

a. Vua đứng đầu, giúp vua có quan văn, quan võ.

b. Vua nắm chính quyền và chỉ huy quân đội

c. Vua đứng đầu, nắm toàn quyền, giúp việc vua có Thái sư và Đại sư.

d. Vua đứng đầu, nắm toàn quyền, giúp vua có các con của vua.

Câu 15. Nhà Tiền Lê đã tổ chức các đơn vị hành chính trong cả nước như thế nào?

a. Chia nước thành 10 lộ, dưới lộ có phủ và châu.

b. Chia nước làm 10 lộ, dưới lộ có phủ và huyện.

c. Chia nước làm 10 lộ, dưới lộ có châu và huyện.

d. Chia nước làm 10 lộ, dưới lộ có huyện và xã.

Câu 16. Quân đội thời tiền Lê gồm những bộ phận nào?

a. Bộ binh, tượng binh và kị binh.

b. Cấm quân và quân địa phương.

c. Quân địa phương và quân các lộ.

d. Cấm quân và quân các lộ.

Câu 17. Thời kì Tiền Lê có mấy đời vua? Vị vua nào tồn tại lâu nhất?

a. Bốn đời vua. Lê Long Đĩnh lâu nhất.

b. Ba đời vua. Lê Đại Hành lâu nhất.

c. Hai đời vua. Lê Long Việt lâu nhất.

d. Ba đời vua. Lê Long Việt lâu nhất.

Câu 18. Lê Hoàn chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống giành thắng lợi ở đâu?

a. Ở sông Như Nguyệt. b. Ở Chi Lăng - Xương Giang.

c. Ở Rạch Gầm - Xoài Mút. d. Ở sông Bạch Đằng.

Câu 19. Ý nghĩa của kháng chiến chống quân xâm lược Tống?

a. Biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của nhân dân ta.

b. Chứng tỏ một bước phát triển của đất nước.

c. Chứng tỏ khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Việt.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 20. Bộ máy nhà nước thời Đinh - Tiền Lê được đánh giá như thế nào?

a. Sơ khai. c. Phức tạp.

b. Tương đối hoàn chỉnh. d. Đơn giản.

Câu 21. Nhà Lê đã làm gì để phát triển sản xuất?

a. Mở rộng việc khai khẩn đất hoang.

b. Chú trọng công tác thủy lợi đào vét kênh ngòi.

c. Tổ chức lễ *Cày tịch điền* và tự mình cày mấy đường.

d. Tất cả câu trên đúng

Câu 22. Hãy cho biết những nghề thủ công phát triển dưới thời Đinh - Tiền Lê?

a. Đúc đồng, rèn sắt, làm giấy, dệt vải, làm đồ gốm.

b. Đúc đồng, luyện kim, làm đồ trang sức.

c. Đúc đồng, rèn sắt, dệt vải.

d. Đúc đồng, rèn sắt, làm đồ trang sức, làm đồ gốm.

Chương II
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ
(THẾ KỈ XI-XII)

BÀI 10
NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

A. Kiến thức cơ bản

1. Sự thành lập nhà Lý

- Năm 1005, Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi. Cuối năm 1009, nhà Tiền Lê suy vong, Lý Công Uẩn được các nhà sư và các đại thần tôn lên làm vua, lập ra nhà Lý. Năm 1010 Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên và quyết định dời đô về Đại La (Hà Nội), đổi tên thành là Thăng Long.

- Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi lại tên nước thành Đại Việt, khẳng định thêm một bước sự vươn lên của đất nước. Đại Việt trở thành quốc hiệu của nước ta suốt từ đây cho đến cuối thế kỉ XVIII. Vua đứng đầu mọi việc, nắm giữ quyền hành. Giúp vua có các đại thần, các quan văn, võ. Dân ai có oan ức thì đánh chuông trước điện Long Trì xin vua xét xử.

- Triều đình trung ương được tổ chức khá hoàn chỉnh - cả nước được chia thành 24 lộ. Dưới lộ phủ là huyện, hương, xã.

2. Luật pháp và quân đội

- Năm 1042 nhà Lý ban hành bộ Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, đánh dấu bước tiến mới trong quản lý nhà nước.

- Quân đội được tổ chức khá hoàn chỉnh, gồm hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương, có các binh chủng bộ, thuỷ, thực hiện theo chính sách "ngụ binh ư nông".

- Với ý thức thống nhất và dân tộc sâu sắc, nhà Lý đã có chính sách đoàn kết các tộc người trên đất nước ta và thực hiện chính sách ngoại giao vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn.

Những việc làm của nhà Lý đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lý vào năm nào?

a. Cuối năm 1009. c. Cuối năm 1010.

b. Đầu năm 1009. d. Đầu năm 1010.

Câu 2. Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là gì? Và quyết định dời đô về đâu?

a. Niên hiệu Thiên Phúc. Dời đô về Đại La.

b. Niên hiệu Thuận Thiên. Dời đô về Đại La.

c. Niên hiệu Thái Bình. Dời đô về Cổ Loa.
d. Niên hiệu Thiên Phúc. Dời đô về Thăng Long.

Câu 3. Dưới thời nhà Lý, đến năm 1054 tên nước ta là gì?

a. Đại Việt b. Đại Cồ Việt c. Đại Nam d. Việt Nam

Câu 4. Tại sao Lý Công Uẩn dời đô về Đại La (Thăng Long)?

a. Đây là nơi tụ hội quan yếu của bốn phương
b. Đây là vùng mặt đất rộng mà bằng phẳng.
c. Muôn vật hết sức tươi tốt và phồn thịnh.
d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 5. Kinh đô Thăng Long chính thức được thành lập vào năm nào?

a. Năm 939. b. Năm 1009. c. Năm 1010. d. Năm 1012.

Câu 6. Nhà Lý chia nước ra bao nhiêu lộ, phủ?

a. 24 lộ, phủ. b. 22 lộ, phủ. c. 40 lộ, phủ. d. 42 lộ, phủ

Câu 7. Đứng đầu các lộ, phủ thời Lý là chức quan gì?

a. Chánh, phó an phủ sứ
b. Háo trưởng, trấn phủ.
c. Tri phủ, tri châu.
d. Tổng đốc, tri phủ.

Câu 8. Thời gian nào nhà Lý ban hành bộ Hình thư?

a. Năm 1010. b. Năm 1042. c. Năm 1005. d. Năm 1008.

Câu 9. Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta là:

a. Quốc triều hình luật.
b. Luật Hồng Đức.
c. Hình luật.
d. Hình thư.

Câu 10. Bộ "Hình thư", bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta được ban hành dưới thời vua nào?

a. Lý Thái Tổ (1010)
b. Lý Thái Tông (1042)
c. Lý Thánh Tông (1054)
d. Lý Nhân Tông (1072)

Câu 11. Dưới thời nhà Lý, cơ cấu hành chính được sắp xếp như thế nào?

a. Lộ - Huyện - Hương, xã.
b. Lộ - Phủ - Châu, xã.
c. Lộ - Phủ - Châu - Hương, xã.
d. Lộ - Phủ - Huyện - Hương, xã.

Câu 12. Thời kì cai trị của nhà Lý, quan hệ giữa Đại Việt và Chăm-pa như thế nào?

a. Xung đột dẫn tới liên tiếp gây chiến tranh.
b. Quan hệ bình thường.
c. Mâu thuẫn, xung đột theo thời gian.
d. Hòa hiếu thân thiện.

Câu 13. Tại sao luật pháp thời Lý nghiêm cấm việc giết mổ trâu, bò?

a. Để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.
b. Đạo Phật được đề cao, nên cấm sát sinh.

c. Trâu bò là động vật quý hiếm.

d. Trâu bò là động vật linh thiêng.

Câu 14. Hãy chọn sự kiện ở cột (B) cho phù hợp với cột (A).

A	B
1) Cấm quân 2) Quân địa phương	a) Tuyển chọn những thanh niên khoẻ mạnh trong cả nước. b) Bảo vệ vua và kinh thành. c) Phòng vệ các lộ, phủ. d) Hàng năm, chia thành phiên thay nhau đi tập luyện

Câu 15. Nhà Lý gả công chúa và ban chức tước cho các tù trưởng dân tộc nhằm mục đích gì?

a. Củng cố khối đoàn kết dân tộc.

b. Tạo sức mạnh trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

c. Củng cố nền thống nhất quốc gia.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 16. Nhà Tống xúi giục Cham-pa đánh Đại Việt nhằm mục đích gì??

a. Làm suy yếu lực lượng của Cham-pa.

b. Làm suy yếu lực lượng của Đại Việt.

c. Phá vỡ quan hệ Đại Việt-Cham-pa.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 17. "Dân có việc oan ức có thể đánh chuông trước điện Long Trì xin vua xét xử, Hoàng Thái Tử phải ra ngoài triều chung sống với dân" đó là quy định của triều đại nào?

a. Quy định của triều đại nhà Trần.

b. Quy định của triều đại nhà Lê.

c. Quy định của triều đại nhà Lý.

d. Quy định của triều đại nhà Đinh.

Câu 18. Nhiệm vụ của cấm quân là gì?

a. Bảo vệ triều đình và hoàng tộc.

b. Bảo vệ vua và kinh thành.

c. Bảo vệ vua, hoàng hậu, thái tử và tể tướng.

d. Bảo vệ vua, thái tử, công chúa và các quan đại thần.

Câu 19. Nhiệm vụ của quân địa phương là gì?

a. Bảo vệ làng xã, thay phiên nhau luyện tập và về quê sản xuất.

b. Về quê sản xuất, khi có chiến tranh tham gia chiến đấu.

c. Canh phòng ở các lộ, phủ, về quê sản xuất, khi có chiến tranh tham gia chiến đấu.

d. Canh phòng ở các huyện, về quê sản xuất, khi có chiến tranh tham gia chiến đấu.

Câu 20. Quân địa phương gồm những loại quân nào?

a. Lộ quân, sương quân, dân binh.

b. Lộ quân, trung quân, dân binh.

c. Sương quân, dân binh.

d. Lộ quân, sương quân, trung quân.

Câu 21. Nội dung của chính sách "ngụ binh ư nông" là gì?

a. Quân sĩ vừa chiến đấu, vừa sản xuất.

b. Quân sĩ luân phiên cày ruộng, thanh niên đăng kí tên vào sổ nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần thì điều động.

c. Quân sĩ vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa đi phu.

d. Thanh niên đủ tuổi đăng kí vào sổ và được điều động khi có chiến tranh

Câu 22. Nguyên tắc mà nhà Lý luôn kiên quyết giữ vững trong khi duy trì mối giao bang với các nước láng giềng.

a. Hòa hảo, thân thiện.

b. Đoàn kết, tránh xung đột.

c. Giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

d. Mở cửa, trao đổi, lưu thông hàng hóa.

BÀI 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075-1077)

A. Kiến thức cơ bản

I. Giai đoạn thứ nhất (1075)

1. Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta

- Giữa thế kỉ XI, nhà Tống ở Trung Quốc lâm vào một tình thế hết sức khó khăn: phía bắc thì hai nước Liêu, Hạ thường xuyên đánh phá; trong nước thì xảy ra đói kém liên miên, nhân dân cực khổ, bất bình. Để cứu vãn tình thế, vua Tống quyết định xâm lược Đại Việt.

- Để đánh Đại Việt, nhà Tống xúi dục vua Cham-pa đánh từ phía nam, còn ở phía bắc Đại Việt nhà Tống ngăn cản nhân dân hai nước buôn bán, đi lại, dụ dỗ các tù trưởng dân tộc ít người.

2. Nhà Lý chủ động tiến công để phòng vệ

- Thông qua những tin tức thu nhận được, vua tôi nhà Lý đã hội bàn tìm cách đối phó. Nắm được chỗ yếu của nhà Tống và thế đang lên của nước ta,

Thái uý Lý Thường Kiệt cho quân luyện tập ngày đêm, phong chức tước cho các tù trưởng. Cùng với Lý Thánh Tông đem quân đánh bại ý đồ tiến công phối hợp của nhà Tống với Cham-pa và đã chủ trương "ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Điều này không phải là một chủ trương liều lĩnh, thiếu suy nghĩ mà thực sự là một chủ trương sáng tạo, độc đáo, rất chủ động của nước ta. Được sự tán đồng của triều đình, Lý Thường Kiệt đã phối hợp với các tù trưởng dân tộc ở phía bắc tổ chức một đợt tấn công quyết liệt lên Hoa Nam (10-1075) đánh tan các lực lượng quân sự chuẩn bị xâm lược của Nhà Tống, bao gồm cả Châu Ung, Châu Khâm, Châu Liêm, rồi rút quân về nước.

- Bị đánh đòn phủ đầu bất ngờ, quân Tống lâm vào thế bị động, run sợ. Đây là điều kiện thuận lợi để quân dân nhà Lý chuẩn bị cuộc kháng chiến tất yếu sẽ xảy ra.

II. Giai đoạn thứ hai (1076-1077)

1. Khánh chiến bùng nổ

- Sau khi đánh tan các lực lượng chuẩn bị xâm lược của nhà Tống ở Hoa Nam, Lý Thường Kiệt ra lệnh rút quân về nước chuẩn bị ngay cuộc phòng vệ.

Ba chủ trương lớn được ban hành:

- Các tù trưởng dân tộc bố trí lực lượng chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

- Cử một thuỷ binh mạnh đóng ở vùng ven biển Đông Bắc, sẵn sàng đánh tan thuỷ quân của giặc.

-Xây dựng chiến tuyến sông Như Nguyệt với quyết tâm chặn giặc, không cho chúng tiến xuống phía nam để vào thành Thăng Long.

Tháng 7-1077, hơn 30 vạn quân Tống tràn xuống nước ta. Sau một thời gian chiến đấu quyết liệt, thuỷ quân của giặc bị đánh tan ở vùng Biển Đông Bắc, còn bộ phận lục quân chủ lực của giặc thì bị chặn lại ở bờ bắc sông Như Nguyệt (sông Cầu - Bắc Ninh).

2. Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt

- Sau mấy lần vượt sông thất bại, quân Tống vừa bị đánh ở sau lưng vừa lâm vào thế bị động. Tuyệt vọng, tên chỉ huy Quách Quỳ đã phải hạ lệnh "Ai bàn đánh sẽ chém!".

- Thời cơ đến cuối mùa xuân 1077, Lý Thường Kiệt hạ lệnh tổng tấn công vào doanh trại giặc, quân Tống thua to "10 phần chết đến 5, 6". Bài thơ thần "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" đã có tác dụng to lớn.

- Với tinh thần khoan dung và ý thức về quan hệ hai nước mặc dù biết giặc đã lâm vào thế suy kiệt, vị tổng chỉ huy Lý Thường Kiệt vẫn cho người sang "bàn hoà", cho giặc rút quân yên ổn về nước. Cuộc kháng chiến chống Tống hoàn toàn thắng lợi.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Ngân khố cạn kiệt, tài chính nguy ngập, nội bộ mâu thuẫn, nhân dân đói khổ... Đó là khó khăn của:

a. Đại Việt giữa thế kỉ XI.
b. Đại Cồ Việt đầu thế kỉ X.
c. Nhà Tống ở Trung Quốc giữa thế kỉ XI.
d. Tất cả đều đúng.

Câu 2. Giữa thế kỉ XI, nhà Tống thường bị hai nước nào quấy nhiễu?

a. Hai nước Liêu - Hạ.
c. Hai nước Thục - Ngô.
b. Hai nước Minh - Thanh.
d. Hai nước Sở - Hán.

Câu 3. Nhà Tống đã giải quyết những khó khăn giữa thế kỉ XI như thế nào?

a. Đánh hai nước Liêu - Hạ.
c. Đánh Đại Việt để khống chế Liêu - Hạ.
b. Đánh Cham-pa để mở rộng lãnh thổ.
d. Tất cả các biện pháp trên.

Câu 4. Tại sao nhà Tống quyết tâm xâm chiếm Đại Việt?

a. Do nhà Lý không chấp nhận tước vương của nhà Tống.
b. Do sự xúi giục của Cham-pa.
c. Do khó khăn về tài chính và sự quấy nhiễu của các tộc người Liêu - Hạ ở biên cương.
d. Do giai đoạn này nhà Tống hùng mạnh.

Câu 5. Để đánh chiếm Đại Việt, nhà Tống đã thực hiện những biện pháp gì?

a. Xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía nam.
b. Ngăn việc buôn bán, đi lại của nhân dân hai nước.
c. Dụ dỗ các tù trưởng người dân tộc ở biên giới..
d. Tất cả các ý trên.

Câu 6. Ai là người chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống những năm 1075 - 1077?

a. Lý Công Uẩn.
c. Lý Thánh Tông.
b. Lý Thường Kiệt.
d. Lý Nhân Tông.

Câu 7. "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc"? Đó là câu nói của ai?

a. Trần Quốc Tuấn.
c. Lý Thường Kiệt.
b. Trần Thủ Độ.
d. Lý Công Uẩn.

Câu 8. Tước vị cao nhất của Lý Thường Kiệt vào năm 1075 là gì?

a. Vua.
c. Thái sư.
b. Thái úy.
d. Tể tướng.

Câu 9. Năm 1075, Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh chiếm căn cứ nào của nhà Tống?

a. Thành châu Khâm.

b. Thành châu Liêm.

c. Thành Ung Châu.

d. Tất cả các căn cứ trên.

Câu 10. Lý Thường Kiệt đánh vào châu Ung, châu Khiêm và châu Liêm vì mục đích gì?

a. Đánh vào Bộ chỉ huy của quân Tống.

b. Đánh vào nơi Tống tích trữ lương thực và khí giới để đánh Đại Việt.

c. Đánh vào nơi tập trung quân của Tống trước khi đánh Đại Việt.

d. Đánh vào đồn quân Tống gần biên giới của Đại Việt.

Câu 11. Cuộc chiến đấu để đánh chiếm thành Ung Châu diễn ra bao nhiêu ngày?

a. 40 ngày. b. 50 ngày. c. 45 ngày. d. 42 ngày.

Câu 12. Thất thủ ở thành Ung Châu, tướng nào của nhà Tống phải tự tử?

a. Tô Giám. b. Quách Quỳ. c. Triệu Tiết. d. Hoà Mâu.

Câu 13. Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt cho xây dựng hệ thống phòng ngự ở đâu?

a. Sông Bạch Đằng.

b. Sông Mã.

c. Sông Như Nguyệt.

d. Sông Thao.

Câu 14. Vào thời gian nào quân Tống vượt ải Nam Quan qua Lạng Sơn tiến vào nước ta?

a. Cuối năm 1076.

b. Đầu năm 1077.

c. Cuối năm 1075.

d. Đầu năm 1076.

Câu 15. Mùa xuân 1077, gắn với lịch sử dân tộc ta như thế nào?

a. Lê Hoàn đánh bại quân nhà Tống.

b. Vua tôi nhà Trần đánh bại quân Mông - Nguyên.

c. Lý Thường Kiệt đánh bại quân Tống.

d. Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long.

Câu 16. Lý Thường Kiệt chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách nào?

a. Thương lượng, đề nghị "giảng hòa".

b. Tổng tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.

c. Kí hòa ước kết thúc chiến tranh.

d. Đề nghị "giảng hòa" củng cố lực lượng, chờ thời cơ.

Câu 17. Tại sao Lý Thường Kiệt lại chủ động giảng hòa?

a. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước và là truyền thống nhân đạo của dân tộc.

b. Lý Thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.

c. Để bảo toàn lực lượng và tài sản của nhân dân.

d. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 18. Đây là một trong những trận đánh tuyệt vời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Người chỉ huy trận đánh - Lý Thường Kiệt thực sự là một tướng tài. Tên tuổi của ông mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc ta. Vậy đó là trận đánh nào?

a. Trận Bạch Đằng năm 981.

b. Trận đánh châu Ung, châu Khâm và châu Liêm (10-1075).

c. Trận Như Nguyệt (1077).

d. Cả ba trận trên.

BÀI 12

ĐỜI SỐNG KINH TẾ VĂN HOÁ

A. Kiến thức cơ bản

I. Đời sống kinh tế

1. Sự chuyển biến của nền nông nghiệp

- Đất nước độc lập trong thống nhất, yên bình. Nhân dân ra sức lao động cày cấy ruộng đất, nâng cao đời sống. Nhà Lý cũng rất quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, tiếp nối nhà Tiền Lê, tiếp tục tổ chức các lễ cày *Tịch điền* hằng năm, vận động khuyến khích nhân dân khai hoang, đắp đê phòng lụt lội, cấm giết trâu bò để bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

- Nhiều năm mùa màng bội thu như năm 1016 (triều Lý Thái Tổ), năm 1030, 1044 (triều Lý Thái Tông), 1131 (triều Lý Thần Tông), năm 1139 1140 (triều Lý Anh Tông).

2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

- Nhờ sự cố gắng của hai phía: nhân dân và giai cấp thống trị, mùa màng được đảm bảo do đó thu hoạch đều đặn hơn. Đời sống của nông dân ổn định, là cơ sở thuận lợi cho sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp đương thời.

- Thủ công nghiệp:

+ Nghề chăn tằm ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, xây dựng đền đài, cung điện nhà cửa rất phát triển...

+ Vua dạy cung nữ dệt gấm vóc

- Nhiều công trình kiến trúc lớn được xây dựng.

- Thương nghiệp: Buôn bán trong nước với thương nhân nước ngoài đã

phát triển, diễn ra đều đặn, tấp nập ở vùng bờ biển Đông Bắc. Cảng Vân Đồn được thành lập.

Thăng Long thành thị duy nhất của nước ta hồi ấy là một trung tâm thủ công nghiệp và thương nghiệp.

II. Sinh hoạt xã hội và văn hoá

1. Những thay đổi về mặt xã hội

- Thời Lý, vua quan là bộ phận chính trong giai cấp thống trị, ngoài ra còn có các địa chủ.
- Nông dân chiếm đa số trong dân cư. Họ là lực lượng sản xuất, chủ yếu của xã hội. Ngoài ra còn có người làm nghề thủ công, buôn bán, nông nô...

2. Giáo dục và văn hoá

- Năm 1070, Vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long, mở đầu cho nền giáo dục Việt Nam. Kì thi quốc gia đầu tiên được tổ chức vào năm 1075 và sau đó Quốc tử giám được thành lập, dân trí được nâng cao. Đất nước có thêm nhiều người tài phục vụ.
- Nhà Lý sùng đạo Phật, ở kinh đô cũng như ở các địa phương, chùa chiền được xây dựng ngày càng nhiều.
- Bên cạnh các ngày lễ hội của nhà nước, nhân dân mở rộng các hoạt động văn hoá cổ truyền như hát chèo, nhảy múa, múa rối nước, lễ hội đua thuyền, đánh vật v.v...
- Nhiều công trình nghệ thuật có giá trị của dân tộc được xây dựng như chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn, chuông Quy Điền. Nổi lên hình tượng nghệ thuật độc đáo như rồng mình trơn, toàn thân uốn khúc, uyển chuyển như một ngọn lửa; các bệ đá hình hoa sen v.v... Trình độ điêu khắc tinh vi thanh thoát được thể hiện trên các tượng Phật.

Tất cả những thành tựu văn hoá đặc sắc đó đã đánh dấu sự hình thành của nền văn hoá dân tộc: văn hoá Thăng Long.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Các vua nhà Lý thường về địa phương để làm gì?

a. Thăm hỏi nông dân.

b. Cày tịch điền.

c. Thu thuế nông nghiệp.

d. Chia ruộng đất cho nông dân.

Câu 2. Tại sao nông nghiệp thời Lý phát triển?

a. Triều đình khuyến khích việc khai khẩn đất hoang.

b. Triều đình chăm lo công tác thuỷ lợi.

c. Triều đình cấm giết hại trâu, bò.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 3. Nền tảng kinh tế của xã hội thời Lý là ngành gì?

a. Nông nghiệp

b. Công nghiệp

c. Thủ công nghiệp

d. Thương nghiệp

Câu 4. Vua Lý Thái Tông cho đào kênh Lãm ở Yên Mô - Ninh Bình vào năm nào?

a. Vào năm 1054.

b. Vào năm 1056.

c. Vào năm 1051.

d. Vào năm 1061.

Câu 5. Công trình kiến trúc nổi tiếng dưới thời Lý như Chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn được xây dựng ở đâu?

a. Hà Nội, Hải Phòng.

b. Hà Nội, Nam Định.

c. Nam Định, Hải Phòng.

d. Các địa phương trên.

Câu 6. Hãy kể tên những công trình kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng thời Lý?

a. Chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn, chùa Trùng Quang.

b. Chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, chùa Thiên Mụ, tháp Chương Sơn.

c. Chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, Cửu Trùng đài, tháp Chương Sơn.

d. Chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, tháp Bình Sơn, tháp Chương Sơn

Câu 7. Chùa Một Cột ở Hà Nội được xây dựng trong thời kì nào?

a. Thời nhà Tiền Lê.

b. Thời nhà Trần.

c. Thời nhà Hậu Lê.

d. Thời nhà Lý.

Câu 8. Văn Miếu được xây dựng vào năm nào?

a. Năm 1060. b. Năm 1070. c. Năm 1075. d. Năm 1080.

Câu 9. Văn Miếu được xây dựng dưới triều vua nào?

a. Lý Thái Tổ.

b. Lý Nhân Tông.

c. Lý Thánh Tông.

d. Lý Thái Tông.

Câu 10. Dưới thời Lý ở địa phương thành phần nào trở thành địa chủ?

a. Một số hoàng tử, công chúa.

b. Một số quan lại nhà nước.

c. Một ít dân thường, do có nhiều ruộng đất.

d. Tất cả các thành phần trên.

Câu 11. Giai cấp nào,tầng,lớp nào là lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội phong kiến thời Lý?

a. Giai cấp nông dân.

b. Giai cấp công nhân.

c. Tầng lớp thợ thủ công.

d.Tầng lớp nông nô.

Câu 12. Nông nô thường làm việc ở đâu?

a. Cày thuê ruộng đất của địa chủ.

b. Trong các xưởng thủ công.

c. Trong các cung điện hoặc các nhà quan.

d. Trong các xí nghiệp, công trường.

Câu 13. Văn Miếu Quốc Tử Giám được xây dựng vào năm nào? Để thờ ai?

a. Năm 1075 - Thờ Chu Văn An. b. Năm 1070 - Thờ Khổng Tử.

c. Năm 1010 - Thờ Lý Công Uẩn. d. Năm 1072 - Thờ Mạnh Tử.

Câu 14. Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại vào năm nào?

a. Năm 1075. b. Năm 1076. c. Năm 1077. d. Năm 1078.

Câu 15. Các vua nhà Lý sùng bái tôn giáo nào nhất?

a. Đạo Phật. b. Thiên Chúa. c. Hoà Hảo. d. Cao Đài.

Câu 16. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Phong cách nghệ thuật đa dạng, độc đáo và linh hoạt của nhân dân ta thời Lý đã đánh dấu sự ra đời của một nền văn hoá riêng biệt của dân tộc................."

a. Văn hoá Hoa Lư. c. Văn hoá Đại La.

b. Văn hoá Đại Nam. d. Văn hoá Thăng Long.

Câu 17. Văn hoá - Nghệ thuật phong phú, độc đáo, sáng tạo và linh hoạt của nhân dân ta bắt đầu hình thành rõ nét vào thời kì nào?

a. Thời Tiền Lê. b. Thời Hậu Lê. c. Thời Lý. d. Thời Trần.

Câu 18. Một trong những đặc điểm của khoa cử thời Lý là:

a. Chương trình thi cử dễ dàng nên số người đỗ đạt cao

b. Chế độ thi cử chưa có nề nếp, quy củ, khi nào triều đình cần mới mở khoa thi.

c. Mỗi năm đều có khoa thi

d. 5 năm một lần triều đình tổ chức khoa thi.

CHƯƠNG III
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN
(THẾ KỈ XIII-XIV)

BÀI 13
NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XIII

A. Kiến thức cơ bản

I. Nhà Trần thành lập

1. Nhà Lý sụp đổ

- Vào cuối thế kỉ XII, vua quan nhà Lý chỉ lo ăn chơi, xây dựng nhà cửa cung điện tốn kém, không quan tâm đến cuộc sống của nhân dân. Hạn hán mất mùa, lụt lội xảy ra. Kinh tế sa sút, nhân dân khổ cực và bắt đầu nổi dậy đấu tranh ở nhiều nơi. Trong hoàn cảnh đó, thế lực họ Trần đã vươn cao. Trên cơ sở ủng hộ các vua nhà Lý, dẹp nội loạn. Khi thời cơ đến, họ Trần đã chiếm lấy ngôi vua. (họ Trần buộc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh vào tháng 12 năm 1226). Nhà Lý đổ.

2. Nhà Trần củng cố chế độ phong kiến tập quyền

- Sau khi thành lập Vương triều, nhà Trần ra sức củng cố bộ máy nhà nước, đặt thêm các cơ quan cai trị ở trung ương và địa phương.

+ Bộ máy quan lại thời Trần được tổ chức theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền gồm ba cấp: Triều đình, các đơn vị hành chính trung gian từ lộ đến phủ, huyện, châu và cấp hành chính cơ sở là xã.

+ Đứng đầu triều đình là vua, thời Trần thực hiện chế độ Thái thượng hoàng. Các chức đại thần văn, võ phần lớn do người họ Trần nắm giữ.

+ Hệ thống quan lại bên dưới được tổ chức có quy củ và đầy đủ hơn. Nhà Trần đặt thêm một số cơ quan như: Quốc sử viện, Thái y viện, Tôn nhân phủ, và một số chức quan Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ...

+ Cả nước được chia thành 12 lộ.

Tổ chức bộ máy quan lại và các đơn vị thời Trần được hoàn chỉnh và chặt chẽ hơn thời Lý, chứng tỏ chế độ tập quyền thời Trần được củng cố hơn thời Lý.

3. Pháp luật thời Trần

- Nhà Trần rất quan tâm đến pháp luật: chú trọng sửa sang luật pháp, ban hành bộ luật mới gọi là Quốc triều hình luật. Pháp luật xác nhận và bảo vệ quyền tư hữu tư sản, quy định cụ thể việc mua bán ruộng đất.

- Cơ quan pháp luật thời Trần được tăng cường và hoàn thiện hơn. Nhà Trần đặt cơ quan Thẩm hình viện để xét xử việc kiện cáo. Vua Trần vẫn đ

chuông ở thềm điện Long Trì cho dân kêu oan. Sự cách biệt giữa vua quan và dân chúng chưa sâu sắc.

II. Nhà Trần xây dựng quân đội và phát triển kinh tế

1. Nhà Trần xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng

- Quân đội được xây dựng hoàn chỉnh theo chính sách "Ngụ binh ư nông" và trên tinh thần "Quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông". Vũ khí được trang bị đầy đủ.

- Quân đội nhà Trần gồm cấm quân và quân các lộ, được học tập binh pháp và luyện tập thường xuyên. Nhà Trần còn cử nhiều tướng giỏi cầm quân đóng giữ các vị trí hiểm yếu, vua Trần thường tuần tra việc phòng bị ở các nơi này.

2. Phục hồi và phát triển kinh tế

- Nối tiếp tinh thần của nhà Lý, nhà Trần đã cùng nhân dân đẩy mạnh công cuộc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cùng nhân dân xây dựng một hệ thống đê sông hoàn chỉnh trên phạm vi cả nước. Nông dân được nhà nước quan tâm, tích cực cày cấy, nông nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển.

- Thủ công, thương nghiệp tiếp tục phát triển. Thương nhân nước ngoài đến buôn bán đều đặn tấp nập. Thăng Long trở thành một thành thị phồn thịnh với 61 phường.

Những hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế của nhà nước và nhân dân thời Trần không chỉ nhằm ổn định và phát triển đất nước mà còn có ý nghĩa chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đang đến gần.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Đời vua cuối cùng của nhà Lý là ai?

a. Lý Huệ Tông. c. Lý Anh Tông.

b. Lý Cao Tông. d. Lý Chiêu Hoàng.

Câu 2. Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh vào thời gian nào?

a. Tháng 12.1226. c. Tháng 8.1226.

b. Tháng 11.1225. d. Tháng 7.1225.

Câu 3. Trần Cảnh lên ngôi vua lúc bao nhiêu tuổi?

a. 10 tuổi. b. 12 tuổi. c. 6 tuổi. d. 8 tuổi.

Câu 4. Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?

a. Củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.

b. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.

c. Làm cho chế độ phong kiến suy sụp.

d. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý.

Câu 5. Tại sao lại nói rằng nước Đại Việt dưới thời Trần phát triển hơn dưới thời Lý?

a. Thời Trần sửa đổi, bổ sung thêm pháp luật.

b. Thời Trần xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

c. Thời Trần phục hồi và phát triển kinh tế.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 6. Một chế độ đặc biệt chỉ có trong triều đình nhà Trần, đó là chế độ gì?

a. Chế độ Nhiếp chính vương. b. Chế độ Thái thượng hoàng.

c. Chế độ lập Thái tử sớm. d. Chế độ nhiều Hoàng hậu.

Câu 7. Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức theo chế độ nào?

a. Trung ương tập quyền.

b. Phong kiến phân quyền.

c. Vừa trung ương tập quyền vừa phong kiến phân quyền.

d. Vua nắm quyền tuyệt đối.

Câu 8. Thời Trần chia nước ta làm bao nhiêu lộ, đứng đầu mỗi lộ là ai?

a. 12 lộ - đứng đầu mỗi lộ là chánh, phó An phủ sứ.

b. 14 lộ - đứng đầu mỗi lộ là chánh, phó Tôn nhân phủ.

c. 16 lộ - đứng đầu mỗi lộ là chánh, phó Đồn điền sứ.

d. 10 lộ - đứng đầu mỗi lộ là chánh, phó Quốc sử kiện.

Câu 9. Vị vua đầu tiên của nhà Trần là ai?

a. Trần Duệ Tông (Trần Kính).

b. Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

c. Trần Thánh Tông (Trần Thừa).

d. Trần Anh Tông (Trần Thuyên).

Câu 10. Bộ luật mới của nhà Trần gọi là gì? Ban hành vào năm nào?

a. Luật hình - năm 1226. b. Luật Hồng Đức - năm 1228.

c. Quốc triều hình luật - năm 1230. d. Hình thư - năm 1042.

Câu 11. Thời Trần, quân đội được tuyển chọn theo chủ trương như thế nào?

a. Quân phải đông, nước mới mạnh.

b. Quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông.

c. Quân lính vừa đông, vừa tinh nhuệ.

d. Quân đội phải văn võ song toàn.

Câu 12. Những ai được tuyển chọn vào cấm quân?

a. Trai tráng khỏe mạnh ở quê hương nhà Trần.

b. Trai tráng khỏe mạnh đủ 18 tuổi.

c. Trai tráng con em quý tộc, vương hầu.

d. Trai tráng con em quan lại trong triều.

Câu 13. Quân các lộ ở đồng bằng gọi là gì?

a. Cấm binh. b. Chính binh. c. Phiên binh. d. Hương binh.

Câu 14. Quân các lộ ở miền núi gọi là gì?

a. Cấm binh. b. Hương binh. c. Phiên binh. d. Chính binh.

Câu 15. Quân ở làng xã gọi là gì?

a. Phiên binh. b. Chính binh. c. Cấm binh. d. Hương binh.

Câu 16. Nhà Trần đã có những chủ trương, biện pháp nào để phục hồi và phát triển kinh tế?

a. Tích cực khai hoang.

b. Đắp đê, đào sông, nạo vét kênh

c. Lập điền trang.

d. Tất cả các câu trên đúng

Câu 17. Điền trang là gì?

a. Đất của công chúa, phò mã, vương hầu do nông nô khai hoang mà có.

b. Đất của vua và quan lại do bắt nông dân khai hoang mà có.

c. Đất của địa chủ, vương hầu do chiếm đoạt của dân mà có.

d. Là ruộng đất công của nhà nước cho nông dân thuê cày cấy.

Câu 18. Đê Đỉnh Nhĩ là gì?

a. Đê đắp từ đầu nguồn đến cửa biển.

b. Đê đắp ngang cửa biển.

c. Đê đắp ở đầu nguồn đến cuối sông.

d. Đê đắp ở sông lớn và các nhánh sông.

Câu 19. Hãy kể tên những thương cảng ở thời nhà Trần?

a. Thuận An, Vân Đồn, Hội An.

b. Hội Thống, Hội Thiên, Hội An.

c. Hội Thống, Vân Đồn, Hội Triều.

d. Hội Triều, Vân Đồn, Hội An.

Câu 20. "Thuyền bè nước ngoài đến tụ hội ở đây mở chợ ngay trên thuyền. Cảnh buôn bán thật là thịnh vượng". Đây là đâu?

a. Thuận An, Hội Thống.

b. Hội Thống, Vân Đồn.

c. Hội Thống, Hội An.

d. Hội An, Thuận An.

BÀI 14
BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG-NGUYÊN (THẾ KỈ XIII)

A. Kiến thức cơ bản

I. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ (1258)

1. Âm mưu xâm lược Đại Việt của Mông Cổ

- Đầu thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ được thành lập, vua Mông Cổ đem quân xâm lược các nước xung quanh.

- Năm 1257, Mông Cổ quyết định mở cuộc tiến công vào nước Nam Tống (ở phía nam Trung Quốc), nhằm xâm lược toàn bộ Trung Quốc.

- Để đạt được tham vọng đó, vua Mông Cổ sai tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy hơn 3 vạn quân xâm lược Đại Việt, rồi từ Đại Việt đánh lên phía nam Trung Quốc, thực hiện kế hoạch "gọng kìm" tiêu diệt Nam Tống và xâm lược Đại Việt...

2. Nhà Trần chuẩn bị và tiến hành kháng chiến chống quân Mông Cổ.

- Nắm được âm mưu của quân Mông Cổ, vua tôi nhà Trần đã kêu gọi nhân dân sắm sửa vũ khí, luyện tập quân sự, chuẩn bị chống giặc.

- Đầu năm 1258, quân Mông Cổ tiến vào nước ta. Sau nhiều trận đánh bất lợi, nhà Trần phải tạm rút quân khỏi kinh thành Thăng Long, kêu gọi nhân dân thực hiện "vườn không nhà trống" cùng chống quân xâm lược. Câu nói của Thái sư Trần Thủ Độ: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo" thể hiện ý chí quyết chiến của quân dân ta.

- Quân Mông Cổ vào Thăng Long, lâm vào cảnh thiếu lương ăn, đi đâu cũng bị nhân dân ta chặn đánh. Trước tình thế bị động, lúng túng của giặc, vua tôi nhà Trần đã mở cuộc phản công, đánh bại chúng ở Đông Bộ Đầu (bờ sông Hồng ở phố Hàng Than-Hà Nội). Tàn quân giặc tháo thân chạy về nước. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

II. Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285)

1. Âm mưu xâm lược Cham-pa và Đại Việt của nhà Nguyên.

- Khác với lần trước, ngay từ năm 1279, quân Nguyên đã chiếm được nước Nam Tống, làm chủ toàn bộ Trung Quốc. Trên đà thắng lợi, quân Nguyên quyết định bành trướng lãnh thổ xuống phía nam. Trong hoàn cảnh mới, với thế lực lớn, đồng thời rút kinh nghiệm của thất bại trong cuộc xâm lược lần thứ nhất, quân Nguyên đã đánh vào Cham-pa (ở phía nam Đại Việt, là một quốc gia nhỏ) để biến nơi đây thành bàn đạp đánh lên Đại Việt, phối hợp với quân chủ lực đánh từ phía bắc xuống. Nhưng nhân dân Cham-pa đã

chiến đấu hết sức anh dũng, kế hoạch của nhà Nguyên định dùng Cham-pa làm bàn đạp tấn công vào nước ta bước đầu tan vỡ.

2. Nhà Trần chuẩn bị kháng chiến

- Nắm được thế mạnh của giặc, với ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc, vua tôi nhà Trần đã phát động cuộc chiến tranh toàn dân. Hai hội nghị lịch sử được tổ chức: Bình Than và Diên Hồng. Khí thế quyết chiến vang vọng non sông.

- Đồng thời, một cuộc duyệt binh lớn được tổ chức và vị thống soái Trần Hưng Đạo đã viết bài "Hịch tướng sĩ" kêu gọi tướng sĩ, quân đội chiến đấu quên mình vì Tổ quốc.

3. Diễn biến và kết quả của cuộc kháng chiến

- Năm 1285, quân Nguyên đánh vào Đại Việt từ hai phía với một lực lượng lớn hơn 50 vạn quân. Cuộc kháng chiến diễn ra gay go, ác liệt. Nhân dân Thăng Long một lần nữa thực hiện chiến thuật "vườn không nhà trống" cùng nhà Trần chống giặc. Trước thế giặc quá mạnh, vua tôi nhà Trần phải rút về phía nam. Giặc truy đuổi ráo riết. Với tinh thần "Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì trước hết hãy chém đầu thần" của Trần Hưng Đạo, vua tôi nhà Trần và nhân dân tiếp tục chống giặc, vượt qua mọi khó khăn.

- Giặc lâm vào tình thế bị động, thiếu lương thực nghiêm trọng. Tháng 5-1285, cuộc tổng phản công của quân ta bắt đầu. Giặc lần lượt bị đánh bại ở các trận lớn: Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, tàn quân đua nhau chạy tháo về nước.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai hoàn toàn thắng lợi.

III. Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân xâm lược Nguyên (1287-1288)

1. Nhà Nguyên xâm lược Đại Việt

- Vua Nguyên Hốt Tất Liệt căm giận vì thất bại nặng nề vào năm 1285, đã vội vã sai quân đánh trả thù.

- Rút kinh nghiệm qua hai lần thất bại trước, lần này ngoài 30 vạn kị binh và bộ binh, vua Nguyên cử thêm một đoàn thuyền chiến lớn và một đoàn thuyền chở lương thực theo đường biển tiến vào Đại Việt, để vừa đảm bảo điều kiện vượt sông, vừa đảm bảo lương thực cho cuộc xâm lược.

- Cuối tháng 12-1287, quân Nguyên ồ ạt tiến vào nước ta.

- Vua tôi nhà Trần khẩn trương tổ chức kháng chiến. Khi quân Nguyên tiến vào nước ta, nhà Trần tạm rút quân về phía nam.

2. Trận Vân Đồn tiêu diệt đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ

- Khi quân Nguyên tiến vào nước ta, nhà Trần tạm rút về phía nam và giao cho lực lượng phòng thủ phía đông bắc do Trần Khánh Dư phụ trách làm nhiệm vụ tiêu diệt đoàn thuyền lương của giặc.

- Ô Mã Nhi được giao nhiệm vụ bảo vệ đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, nhưng cho rằng quân ta không thể ngăn cản được đoàn thuyền lương này nên đã tiến về hội quân ở Vạn Kiếp.

- Trần Khánh Dư dự đoán khi đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi đi qua, có thể đánh được đoàn thuyền lương nên đã bố trí một trận địa mai phục và đánh tan đoàn thuyền lương của giặc ở trận Vân Đồn.

3. Chiến thắng Bạch Đằng

- Cuối tháng 1-1288, Thoát Hoan chia làm ba đạo tiến vào chiếm đóng Thăng Long. Nhân dân kinh thành đã thực hiện kế hoạch "vườn không nhà trống". Tuy chiếm được Thăng Long và tìm cách tiến đánh vào các căn cứ của ta nhưng quân Nguyên không tiêu diệt được lực lượng kháng chiến của nhà Trần mà lại rơi vào thế bị động, cạn kiệt lương thực, chúng định rút về nước để bảo toàn lực lượng.

- Nắm được ý định của giặc, tiết chế Trần Hưng Đạo nhanh chóng tổ chức trận địa Bạch Đằng. Đúng như dự đoán của ta, tháng 4-1288, quân Nguyên chia làm hai cánh thuỷ, bộ rút về nước. Theo kế hoạch đã định, trận Bạch Đằng đã diễn ra quyết liệt. Toàn bộ đạo thuyền chiến của giặc do Ô Mã Nhi chỉ huy đã bị tiêu diệt, các tướng giặc đều bị bắt. Cùng lúc đó, đạo bộ binh do Thoát Hoan chỉ huy cũng bị truy đuổi và khó khăn lắm mới về được nước.

- Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đi vào lịch sử như một kì tích vĩ đại, không chỉ đánh dấu sự thất bại của cuộc xâm lược lần thứ ba của quân Nguyên mà còn chấm dứt hoàn toàn cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông-Nguyên của quân dân nhà Trần.

IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Toàn dân tham gia kháng chiến.

- Công cuộc chuẩn bị kháng chiến chu đáo, toàn diện. Nổi lên hai hội nghị Bình Than và Diên Hồng với mục tiêu: đoàn kết đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc.

- Có sự lãnh đạo của nhà quân sự thiên tài Trần Hưng Đạo.

- Tinh thần quyết chiến, quyết thắng và có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo.

2. Ý nghĩa thắng lợi

- Đánh bại quân xâm lược hung bạo, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

- Khẳng định lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước của nhân dân ta.

- Nâng cao lòng tự hào dân tộc.

- Góp phần làm phong phú thêm truyền thống quân sự của nhân dân ta.

- Bài học vô giá "Khoan thư sức dân, để làm kế sâu rễ bền gốc".
- Ngăn chặn ý đồ của nhà Nguyên trong việc xâm lược các nước khác.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Khu vực mà đế quốc Mông - Nguyên đã đô hộ vào thế kỉ thứ XIII là khu vực nào?

a. Toàn bộ châu Á

b. Từ bờ Địa Trung Hải đến Thái Bình Dương.

c. Khu vực Thái Bình Dương

d. Khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 2. Đầu thế kỉ XIII, quân Mông Cổ đã làm gì?

a. Lo phòng thủ đất nước.

b. Mở rộng xâm lược các nước vùng lân cận.

c. Mở rộng xâm lược khắp châu Á, châu Âu.

d. Cho sứ giả sang Đại Việt thực hiện chính sách giao bang, hòa hảo.

Câu 3. Trước nguy cơ bị quân Mông xâm lược, triều đình nhà Trần đã có thái độ như thế nào?

a. Kiên quyết chống giặc và tích cực chuẩn bị kháng chiến.

b. Chấp nhận đầu hàng khi sứ giả quân Mông Cổ đến.

c. Cho sứ giả của mình sang giảng hòa.

d. Đưa quân đón đánh giặc ngay tại cửa ải.

Câu 4. Tướng nào của Mông Cổ chỉ huy 3 vạn quân xâm lược Đại Việt?

a. Thoát Hoan.

b. Ô Mã Nhi.

c. Hốt Tất Liệt.

d. Ngột Lương Hợp Thai.

Câu 5. Khi Mông Cổ cho sứ giả đến đưa thư đe doạ và dụ hàng vua Trần, thái độ vua Trần như thế nào?

a. Trả lại thư ngay.

b. Bắt giam vào ngục.

c. Tỏ thái độ giảng hoà.

d. Chém đầu sứ giả ngay tại chỗ.

Câu 6. Vào Đại Việt, quân Mông Cổ bị chặn đánh đầu tiên tại đâu?

a. Chương Dương.

b. Quy Hoá.

c. Bình Lệ Nguyên.

d. Các vùng trên.

Câu7. Người có công lớn trong việc tổ chức cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ là ai?

a. Trần Quốc Tuấn

b. Trần Thủ Độ

c. Trần Thánh Tông

d. Trần Quang Khải

Câu 8. Khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, vua Trần cho quân về vùng nào?

a. Thiên Mạc (Duy Tiên - Hà Nam).

b. Quy Hoá (Yên Bái - Lào Cai).

c. Đông Bộ Đầu (Bến sông Hồng, phố Hàng Than - Hà Nội).

d. Tất cả các vùng trên.

Câu 9. Nhân dân Thăng Long thực hiện chủ trương của vua nhà Trần như thế nào khi quân Mông Cổ vào Thăng Long?

a. Kiên quyết chống tra để bảo vệ Thăng Long.

b. "Vườn không nhà trống".

c. Cho người già, phụ nữ, tre con di sơ tán.

d. Xây dựng phòng tuyến ngăn chặn bước tiến quân xâm lược.

Câu 10: "Đầu thần chưa rơi xuống, xin bệ hạ đừng lo". Đó là câu nói của ai?

a. Trần Quốc Tuấn.

b. Trần Bình Trọng.

c. Trần Quốc Toản.

d. Trần Thủ Độ.

Câu 11. Quân đội nhà Trần đã mở cuộc phản công lớn đánh quân Mông Cổ tại đâu?

a. Quy Hoá.

b. Đông Bộ Đầu.

c. Chương Dương.

d. Hàm Tử.

Câu 12. Ngày 29.1.1258, ghi vào lịch sử chống quân Mông Cổ của dân tộc ta, đó là ngày gì?

a. Quân Mông Cổ bị đánh ở Đông Bộ Đầu.

b. Quân Mông Cổ thua trận, phải rời khỏi Thăng Long.

c. Quân Mông Cổ gặp khó khăn ở Thăng Long.

d. Quân Mông Cổ bị đánh ở Vạn Kiếp.

Câu 13. Tại Bình Lệ Nguyên, trước thế giặc mạnh, vua Trần đã có quyết định như thế nào?

a. Lui quân để bảo toàn lực lượng.

b. Dâng biểu xin hàng.

c. Cho sứ giả sang cầu hòa, vừa chuẩn bị lực lượng phản công.

d. Dốc toàn lực phản công.

Câu 14. Ai là người cho quân đánh Cham-pa để làm bàn đạp tấn công Đại Việt vào thế kỉ XIII?

a. Thoát Hoan.

b. Ô Mã Nhi.

c. Ngột Lương Hợp Thai.

d. Hốt Tất Liệt.

Câu 15. Năm 1283, hơn 10 vạn quân Nguyên cùng 300 chiếc thuyền do ai chỉ huy xâm lược Cham-pa?

a. Thoát Hoan. b. Ô Mã Nhi. c. Toa Đô. d. Hốt Tất Liệt.

Câu 16. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần II, ai là người tự gương cao lá cờ: "Phá cường địch, báo hoàng ân"?

a. Trần Quốc Tuấn.

b. Phạm Ngũ Lão.

c. Trần Khánh Dư.

d. Trần Quốc Toản.

Câu 17. Bài "Hịch tướng sĩ "của Trần Quốc Tuấn được viết vào thời điểm nào?

a. Kháng chiến chống quân Nguyên lần I.

b. Kháng chiến chống quân Nguyên lần II.

c. Kháng chiến chống quân Nguyên lần III.

d. Cả ba thời kì trên.

Câu 18. Khi quân Nguyên sắp xâm lược Đại Việt, nhà Trần đã chuẩn bị về mặt quân sự như thế nào?

a. Triệu tập Hội nghị Bình Than.

b. Cử Trần Quốc Tuấn phụ trách chỉ huy kháng chiến.

c. Tổ chức tập trận và duyệt binh, chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu.

d. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 19. Vua Trần mở Hội nghị Diên Hồng, mời các bậc phụ lão có uy tín trong cả nước bàn cách đánh giặc. Hội nghị mở vào năm nào?

a. Năm 1258. b. Năm 1285. c. Năm 1259. d. Năm 1295.

Câu 20. Ai là người được vua Trần giao trọng trách Quốc công tiết chế chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai?

a. Trần Khánh Dư. c. Trần Quang Khải.

b. Trần Nhật Duật. d. Trần Quốc Tuấn.

Câu 21. "Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì trước hãy chém đầu thần rồi hãy hàng". Câu nói đó của ai?

a. Trần Bình Trọng. c. Trần Khánh Dư.

b. Trần Thủ Độ. d. Trần Quốc Tuấn.

Câu 22. Tháng 5.1285, quân Trần tổ chức phản công đánh bại giặc Nguyên ở đâu?

a. Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương.

b. Tây Kết, Thăng Long, Chương Dương.

c. Vạn Kiếp, Hàm Tử, Đông Bộ Đầu.

d. Tây Kết, Chương Dương, sông Bạch Đằng.

Câu 23. Cuối tháng 12.1287, cánh quân bộ của quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy đánh vào vùng nào của nước ta?

a. Thái Nguyên, Lạng Sơn. b. Lạng Sơn, Bắc Giang.

c. Cao Bằng, Lai Châu. d. Các vùng trên.

Câu 24. Người làm nên chiến thắng ở Vân Đồn vào cuối năm 1287 là ai?

a. Trần Quang Khải. c. Trần Bình Trọng.

b. Trần Khánh Dư. d. Trần Nhật Duật.

Câu 25. Khi chiếm được Thăng Long, Thoát Hoan đã làm gì?

a. Cho quân tiến đánh các căn cứ của quân nhà Trần.

b. Đem quân đuổi bắt các vua Trần.

c. Tàn sát thành Thăng Long.

d. Tất cả các hành động trên.

Câu 26. Với chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, quân ta đã bắt sống tướng nào của quân Nguyên?

a. Hốt Tất Liệt. b. Toa Đô. c. Thoát Hoan. d. Ô Mã Nhi.

Câu 27. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất trong các nguyên nhân dẫn đến thắng lợi trong ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông?

a. Nhân dân có lòng yêu nước và tích cực tham gia kháng chiến.

b. Nội bộ lãnh đạo nhà Trần đoàn kết một lòng.

c. Nhà Trần có đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn sáng tạo và có những danh tướng tài ba.

d. Nhà Trần được nhân dân các dân tộc ủng hộ.

Câu 28. Câu nào dưới đây không nằm trong ý nghĩa của thắng lợi ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên?

a. Dập tan tham vọng và ý chí xâm lược của quân Mông - Nguyên, bảo vệ nền độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

b. Nâng cao lòng tự hào, tự cường của dân tộc.

c. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

d. Đưa nước ta trở thành nước hùng mạnh nhất thế giới.

Câu 29. Ý nghĩa của cuộc chiến thắng Bạch Đằng (4-1288) là gì?

a. Thể hiện tài năng lãnh đạo của Trần Quốc Tuấn.

b. Thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân dân nhà Trần.

c. Đập tan ý đồ xâm lược Đại Việt của quân Nguyên.

d. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 30. Ý nghĩa lịch sử của ba lần chiến thắng Mông - Nguyên đối với nước ta?

a. Bảo vệ được độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

b. Góp phần xây đắp truyền thống quân sự Việt Nam.

c. Thể hiện tinh thần đoàn kết toàn dân, nâng cao lòng tự hào dân tộc.

d. Tất cả các câu trên đúng.

BÀI 15

SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA THỜI TRẦN

A. Kiến thức cơ bản

I. Sự phát triển kinh tế

1. Tình hình kinh tế sau chiến tranh

- Chiến tranh kết thúc. Trong niềm tự hào to lớn về chiến thắng oanh liệt của mình, Nhà nước và nhân dân thời Trần ra sức khôi phục sản xuất nông nghiệp mở rộng diện tích trồng trọt, xây dựng lại xóm làng, tiếp tục khai hoang; các quý tộc địa chủ, vương hầu chiêu tập dân nghèo khai hoang mở rộng ruộng đất tư hữu, thành lập thêm nhiều điền trang.

- Các nghề thủ công cổ truyền như: ươm tơ, dệt lụa, làm đồ sứ, chế tạo vũ khí, đúc đồng, làm giấy... đều nhanh chóng phát triển. Hình thành một số làng nghề thủ công, các mặt hàng thủ công ngày càng đẹp, tốt hơn do trình độ, kĩ thuật được nâng cao, góp phần quan trọng vào việc gia tăng chất lượng sản phẩm và phục vụ nhu cầu nhân dân.

- Thương nghiệp phát triển. Thăng Long trở thành một đô thị sầm uất, vừa có nhiều phường thủ công vừa có nhiều phường chợ buôn bán. Các thuyền buôn nước ngoài cũng đến buôn bán, trao đổi hành hóa nhiều hơn..

2. Tình hình xã hội sau chiến tranh

- Từ sau chiến tranh Mông - Nguyên xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc, vua quan, quý tộc, địa chủ tập trung trong tay nhiều ruộng đất, bóc lột nông nô, nô tì. Trong lúc đó, nhất là thế kỉ XIV, số nông dân rơi vào cảnh phụ thuộc tăng lên nhanh chóng. Số nô tì cũng tăng thêm so với trước. Tầng lớp thợ thủ công và thương nhân chiếm một tỉ lệ nhỏ trong dân cư nhưng ngày một đông hơn.

II. Sự phát triển Văn hóa

1. Đời sống Văn hóa

- Về tôn giáo, tín ngưỡng: Đạo Phật tiếp tục chiếm ưu thế. Hình thành dòng Phật giáo Việt Nam: Trúc Lâm.

+ Trong lúc đó, do nhu cầu xây dựng bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị, Nho giáo phát triển nhanh và đều đặn, địa vị của Nho giáo ngày càng được nâng cao. Nhiều nhà Nho giỏi ra sức đóng góp, xây dựng và nâng cao dân trí.

+ Tín ngưỡng dân gian ngày càng mở rộng, nhất là tục thờ những người có công với quê hương, đất nước.

- Các hình thức lễ hội dân gian như đua thuyền, đấu vật, nhảy múa, hát ca, tuồng, chèo... ngày càng phong phú, tập quán giản dị nhưng bên cạnh sự giản dị đó là một dân tộc giàu tính tinh thần thượng võ, giàu tình yêu quê hương đất nước.

2. Văn học

- Văn học chữ Hán và chữ Nôm phát triển phong phú với nội dung mang đậm tình cảm yêu nước, tự hào về quê hương đất nước làm rạng rỡ cho văn hóa Đại Việt. Nổi lên các áng văn thơ đặc sắc như "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo, các bài thơ của Trần Quang Khải, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh v.v...

3. Giáo dục và khoa học kĩ thuật

- Thời Trần, Quốc tử giám mở rộng việc đào tạo con em quý tộc, quan lại. Các lộ, phủ quanh kinh thành đều có trường công, làng xã có trường tư.

Chu Văn An - một thầy giáo tiêu biểu thời Trần.

- Giáo dục thi cử từng bước hoàn thiện và phát triển. Quốc viện sử (chuyên viết sử) do Lê Văn Hưu đứng đầu, bộ Đại Việt sử kí gồm 30 quyển do ông viết, đây là bộ chính sử đầu tiên của nước ta. Quân sự có tác phẩm Binh thư yếu lược của Trần Hưng Đạo...

- Do nhu cầu củng cố lực lượng quốc phòng, xây dựng quân đội hiện đại, vào cuối thế kỉ XIV, Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công đã có những thành tựu kĩ thuật quý giá: chế tạo súng thần cơ (đại bác) và đóng thuyền chiến lớn.

4. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc

- Trong lĩnh vực nghệ thuật, xuất hiện nhiều công trình kiến trúc lớn, có giá trị như các cung điện ở Thăng Long và Tức Mặc (Nam Định), tháp Bình Sơn, tháp Phổ Minh và thành nhà Hồ (Tây Đô). Bên cạnh đó cũng xuất hiện các tượng người, tượng sư tử, rồng... với nhiều bức chạm nổi đặc sắc.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Thời Trần, ruộng đất của quý tộc, vương hầu do vua ban gọi là gì?

a. Thái Ấp b. Điền trang c. Tịch điền d. Trang viên

Câu 2. Thời Trần, ruộng đất của quý tộc, vương hầu do khai hoang mà có gọi là gì"?

a. Thái ấp, b. Điền trang. c. Tịch điền. d. Trang viên.

Câu 3. Xã hội thời Trần gồm có những tầng lớp nào?

a. Vương hầu, quý tộc - nông dân, nông nô.

b. Vương hầu, quý tộc - nông dân, nô tì, thợ thủ công.

c. Vương hầu, quý tộc - địa chủ - nông dân tự do, nông dân tá điền - thợ thủ công, thương nhân - nô tì, nông nô.

d. Quý tộc - địa chủ - nông dân, nông nô, nông dân tự do, nông dân tá điền.

Câu 4. Thời Trần, những người giàu có trong xã hội có nhiều ruộng đất cho thuê nhưng không thuộc tầng lớp quý tộc được gọi là:

a. Chủ nô. b. Vương hầu. c. Thương nhân. d. Địa chủ.

Câu 5. Thời Trần, Nhà nước độc quyền quản lí nghề thủ công nào?

a. Chế tạo vũ khí. c. Đúc đồng.

b. Dệt vải. d. Làm giấy.

Câu 6. Các vương hầu, quý tộc nhà Trần tiếp tục chiêu tập dân nghèo để làm gì?

a. Luyện tập quân sự, làm đường sá, khai thác mỏ.

b. Làm nghề thủ công, ươm tơ, dệt vải.

c. Khai hoang, lập điền trang.

d. Hầu hạ, phục dịch, làm tôi tớ.

Câu 7. Tình hình ruộng đất tư hữu của địa chủ thời Trần như thế nào?

a. Ngày càng nhiều.   c. Ngày càng bị thu hẹp.

b. Bị nhà nước tịch thu.   d. Bị bỏ hoang nhiều.

Câu 8. Thợ thủ công dưới thời Trần đã tập trung về đâu để lập ra các phường nghề?

a. Vân Đồn.   c. Chương Dương.

b. Vạn Kiếp.   d. Thăng Long.

Câu 9. Việc trao đổi buôn bán với thương nhân nước ngoài dưới thời Trần được đẩy mạnh ở đâu?

a. Thăng Long.   c. Vân Đồn.

b. Chương Dương.   d. Các vùng trên.

Câu 10. Tầng lớp nào trong xã hội thời Trần có nhiều ruộng đất để lập điền trang, thái ấp?

a. Vương hầu, quý tộc.   c. Nông dân.

b. Địa chủ.   d. Nông dân tham gia kháng chiến.

Câu 11. Tín ngưỡng phổ biến nhất trong xã hội thời Trần là:

a. Tín ngưỡng dân gian, cổ truyền.   c. Nho giáo.

b. Phật giáo.   d. Cao Đài.

Câu 12. Đạo Phật dưới thời Trần phát triển mạnh mẽ hơn dưới thời nhà Lý. Đúng hay sai?

a. Đúng.   b. Sai.

Câu 13. Ai là thầy giáo, nhà nho dưới thời Trần được triều đình trọng dụng nhất?

a. Trương Hán Siêu.   c. Đoàn Nhữ Hải.

b. Chu Văn An.   d. Phạm Sư Mạnh.

Câu 14. Người đầu tiên dùng chữ Nôm để sáng tác văn học là ai?

a. Trần Quốc Tuấn   c. Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên).

b. Nguyễn Du.   d. Nguyễn Trãi.

Câu 15. Nhà y, dược học lỗi lạc thời Trần đã nghiên cứu thành công nhiều loại cây cỏ trong nước để chữa bệnh cho nhân dân. Ông là ai?

a. Lê Hữu Trác (Hải Thượng Lãn Ông).   b. Nguyễn Bá Tĩnh (Tuệ Tĩnh).

c. Phan Phu Tiên.   d. Phạm Sư Mạnh.

Câu 16. Bộ "Đại Việt sử ký" do ai viết? Vào thời gian nào?

a. Lê Văn Hưu - Năm 1272.

b. Lê Hữu Trác - Năm 1272.

c. Trần Quang Khải - Năm 1281.

d. Trương Hán Siêu - Năm 1271.

Câu 17. Cuối thế kỉ XIV, người có công chế tạo ra súng thần cơ và đóng các loại thuyền lớn là ai?

a. Trần Hưng Đạo. c. Trần Quang Khải.

b. Hồ Nguyên Trừng. d. Trần Nguyên Đán.

Câu 18. Những công trình kiến trúc nổi tiếng nào đã được xây dựng vào thời Trần.

a. Tháp Phổ Minh, chùa Một cột b. Tháp Phổ Minh, thành Tây Đô

c. Tháp Phổ Minh, chùa Thiên Mụ d. Tháp Phổ Minh, chùa Tây Phương

BÀI 16

SỰ SỤP ĐỔ CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình kinh tế xã hội

1. Tình hình kinh tế

- Vào cuối thế kỉ XIV, vua quan nhà Trần không còn chăm lo đến đời sống nhân dân, không quan tâm sản xuất nông nghiệp, tu sửa, bảo vệ đê điều... nên mất mùa, đói kém, nông dân bị biến thành nông nô, vua quan chỉ đua nhau ăn chơi sa đọa, xây dựng chùa chiền, dinh thự.

- Vương hầu, quý tộc, nhà chùa, địa chủ nắm trong tay nhiều ruộng đất, ruộng đất công làng xã bị xâm lấn, nông dân đời sống bấp bênh khổ cực, dân nghèo vẫn phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

2. Tình hình xã hội

- Mặc cho đời sống nhân dân sa sút nghiêm trọng, vua, quan, quý tộc nhà Trần vẫn lao vào ăn chơi sa đọa.

Trong lúc đó, mâu thuẫn nội bộ nảy sinh và ngày càng sâu sắc, nhất là khi Dương Nhật Lễ được đưa lên làm vua.

- Nông dân không có ruộng đất để cày cấy; thiên tai, mất mùa liên tiếp xảy ra, ách bóc lột nặng nề đã khiến cho đời sống của họ càng thêm khổ cực. Không còn cách nào khác, những nông dân nghèo, những gia nô, nô tì đã cầm gậy gộc, giáo mác nổi dậy chống lại triều đình, quan lại. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa đã bùng lên ở Hải Dương, Sơn Tây, Thanh Hóa v.v...

- Các cuộc khởi nghĩa nông dân, nô tì bị đàn áp, cuộc sống của người nông dân vẫn không thay đổi. Nhà Trần suy sụp.

II. Nhà Hồ và cải cách của Hồ Quý Ly

1. Nhà Hồ thành lập (1400)

- Trong lúc nhà Trần suy thoái nghiêm trọng, xã hội lâm vào cảnh khủng hoảng, nông dân khởi nghĩa ở nhiều nơi, xuất hiện nhân vật Hồ Quý Ly, vốn là một người thuộc họ ngoại của nhà Trần, lại có tài năng và nắm giữ chức vụ cao nhất trong triều (sau vua), đã quan tâm đến thời thế.

- Sau vụ một số quý tộc nhà Trần mưu giết Hồ Quý Ly không thành (1399), năm 1400, ông phế truất vua Trần và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu - nhà Hồ thành lập.

2. Những biện pháp cải cách của Hồ Quý Ly

Với mong muốn cứu vãn tình thế của vương triều và đất nước, Hồ Quý Ly quyết định thực hiện một số cải cách lớn:

- *Về chính trị:* Ông cải tổ hàng ngũ võ quan, thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần nhưng có tài năng và thân cận với mình.

+ Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng việc làm của bộ máy chính quyền các cấp.

+ Hồ Quý Ly đặt lệ các quan ở triều đình về các lộ thăm hỏi đời sống nhân dân.

- *Về kinh tế - Tài chính:* Hạn chế và xóa bỏ chế độ sở hữu lớn về ruộng đất, đặc biệt là điền trang của quý tộc Trần; phát hành tiền giấy, hạn chế việc nuôi nô tì, quy định lại thuế đinh theo số ruộng có được.

- *Về Văn hóa, giáo dục:* Đề cao chữ Nôm, chấn chỉnh lại chế độ thi cử.

- *Về quân sự:* Củng cố quân đội, tăng cường khả năng quốc phòng, chế tạo vũ khí mới.

3. Ý nghĩa, tác dụng của cải cách Hồ Quý Ly

- Cải cách của Hồ Quý Ly góp phần giải quyết một số khó khăn của đất nước, nâng cao quyền lực của chính quyền Trung ương, nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, việc thực hiện còn chưa triệt để, chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết của cuộc sống đông đảo nhân dân.

- Với lòng yêu nước, Hồ Quý Ly là nhà cải cách nổi tiếng trong lịch sử nước ta thời phong kiến.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu1. Tình hình kinh tế xã hội nước ta vào cuối thời Trần như thế nào?

a. Nền kinh tế trì trệ, mất mùa liên tục xảy ra.

b. Đời sống của các tầng lớp nhân dân cơ cực, đói khổ.

c. Khởi nghĩa của nông dân và nô tì nổ ra khắp nơi.

d. Tất cả các ý trên.

Câu 2. Người nông dân dưới thời Trần cuối thế kỉ XIV, họ phải bán ruộng, bán vợ, con cho quý tộc, địa chủ thì họ trở thành tầng lớp nào?

a. Nông dân bần cùng.
c. Nô tì.
b. Nông nô.
d. Các tầng lớp trên.

Câu 3. Vào nửa thế kỉ XIV, có bao nhiêu lần vỡ đê, lụt lớn?

a. 10 lần. b. 9 lần. c. 8 lần. d. 12 lần.

Câu 4. Dưới thời Trần nửa sau thế kỉ XIV, hầu hết ruộng đất tập trung trong tay tầng lớp nào?

a. Vương hầu, quý tộc.

b. Vương hầu, quý tộc, nhà chùa, địa chủ.

c. Vương hầu, quý tộc, địa chủ.

d. Vương hầu, quý tộc, nhà chùa, địa chủ, nông dân.

Câu 5. Khi vua ăn chơi sa đoạ thì vương hầu, quý tộc có thái độ và hành động như thế nào?

a. Chống lại hành động của vua.
b. Thả sức ăn chơi xa hoa.
c. Nổi dậy chống lại vua.
d. Từ quan về ở ẩn.

Câu 6 Ai là người dâng sớ đòi vua chém đầu 7 tên nịnh thần?

a. Nguyễn Phi Khanh.
c. Trần Khánh Dư.
b. Trần Quốc Tuấn.
d. Chu Văn An.

Câu 7. Sau khi Trần Dụ Tông chết, ai là người lên nắm quyền? Vào thời gian nào?

a. Hồ Quý Ly (1400).
c. Nguyễn Thanh (1379).
b. Dương Nhật Lễ (1369).
d. Nguyễn Bồ (1379).

Câu 8. Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên ngôi vào năm nào?

a. Năm 1399. b. Năm 1400. c. Năm 1401. d. Năm 1402.

Câu 9. Năm 1358, diễn ra cuộc khởi nghĩa nào của nhân dân? Khởi nghĩa nổ ra ở đâu?

a. Khởi nghĩa Nguyễn Thanh - Ở Thanh Hoá.

b. Khởi nghĩa của Nguyễn Bồ - Ở Bắc Giang.

c. Khởi nghĩa của Nguyễn Kỵ - Ở Nông Cống.

d. Khởi nghĩa của Ngô Bệ - Ở Hải Dương.

Câu 10. Ai là người tụ tập nông dân khởi nghĩa vào năm 1379 và tự xưng là Linh Đức Vương ở vùng sông Chu (Thanh Hoá)?

a. Nguyễn Thanh. b. Ngô Bệ. c. Nguyễn Bồ. d. Nguyễn Kỵ.

Câu 11. Nhà sư Phạm Sư Ôn hô hào nông dân nổi dậy ở Quốc Oai vào năm nào?

a. Năm 1369. b. Năm 1379. c. Năm 1390. d. Năm 1391.

Câu 12. Khởi nghĩa Ngô Bệ diễn ra trong thời gian nào?

a. Từ năm 1344 đến năm 1350.
b. Từ năm 1344 đến năm 1455.
c. Từ năm 1344 đến năm 1360.
d. Từ năm 1344 đến năm 1365.

Câu 13. Cuộc khởi nghĩa nào hoạt động ở vùng sông Chu (Thanh Hóa)

a. Cuộc khởi nghĩa Ngô Bệ.
b. Cuộc khởi nghĩa Nguyễn Thanh.
c. Cuộc khởi nghĩa Nguyễn Ky.
d. Cuộc khởi nghĩa Phạm Sư Ôn.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa nào hoạt động ở vùng Nông Cống (Thanh Hóa)?

a. Khởi nghĩa Ngô Bệ.
b. Khởi nghĩa Nguyễn Thanh.
c. Khởi nghĩa Nguyễn Ky.
d. Khởi nghĩa Nguyễn Nhữ Cái.

Câu 15. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân dưới thời nhà Trần vào nửa sau thế kỉ XIV đã giành được thắng lợi vẻ vang. Đúng hay sai?

a. Đúng.
b. Sai.

Câu 16. Sự bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của nông dân nửa sau thế kỉ XIV chứng tỏ điều gì?

a. Nhà Trần đã suy yếu, không còn đảm nhận vai trò ổn định và phát triển đất nước.

b. Nông dân đã giác ngộ và có ý thức dân tộc.

c. Sự sụp đổ của nhà Trần là khó tránh khỏi.

d. Triều Trần suy yếu, phe phái trong triều mâu thuẫn.

Câu 17. Quốc hiệu của nước ta dưới thời nhà Hồ là gì?

a. Đại Việt.
b. Đại Cồ Việt.
c. Đại Ngu.
d. Việt Nam.

Câu 18. Năm nào Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy?

a. Năm 1399.
b. Năm 1340.
c. Năm 1367.
d. Năm 1396.

Câu 19. Những cải cách của Hồ Quý Ly đã góp phần làm suy yếu thế lực nào của nhà Trần?

a. Quý tộc tôn thất nhà Trần.
b. Địa chủ nhà Trần.
c. Quý tộc quan lại nhà Trần.
d. Tất cả các thế lực trên.

Câu 20. Cải cách của Hồ Quý Ly đối với gia nô, nô tì như thế nào?

a. Đã giải phóng thân phận nô lệ.

b. Chưa giải phóng thân phận nô lệ.

c. Chuyển gia nô và nô tì trở thành nông dân tự do.

d. Gia nô, nô tì không còn lệ thuộc quan lại.

BÀI 17
ÔN TẬP CHƯƠNG 2 VÀ CHƯƠNG 3

A. Kiến thức cơ bản

1. Hệ thống kiến thức cơ bản đã học ở 2 chương về các sự kiện, nhân vật chính và các giai đoạn phát triển của lịch sử nước ta từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XV.

* **Năm 939**. Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

* **965-980:** Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, lên ngôi vua, lập nhà Đinh, đặt tên nước Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

* **980-1009:** Lê Hoàn đánh bại quân xâm lược Tống, lên ngôi vua, lập nhà Tiền Lê đóng đô ở Hoa Lư.

****1009-1226:***

+ 1009: Lý Công Uẩn lên ngôi, lập nhà Lý.

+ 1010: Nhà Lý dời đô về Đại La đổi tên là Thăng Long.

+ 1042: Vua Lý ban hành Bộ luật Hình thư.

+ 1054: Nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt.

+ 1070: Nhà Lý lập Văn miếu thờ Khổng Tử.

+ 1075: Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên.

+ 1076: Nhà Lý lập Quốc tử giám ở kinh đô.

+ 1077: Lý Thường Kiệt lãnh đạo chống Tống thắng lợi.

****1226-1339:***

+ 1226: Trần Cảnh lên ngôi, lập ra nhà Trần.

+ 1230: Nhà Trần ban hành Quốc triều hình luật.

+ 1253: lập Quốc học viện và Giảng võ đường.

+ 1258: Chiến thắng quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất.

+ 1285: Chiến thắng quân Nguyên lần thứ hai.

+ 1288: Chiến thắng quân Nguyên lần thứ ba.

* ***1400-1407:*** Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần, lập nhà Hồ đổi quốc hiệu là Đại Ngu, thực hiện những biện pháp cải cách đất nước.

2. Đặc điểm của các cuộc kháng chiến

a. Kháng chiến chống Tống dưới thời Lý

- Thời gian: 1075-1077

- Đường lối: + Đánh trước để tự vệ

+ Phương thức kết thúc chiến tranh: chủ động kết thúc chiến tranh bằng biện pháp mềm dẻo, thương lượng, đề nghị "giảng hòa".

- Gương tiêu biểu: Lý Thường Kiệt

b. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời Trần

- Thời gian: ba lần kháng chiến
    + Lần thứ nhất (1258)
    + Lần thứ hai (1285)
    + Lần thứ ba (1287-1288)

- Đường lối: toàn dân "vườn không nhà trống" khi giặc vào. Tổng tấn công khi thời cơ đến (trên cơ sở cắt nguồn lương thực của địch).

- Gương tiêu biểu: Trần Hưng Đạo, Trần Thủ Độ, các vua Trần, Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản, Trần Bình Trọng.

3. Những thành tựu nổi bật về các mặt: kinh tế, văn hóa; giáo dục; khoa học - nghệ thuật của Đại Việt thời Lý - Trần.

Thành tựu	Thời Lý	Thời Trần
1) Kinh tế	* Nông nghiệp: - Nông dân: có ruộng đất cày cấy. - Nhà nước khuyến khích khai hoang. Công tác thuỷ lợi được chú ý. * Thủ công nghiệp: có nhiều nghề. * Thương nghiệp: buôn bán, trao đổi trong nước và ngoài nước mở mang.	* Nông nghiệp: khuyến khích sản xuất, mở rộng diện tích trồng trọt. Công cuộc khai hoang, đắp đê được củng cố. Ruộng đất làng xã nhiều. * Thủ công nghiệp: do nhà nước quản lý có nhiều ngành nghề. Thủ công nghiệp trong nhân dân rất phổ biến và phát triển. * Thương nghiệp: Chợ búa tấp nập. Trao đổi buôn bán trong và ngoài nước được đẩy mạnh.
2) Văn hoá.	- Đạo Phật phát triển mạnh nhất. Các hình thức sinh hoạt văn hoá phong phú, đa dạng. Nhiều trò chơi dân gian được dân chúng ham chuộng.	- Tín ngưỡng cổ truyền phổ biến. Đạo Phật phát triển. Nho giáo ngày càng phát triển. Các hình thức sinh hoạt văn hoá đa dạng, phong phú.
3) Giáo dục	- Xây dựng Văn Miếu để thờ Khổng Tử và dạy học cho con vua. - Mở khoa thi tuyển chọn quan lại.	- Quốc tử giám mở rộng để đào tạo con em quý tộc, quan lại. Các lộ, phủ có trường học. Trong nhân dân ở các làng xã có trường tư. Các kì thi được tổ chức

	- Văn học chữ Hán bắt đầu phát triển:	ngày càng nhiều.
4) Khoa học, nghệ thuật	- Nghệ thuật điêu khắc rất phát triển. - Một số công trình nghệ thuật có giá trị được xây dựng. - Trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát. Phong cách nghệ thuật đa dạng, độc đáo và linh hoạt.	- Cơ quan chuyên viết sử ra đời với bộ Đại Việt sử kí. Quân sự, với tác phẩm nổi tiếng: Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn. Y học có thầy thuốc Tuệ Tĩnh nghiên cứu thuốc nam để chữa bệnh cho nhân dân. Thiên văn học có những đóng góp đáng kể. Đã chế tạo được súng. - Phát triển công trình kiến trúc mới ra đời.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Từ năm 1226 đến năm 1400, đó là thời gian tồn tại và phát triển của triều đại nào ở nước ta?

a. Triều đại nhà Lý. b. Triều đại nhà Trần.

c. Triều đại nhà Hồ. d. Triều đại Lý - Trần.

Câu 2. Việc ban hành Quốc triều hình luật diễn ra trong thời kì nào?

a. Thời nhà Lý. c. Thời nhà Hồ.

b. Thời nhà Trần. d. Thời nhà Tiền Lê.

Câu 3. Thời gian tồn tại của nhà Lý nhiều hơn nhà Hồ là bao nhiêu năm?

a. 215 năm. b. 210 năm. c. 208 năm. d. 220 năm.

Câu 4. Từ triều đại nhà Lý chuyển sang triều đại nhà Trần bằng cách nào?

a. Khởi nghĩa của nông dân làm cho nhà Lý suy yếu, nhà Trần cướp ngôi.

b. Nhường ngôi, vì vua Lý quá già.

c. Nhường ngôi, vì vua Lý không đảm đang việc nước.

d. Nhà Trần nổi dậy cướp ngôi nhà Lý.

Câu 5. Đạo Phật phát triển mạnh nhất trong thời kì nào của nước ta?

a. Thời kì nhà Lý. c. Thời kì nhà Hồ.

b. Thời kì nhà Trần. d. Cả 3 thời kì trên.

Câu 6. Dòng sông nào ở nước ta đã ghi dấu ấn ba lần đánh bại quân xâm lược?

a. Sông Như Nguyệt. c. Sông Bạch Đằng.

b. Sông Mã. d. Các dòng sông trên.

Câu 7. Kể tên ba vị vua đầu tiên của ba thời kì: Nhà Lý, nhà Trần và nhà Hồ?

a. Lý Công Uẩn, Trần Cảnh, Hồ Quý Ly.

b. Lý Chiêu Hoàng, Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly.

c. Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hồ Quý Ly.

d. Lý Công Uẩn, Trần Hưng Đạo, Hồ Quý Ly.

Câu 8. Dưới thời Lý - Trần - Hồ, nhân dân ta phải dương đầu với các thế lực ngoại xâm nào của Trung Quốc?

a. Quân Tống, quân Thanh, quân Minh.

b. Quân Đường, quân Tống, quân Minh.

c. Quân Hán, quân Tống, quân Minh.

d. Quân Tống, quân Mông - Nguyên, quân Minh.

Câu 9. Hãy ghi đúng (Đ), sai (S) vào các sự kiện sau:

a. Cuộc chiến đấu ở sông Như Nguyệt quyết định số phận của quân Minh xâm lược.

b. Đạo Phật phát triển mạnh mẽ nhất dưới thời Lý.

c. Năm 1070, Văn Miếu được xây dựng ở Thăng Long để thờ Chu Văn An.

d. Hình luật thời Trần cũng giống như thời Lý nhưng được bổ sung thêm..

e. Quân đội nhà Trần được tuyển dụng theo chính sách "ngụ binh ư nông".

g. Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là khúc ca khải hoàn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Nguyên.

h. Những cải cách của Hồ Quý Ly làm cho nô tì và gia nô được giải phóng thân phận.

i. Cải cách của Hồ Quý Ly ít nhiều góp phần hạn chế tệ tập trung ruộng đất của giai cấp quý tộc, địa chủ.

Câu 10. Việc dời đô về Thăng Long diễn ra trong thời kì nào?

a. Thời kì nhà Lý.

b. Thời kì nhà Trần.

c. Thời kì nhà Hồ.

d. Thời kì nhà Lê (tiền Lê).

CHƯƠNG IV
ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ
(THẾ KỈ XV-ĐẦU THẾ KỈ XVI)

BÀI 18
CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÀ HỒ VÀ PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH ĐẦU THẾ KỈ XV

A. Kiến thức cơ bản

1. Cuộc xâm lược của quân Minh và sự thất bại của nhà Hồ

- Lợi dụng tình thế khó khăn của nước ta đầu thời nhà Hồ, quân xâm lược Minh đã tiến sang nước ta (11-1406) do tướng Trương Phụ cầm đầu.

- Mặc dù quân nhà Hồ đã chiến đấu anh dũng và kiên cường nhưng do không đoàn kết được toàn dân, cuối cùng đã bị thất bại. Nhà Hồ sụp đổ (6-1407).

2. Chính sách cai trị của nhà Minh

- Xâm chiếm được nước ta, quân Minh vội xóa tên Đại Việt, gọi nước ta là Giao Chỉ như thời Bắc thuộc. Chính sách áp bức, bóc lột của chúng hết sức nặng nề. Không những thế, chúng còn ra sức tàn phá những di sản văn hóa của dân tộc ta, thực hiện chính sách đồng hóa nhằm xóa bỏ nước ta trên bản đồ thế giới.

3. Những cuộc khởi nghĩa của quý tộc nhà Trần

- Không thể chấp nhận ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh, với lòng yêu nước và lòng tự hào dân tộc, nhân dân ta đã cầm vũ khí nổi dậy đấu tranh theo sự chỉ đạo của các quý tộc Trần.

+ Khởi nghĩa Trần Ngỗi (1407-1409).

+ Khởi nghĩa Trần Quý Khoáng (1409-1414)

- Tuy bước đầu giành được một số thắng lợi, nhưng do mâu thuẫn nội bộ, các cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng lần lượt bị đàn áp.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Quân Minh xâm lược nước ta vào thời gian nào?

a. Tháng 12 năm1406. c. Tháng 10 năm 1406.
b. Tháng 11 năm 1406. d. Tháng 11 năm 1407.

Câu 2.Tướng nào cầm đầu quân Minh xâm lược nước ta?

a. Tướng Trương Phụ. c. Tướng Liễu Thăng.
b. Tướng Vương Thông. d. Tướng Mộc Thạnh.

Câu 3. Hồ Quý Ly lấy vùng nào làm trung tâm phòng ngự chống lại quân Minh?

a. Đa Bang (Ba Vì, Hà Tây).
c. Sông Nhị (Sông Hồng).
b. Đông Đô (Thăng Long).
d. Tất cả các vùng trên.

Câu 4. Hồ Quý Ly bị quân Minh bắt vào thời gian nào? Ở đâu?

a. Tháng 4 năm 1407. Ở Tây Đô.
b. Tháng 6 năm 1408. Ở Hà Tĩnh.
c. Tháng 6 năm 1407. Ở Thăng Long.
d. Tháng 6 năm 1407. Ở Hà Tĩnh.

Câu 5. Nhà Minh đã đổi Quốc hiệu của nước ta thành quận của Trung Quốc đó là quận gì?

a. Quận Cửu Châu.
c. Quận Giao Chỉ.
b. Quận Nhật Nam.
d. Quận Hợp Phố.

Câu 6. Chính sách cai trị tàn bạo nhất của nhà Minh là gì?

a. Tăng thuế đối với nông dân.
b. Bắt phụ nữ, trẻ em đưa về Trung Quốc làm nô tì.
c. Cưỡng bức nhân dân ta bỏ phong tục tập quán cũ của mình.
d. Câu b và c đúng.

Câu 7. "Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội.
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi".
Đó là câu nói của ai? Trong tác phẩm nào?

a. Trần Hưng Đạo - Trong "Hịch tướng sĩ".
b. Lê Văn Hưu - Trong "Đại Việt sử ký toàn thư".
c. Nguyễn Trãi - Trong "Bình Ngô đại cáo".
d. Nguyễn Trãi - Trong "Phú núi Chí Linh".

Câu 8. Tại sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ nhanh chóng thất bại?

a. Đường lối đánh giặc sai lầm.
b. Không biết kế thừa bài học kinh nghiệm của các cuộc kháng chiến thời Lý - Trần.
c. Cải cách của Hồ Quý Ly có những hạn chế nên không đoàn kết được toàn dân đánh giặc.
d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 9. Nêu địa danh diễn ra cuộc khởi nghĩa của Phạm Ngọc?

a. Quảng Ninh.
c. Bắc Giang.
b. Đông Triều.
d. Đồ Sơn (Hải Phòng).

Câu 10. Khởi nghĩa của Trần Ngỗi đánh tan 4 vạn quân Minh ở đâu?

a. Bến Bô Cô (Nam Định).
c. Phú Thọ.
b. Đồ Sơn (Hải Phòng).
d. Thái Nguyên.

Câu 11. Cuộc khởi nghĩa của Trần Quý Khoáng kéo dài trong khoảng thời gian nào?

a. Từ năm 1407 đến năm 1408. b. Từ năm 1408 đến năm 1409.

c. Từ năm 1409 đến năm 1414. d. Từ năm 1410 đến năm 1415.

Câu 12. Hãy cho biết tên 2 tướng tài của Giản Định hoàng đế?

a. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.

b. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Dị.

c. Đặng Tất và Đặng Dung.

d. Nguyễn Cảnh Chân và Nguyễn Cảnh Dị.

Câu 13. Hãy cho biết tên 2 tướng tài của Trùng Quang đế?

a. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. b. Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị.

c. Đặng Tất và Đặng Dung. d. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Dị.

Câu 14. Nguyên nhân bùng nổ của các cuộc khởi nghĩa đầu thế kỉ XV?

a. Do chính sách thống trị và bóc lột tàn bạo của quân Minh.

b. Phù Trần Diệt Hồ.

c. Nhà Minh đồng hóa dân tộc ta.

d. Nhà Minh bắt nhân dân ta theo phong tục của Trung Quốc.

Câu 15. Đặc điểm của các cuộc khởi nghĩa đầu thế kỉ XV là gì?

a. Nổ ra sớm, mạnh mẽ, liên tục, phối hợp chặt chẽ

b. Nổ ra sớm, khá liên tục, mạnh mẽ nhưng thiếu sự phối hợp.

c. Nổ ra muộn, nhưng phát triển mạnh mẽ.

d. Nổ ra muộn, nhưng phát triển liên tục, phối hợp chặt chẽ.

Câu 16. Nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa đầu thế kỉ XV.

a. Chưa có một lãnh tụ đủ sức tập hợp toàn dân

b. Nội bộ những người lãnh đạo có mâu thuẫn

c. Thiếu sự liên kết, phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa để tạo nên một phong trào chung.

d. Tất cả các ý trên đúng.

BÀI 19

CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418-1427)

A. Kiến thức cơ bản

I. Thời kì ở Miền Tây Thanh Hóa (1418-1423)

1. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

- Lê Lợi (1285-1433) là một hào trưởng có uy tín ở vùng Lam Sơn (Thanh Hóa). Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, ông đã dốc hết tài sản chiêu tập nghĩa quân, bí mật liên lạc với các hào kiệt, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ khởi nghĩa.

- Được tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa chống quân Minh, hàng loạt nhân tài yêu nước từ các nơi đã tìm về Lam Sơn, trong đó nổi lên nhân vật Nguyễn Trãi.

- Năm 1416, hội thề Lũng Nhai của chủ soái Lê Lợi cùng 18 hào kiệt đồng chí hướng được tổ chức với quyết tâm chiến đấu đến cùng, "sống chết có nhau".

2. Những năm đầu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn

- Tháng 2-1418, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ. Trong tình thế lực lượng còn ít và yếu mà quân Minh lại đang mạnh và làm chủ cả nước, nghĩa quân đã phải trải qua rất nhiều khó khăn, gian khổ. Ba lần nghĩa quân phải rút quân lên núi Chí Linh, cố gắng bảo toàn lực lượng.

- Giữa năm 1418, quân Minh bao vây Chí Linh quyết bắt Lê Lợi, trong tình thế đó "Lê Lai liều mình cứu chúa". Hành động này đã nói lên niềm tin, lòng trung thành, tinh thần hi sinh vì sự nghiệp chung của đất nước của các tướng lĩnh nghĩa quân. Bằng hành động này, nghĩa quân Lam Sơn không chỉ bảo toàn được lực lượng chỉ đạo nòng cốt mà còn giữ vững được tinh thần bất khuất, chiến đấu kiên cường, buộc kẻ thù phải chấp nhận giảng hòa.

II. Giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa và tiến quân ra Bắc (1424-1426)

1. Giải phóng Nghệ An (năm 1424)

- Thời gian tạm hòa diễn ra không lâu. Quân Minh tìm mọi cách mua chuộc Lê Lợi nhưng không được. Chúng phải thay đổi ý định. Trước tình hình đó, nghĩa quân quyết định mở lại cuộc chiến đấu, đưa cuộc khởi nghĩa bước qua giai đoạn mới.

- Theo đề nghị của tướng Nguyễn Chích- một người đã từng hoạt động nhiều ở nam Thanh Hóa - bắc Nghệ An, nghĩa quân chuyển hướng tấn công vào Nghệ An, đất rộng người đông, lại vừa ít lực lượng của quân Minh, nhân dân đều mong muốn tham gia khởi nghĩa.

Được nhân dân ủng hộ, chỉ trong một thời gian ngắn, phần lớn Nghệ An được giải phóng quân giặc rút lui về thành để cố thủ, Lê Lợi xiết chặt vòng vây thành Nghệ An. Không đầy một tháng cả vùng Diễn Châu - Thanh Hóa được giải phóng.

2. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa (năm 1425)

- Tháng 8-1425, các tướng Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân... được lệnh tấn công từ Nghệ An và Tân Bình, vào Thuận Hóa.

- Trong vòng 10 tháng (từ tháng 10 - 1424 đến tháng 8-1425) cả vùng đất rộng lớn từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân được giải phóng, quân giặc chỉ còn giữ được một số thành.

3. Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động (cuối năm 1426)

Tháng 9-1426, trên đà thắng lợi, dựa vào cơ sở của vùng mới giải phóng. Lê Lợi và bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định tấn công ra Bắc theo ra hướng để vừa giải phóng ngăn chặn giặc từ Vân Nam sang, vừa giải phóng vùng hạ lưu sông Nhị (sông Hồng) và chặn đường rút của giặc từ Nghệ An về Đông Quan vừa tiến thẳng ra Đông Quan.

- Nhờ tinh thần chiến đấu và những chủ trương đúng đắn của bộ chỉ huy nghĩa quân, nhân dân khắp nơi đã nổi dậy nhiệt liệt ủng hộ và tham gia chiến đấu. Các vùng đất nước lần lượt được giải phóng. Ở đây, nổi lên tấm gương cao quý của 2 người phụ nữ: bà hàng nước làng Cổ Lộng và cô gái ả đào làng Đào Đặng (Hưng Yên)

III. Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng (cuối năm 1426 - cuối năm 1427)

1. Trận Tốt Động - Chúc Động (cuối năm 1426)

- Sau khi mất các vùng từ Thanh Hóa vào nam, quân Minh lo sợ đã cho người về nước xin cứu viện. Tháng 10-1426 hơn 5 vạn viện binh do Vương Thông chỉ huy đã tiến vào nước ta. Phối hợp với lực lượng còn lại quyết tâm giành lại thế chủ động.

- Nắm vững đường tiến quân của giặc, nghĩa quân đã tổ chức trận Tốt Động - Chúc Động. Chiến thắng to lớn của trận đánh không những tiêu diệt một lực lượng lớn của giặc mà còn đẩy chúng vào thế tuyệt vọng. Vương Thông rút quân về Đông Quan, đóng cửa thành cố thủ.

- Lợi dụng tình hình đó, nghĩa quân mở rộng hoạt động vây hãm thành Đông Quan giải phóng các vùng còn lại.

2. Trận Chi Lăng - Xương Giang (10-1427)

- Đầu tháng 10-1427 nhà Minh cử 2 đạo quân lớn, theo hai hướng tiến vào nước ta để cứu viện. Với tinh thần chủ động và chiến lược tài giỏi "vây thành, diệt viện", nghĩa quân đã làm nên chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang lừng lẫy, tiêu diệt hoàn toàn đạo quân cứu viện chính của giặc do Liễu Thăng chỉ huy.

- Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang đã đánh dấu sự kết thúc thắng lợi hoàn toàn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Ngày 10-12-1427, Hội thề Đông Quan được tổ chức, quân Minh được tạo điều kiện an toàn rút về nước. Đất nước sạch bóng quân xâm lược.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

* *Những nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn:*

- Lòng yêu nước nồng nàn, niềm tự hào sâu sắc, ý chí kiên cường quyết tâm giành lại độc lập của nhân dân ta.

- Sự lãnh đạo đúng đắn, tài giỏi của bộ chỉ huy nghĩa quân, đứng đầu là Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Những con người đó không chỉ có lòng yêu nước và tinh thần bất khuất, kiên cường mà còn biết "đồng cam cộng khổ", thương yêu nhân dân, đầy tình nhân nghĩa, tất cả vì sự nghiệp giải phóng đất nước.

- Chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân.

- Tinh thần chiến đấu ngoan cường của nghĩa quân.

* *Ý nghĩa:* Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã kết thúc 20 năm đô hộ tàn bạo của quân xâm lược Minh, mở ra một thời kì phát triển mới của dân tộc: Chúng ta mãi mãi ghi nhớ và biết ơn công lao to lớn đó của tổ tiên.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Vì sao Lê Lợi chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa?

a. Lam Sơn nằm bên tả ngạn sông Chu dễ vận chuyển bằng đường thuỷ.

b. Lam Sơn nối liền đồng bằng với miền núi và có địa thế hiểm trở, là nơi giao tiếp với các dân tộc Việt, Mường, Thái.

c. Lam Sơn đã từng là căn cứ của các cuộc khởi nghĩa trước đấy.

d. Vì những lý do trên.

Câu 2. Nguyễn Trãi từ đâu bí mật về Lam Sơn theo Lê Lợi khởi nghĩa và dâng bản Bình Ngô sách?

a. Thăng Long. b. Nghệ An. c. Đông Quan. d. Hải Phòng.

Câu 3. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa vào ngày, tháng, năm nào?

a. Ngày 7 tháng 3 năm 1418. b. Ngày 2 tháng 7 năm 1418.

c. Ngày 3 tháng 7 năm 1417. d. Ngày 7 tháng 2 năm 1418.

Câu 4. Những ngày đầu khởi nghĩa, lực lượng nghĩa quân Lam Sơn như thế nào?

a. Rất mạnh, quân sĩ đông, vũ khí đầy đủ.

b. Còn yếu.

c. Gặp nhiều khó khăn, gian nan.

d. Câu b và c đúng.

Câu 5. Khi quân Minh tấn công căn cứ Lam Sơn, trước thế mạnh của giặc nghĩa quân đã làm gì?

a. Rút lên núi Chí Linh (Thanh Hoá).

b. Rút lên núi Núi Dọ (Thanh Hoá).

c. Rút vào Nghệ An

d. Không hề rút lui, cầm cự đến cùng.

Câu 6. Trong lúc nguy khốn, Lê Lai đã làm gì để cứu Lê Lợi?

a. Thay Lê Lợi lãnh đạo kháng chiến.

b. Giúp Lê Lợi rút quân an toàn.

c. Đóng giả Lê Lợi và hi sinh thay chủ tướng.

d. Tất cả cùng đúng.

Câu 7. Lê Lai người dân tộc nào? Quê ở đâu?

a. Dân tộc Tày, quê ở Dựng Tú (Ngọc Lặc, Thanh Hoá).

b. Dân tộc Nùng, quê ở Lũng Nhai, Thanh Hoá.

c. Dân tộc Kinh, quê ở Lam Sơn, Thanh Hoá.

d. Dân tộc Mường, quê ở Dựng Tú (Ngọc Lặc, Thanh Hoá).

Câu 8. Cuối năm 1421, quân Minh huy động bao nhiêu lính mở cuộc vây quét căn cứ của nghĩa quân Lam Sơn?

a. 20 vạn. b. 50 vạn. c. 6 vạn. d. 10 vạn.

Câu 9. Trước tình hình quân Minh tấn công nghĩa quân, ai là người đã đề nghị tạm rời núi rừng Thanh Hoá, chuyển quân vào Nghệ An?

a. Nguyễn Trãi. c. Nguyễn Chích.

b. Lê Lợi. d. Trần Nguyên Hãn.

Câu 10. Vào thời gian nào nghĩa quân bất ngờ tập kích đồn Đa Căng (Thọ Xuân - Thanh Hoá)?

a.Vào ngày 12 tháng 9 năm 1424. b. Vào ngày 12 tháng 10 năm 1424.

c. Vào ngày 10 tháng 12 năm 1424. d. Vào ngày 9 tháng 12 năm 1424.

Câu 11. Từ tháng 10. 1424 đến tháng 8.1425, nghĩa quân Lam Sơn đã giải phóng khu vực rộng lớn từ đâu đến đâu?

a. Từ Nghệ An vào đến Thuận Hoá.

b. Từ Thanh Hoá vào đến đèo Hải Vân.

c. Từ Thanh Hoá vào đến Quảng Nam.

d. Từ Nghệ An vào đến Quảng Bình.

Câu 12. Tháng 9.1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết định mở cuộc tiến quân đến đâu?

a. Vào miền Trung. b. Vào miền Nam.

c. Ra miền Bắc. d. Đánh thẳng ra Thăng Long.

Câu 13. Với thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn, quân Minh phải rút về đâu để cố thủ?

a. Nghệ An. b. Thanh Hoá. c. Đông Quan. d. Đông Triều.

Câu 14. Tháng 10.1426, 5 vạn viện binh của giặc do tướng nào chỉ huy kéo vào Đông Quan?

a. Trương Phụ. b. Liễu Thăng c. Mộc Thạnh. d. Vương Thông.

Câu 15. Vương Thông đã quyết định mở cuộc phản công đánh vào chủ lực của nghĩa quân Lam Sơn ở đâu?

a. Cao Bộ (Chương Mỹ, Hà Tây). b. Đông Quan.

c. Đào Dặng (Hưng Yên). d. Tất cả các vùng trên.

Câu 16. Chiến thắng nào của nghĩa quân đã làm cho 5 vạn quân Minh bị tử thương?

a. Cao Bộ. c. Chúc Động - Tốt Động.

b. Đông Quan. d. Chi Lăng - Xương Giang.

Câu 17. Vào thời gian nào 15 vạn quân viện binh của Trung Quốc chia làm hai đạo kéo vào nước ta?

a. Tháng 10 năm 1426. c. Tháng 11 năm 1427.

b. Tháng 10 năm 1427. d. Tháng 12 năm 1427.

Câu 18. Khi Liễu Thăng hùng hổ dẫn quân ào ạt tiến vào biên giới nước ta, chúng đã bị nghĩa quân phục kích và giết ở đâu?

a. Ở Nam Quan. b. Ở Đông Quan. c. Ở Vân Nam. d. Ở Chi Lăng.

Câu 19. Tên tướng nào đã thay Liễu Thăng chỉ huy quân Minh tiến vào Đông Quan?

a. Lý Khánh. b. Lương Minh. c. Thôi Tụ. d. Hoàng Phúc.

Câu 20. Vì sao quân ta phải chiếm thành Xương Giang trước khi viện binh của giặc đến?

a. Để chủ động đón đánh quân địch.

b. Không cho giặc có thành trú đóng, phải co cụm giữa cánh đồng.

c. Lập phòng tuyến, không cho giặc về Đông Quan.

d. Câu a và c đúng.

Câu 21. Chiến thắng Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt bao nhiêu tên địch?

a. 15 vạn. b. Gần 5 vạn. c. Gần 10 vạn. d. 20 vạn.

Câu 22. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống câu sau đây: "nghe tin hai đạo viện binh Liễu Thăng, Mộc Thạnh bị tiêu diệt hoàn toàn, Vương Thông ở.........(1).....vô cùng khiếp đảm, vội vàng xin hoà và chấp nhận.....(2)..........để được an toàn rút quân về nước".

a. 1) Đông Quan. 2) đầu hàng không điều kiện.

b. 1) Chi Lăng. 2) thua đau.

c. 1) Đông Quan. 2) mở hội thề Đông Quan.

d. 1) Xương Giang.

Câu 23. Hội thề Đông Quan diễn ra vào thời gian nào?

a. Ngày 10 tháng 12 năm 1427. b. Ngày 12 tháng 10 năm 1427.

c. Ngày 3 tháng 1 năm 1428. d. Ngày 1 tháng 3 năm 1428.

Câu 24. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn?

a. Lòng yêu nước của nhân dân ta được phát huy cao độ.

b. Bộ chỉ huy khởi nghĩa là những người tài giỏi, mưu lược cao, tiêu biểu là Lê Lợi và Nguyễn Trãi

c. Nghĩa quân Lam Sơn có tinh thần kĩ luật cao và chiến đấu dũng cảm.

d. Sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân cho cuộc khởi nghĩa.

BÀI 20
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 -1527)

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình chính trị, quân sự, pháp luật

1. Tổ chức bộ máy chính quyền

- Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, người lãnh đạo tối cao của nghĩa quân Lam Sơn là Lê Lợi đã lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Lê. Quốc hiệu là Đại Việt được đặt lại. Nhà nước mới được thành lập lấy Thăng Long làm kinh đô (sau đổi gọi là Đông Kinh).

- Thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497), chính quyền từ trung ương đến địa phương được tổ chức lại hoàn chỉnh, chặt chẽ.

- Ở trung ương, vua là người nắm quyền hành, chỉ đạo mọi hoạt động của nhà nước và là tổng chỉ huy quân đội. Dưới vua là 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công), và một số cơ quan như: Hàn lâm viện (soạn thảo công văn), Ngự sử đài (can gián vua và các triều thần).

- Ở địa phương, nhà Lê chia lại cả nước thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo đều có 3 ti (cơ quan) cai quản: Đô ti, Thừa ti, Hiến ti.

- Dưới đạo là phủ, huyện, châu, xã đều có quan lại, chức dịch trông coi.

2. Tổ chức quân đội

- Quân đội được xây dựng theo chế độ "ngụ binh ư nông", bao gồm quân ở trung ương và quân địa phương. Việc luyện tập quân đội được tổ chức đều đặn hàng năm. Các vùng biên giới được phòng vệ vững chắc.

3. Luật pháp

- Thời vua Lê Thánh Tông, một bộ luật hoàn chỉnh được ban hành luật Hồng Đức hay "Quốc triều hình luật" có nội dung vừa bảo vệ quyền lợi của vua, hoàng tộc, quan lại, giai cấp thống trị, trật tự an ninh xã hội và đặc biệt bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích phát triển sản xuất, giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

II. Tình hình kinh tế - xã hội

1. Kinh tế

* *Về nông nghiệp:*

Nhà Lê đã có nhiều chính sách đúng đắn nhằm khuyết khích nhân dân nhanh chóng khôi phục sản xuất sau chiến tranh: cho 25 vạn quân về quê làm ruộng, kêu gọi dân phiêu tán trở lại làng quê của mình, khôi phục xóm làng, sản xuất...

Tiếp đó, nhà nước đã ban hành chính sách quân điền (chia ruộng đất công cho mọi người trong làng xã), đặt các chức quan: Khuyến nông sứ,

Đồn điền sứ, Hà đê sứ trông coi sản xuất nông nghiệp, cấm giết trâu bò bừa bãi, cấm điều động dân phu trong mùa cấy gặt.

** Công thương nghiệp:*

- Thủ công nghiệp nhà nước và nhân dân đều phát triển, nhiều làng, phường thủ công ra đời. Thăng Long là một đô thị phồn vinh với nhiều hoạt động sản xuất, buôn bán tấp nập.

- Các công xưởng do nhà nước quản lý, gọi là Cục bách tác, sản xuất đồ dùng cho nhà vua, vũ khí, đúc tiền đồng... được đẩy mạnh.

- Chợ búa mọc lên ở nhiều nơi với sự cho phép của nhà nước.

- Ngoại thương phát triển ở các cảng biển như: Vân Đồn, Vạn Ninh, Hội Thống. Tuy nhiên, nhà nước kiểm soát chặt chẽ việc ra vào buôn bán của thương nhân nước ngoài.

2. Xã hội

- Với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, sự phân hóa xã hội thành hai giai cấp chính ngày càng rõ rệt: vua quan, địa chủ và nông dân (tự do và phụ thuộc). Số thợ thủ công, thương nhân đông đảo hơn trước, số nô tì là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội giảm dần.

Đại Việt thời Lê sơ trở thành quốc gia cường thịnh nhất Đông Nam Á.

III. Tình hình văn hóa, giáo dục.

1. Tình hình giáo dục và khoa cử

- Với ý thức đề cao vị trí của một dân tộc "vốn xưng nền văn hiến đã lâu", Nhà nước Lê sơ sớm quan tâm đến giáo dục, đào tạo nhân tài. Tinh thần đó được nhân lên đến đỉnh cao dưới thời vua Lê Thánh Tông. Các khoa thi được tổ chức đều đặn ba năm một lần ở địa phương cũng như ở kinh đô. Số người đỗ đạt ngày càng nhiều, dân trí được nâng cao.

Đây cũng là thời gian hệ thống bia tiến sĩ được khắc dựng ở Văn Miếu cùng với việc thực hiện nhiều hình thức tôn vinh những người đỗ đạt.

- Số trường học tăng lên. Nho giáo chiếm vị trí độc tôn, các tôn giáo như đạo Phật, Đạo giáo bị hạn chế.

2. Văn hóa, khoa học, nghệ thuật

- Văn học chữ Hán, chữ Nôm đều phát triển, xuất hiện nhiều tác phẩm nổi tiếng, được lưu truyền cho đến ngày nay.

- Bên cạnh đó, một số ngành khoa học như Lịch sử, Địa lí, Chính trị, Y học, Toán học được phát triển.

- Một số ngành nghệ thuật cổ truyền được phục hồi, xuất hiện một số công trình kiến trúc, điêu khắc có giá trị. Tuy nhiên không phong phú như ở thời Lý - Trần.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sau khi kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi vua vào năm nào, đặt tên nước là gì?

a. Lên ngôi năm 1428 - tên nước là Đại Việt.

b. Lên ngôi năm 1428 - tên nước là Đại Nam.

c. Lên ngôi năm 1427 - tên nước là Việt Nam.

d. Lên ngôi năm 1427 - tên nước là Nam Việt.

Câu 2. Bộ máy chính quyền thời Lê sơ được tổ chức theo hệ thống nào?

a. Đạo - Phủ - huyện - Châu - xã.   b. Đạo - Phủ - Châu - xã.

c. Đạo - Phủ - huyện hoặc Châu, xã. d. Phủ - huyện - Châu.

Câu 3. Quân đội thời Lê sơ được tổ chức theo chế độ "ngụ binh ư nông". Đúng hay sai?

a. Đúng.   b. Sai.

Câu 4. Ai là người căn dặn các quan trong triều: "Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ".

a. Lê Thái Tổ.   c. Lê Nhân Tông.

b. Lê Thánh Tông.   d. Lê Hiến Tông.

Câu 5. Bộ "Quốc triều hình luật" hay "Luật Hồng Đức" được biên soạn và phát hành dưới thời vua nào?

a. Lê Thái Tổ.   c. Lê Thánh Tông.

b. Lê Nhân Tông.   d. Lê Thái Tông.

Câu 6. Để nhanh chóng hồi phục nông nghiệp, Lê Thái Tổ đã cho bao nhiêu lính về quê làm nông nghiệp ngay sau khi chiến tranh.

a. 25 vạn lính về quê làm nông nghiệp.

b. 35 vạn lính về quê làm nông nghiệp.

c. 52 vạn lính về quê làm nông nghiệp.

d. 30 vạn lính về quê làm nông nghiệp.

Câu 7. Dưới thời nhà Lê, việc định lại chính sách chia ruộng đất công làng xã gọi là gì?

a. Phép quân điền.   c. Phép tịch điền.

b. Phép lộc điền.   d. Tất cả cùng đúng.

Câu 8. Thời Lê sơ ở đâu tập trung nhiều ngành nghề thủ công nhất?

a. Vân Đồn.   c. Thăng Long.

b. Vạn Kiếp.   d. Các nơi trên.

Câu 9. Các cửa khẩu: Vân Đồn, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Hội Thống (Nghệ An) là nơi:

a. Thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán.

b. Bố phòng để chống lại các thế lực thù địch.

c. Tập trung các ngành nghề thủ công.

d. Sản xuất các mặt hàng như sành, sứ, vải, lụa.

Câu 10. Tầng lớp nào là tầng lớp phải nộp thuế cho nhà nước và không được xã hội phong kiến coi trọng?

a. Nông dân.

b. Thương nhân, thợ thủ công.

c. Nô tì.

d. Các tầng lớp trên.

Câu 11. Vì sao dưới thời Lê sơ lượng nô tì giảm dần?

a. Bị chết nhiều.

b. Bỏ làng xã tha phương cầu thực.

c. Quan lại không cần nô tì nữa.

d. Pháp luật nhà Lê hạn chế nghiêm ngặt việc bán mình làm nô tì hoặc bức dân làm nô tì.

Câu 12. Thời Lê sơ, tôn giáo nào chiếm địa vị độc tôn trong xã hội?

a. Phật giáo.

b. Đạo giáo.

c. Nho giáo.

d. Thiên Chúa giáo.

Câu 13. Thời Lê sơ (1428 - 1527), tổ chức bao nhiêu khoa thi tiến sĩ? Chọn lựa bao nhiêu người làm trạng nguyên?

a. 62 khoa thi tiến sĩ. Chọn 20 người làm trạng nguyên.

b. 26 khoa thi tiến sĩ. Chọn 89 người làm trạng nguyên.

c. 12 khoa thi tiến sĩ. Chọn 9 người làm trạng nguyên.

d. 26 khoa thi tiến sĩ. Chọn 20 người làm trạng nguyên.

Câu 14. Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây: Văn thơ chữ Hán có những tác phẩm nổi tiếng như........................., Quỳnh uyển cửu ca

a. Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo.

b. Quốc âm thi tập, Bình Ngô đại cáo.

c. Hồng Đức thi tập, Bình Ngô đại cáo.

d. Quốc âm thi tập, Quân trung từ mệnh tập.

Câu 15. Thời Lê sơ, văn thơ chữ Nôm gồm những tác phẩm tiêu biểu nào dưới đây?

a. Quân trung từ mệnh tập, Quốc âm thi tập.

b. Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập.

c. Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Thập giới cô hồn quốc ngữ.

d. Tất cả các tác phẩm trên.

Câu 16: Tác phẩm sử học nào dưới thời Lê sơ gồm 15 quyển?

a. Đại Việt sử ký.

b. Đại Việt sử ký toàn thư.

c. Lam Sơn thực lục.

d. Việt giám thông khảo tổng luận.

Câu 17: Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lê sơ thể hiện rõ rệt và đặc sắc ở các công trình lăng tẩm, cung điện tại đâu?

a. Lam Sơn (Thanh Hoá). b. Núi Chí Linh (Thanh Hoá).

c. Linh Sơn (Thanh Hoá). d. Lam Kinh (Thanh Hoá).

Câu 18. Năm 1428, cuộc kháng chiến chống quân Minh giành thắng lợi Nguyễn Trãi đã viết một áng hùng văn có tên gọi là gì?

a. Bình Ngô đại cáo. c. Phú núi Chí Linh.

b. Bình Ngô sách. d. Câu a và b đúng.

Câu 19. Lê Thánh Tông tên là gì? Sinh ngày thánh năm nào?

a. Tên là Tư Thành. Sinh ngày 25.8.1442.

b. Tên là Lê Nguyễn Long. Sinh ngày 26.9.1442.

c. Tên là Bang Cơ. Sinh ngày 18.8.1443.

d. Tên là Lê Tuấn. Sinh ngày 25.8.1442.

Câu 20. Ngô Sĩ Liên là sử thần thời Lê sơ, ông đã biên soạn bộ sử nào?

a. Đại Việt sử ký.

b. Đại Việt sử ký toàn thư.

c. Sử ký tục biên.

d. Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

Câu 21. Nội dung văn thơ thời Lê sơ có đặc điểm gì?

a. Thể hiện lòng yêu nước sâu sắc.

b. Thể hiện lòng tự hào dân tộc.

c. Phản ánh khí phách anh hùng và tinh thần bất khuất của dân tộc.

d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 22. Đại Việt sử kí toàn thư là tác phẩm của ai?

a. Ngô Sĩ Liên. c. Ngô Thì Nhậm.

b. Lê Văn Hưu. d. Nguyễn Trãi.

Câu 23. Tác phẩm địa lí Đ~i Việt của Nguyễn Trãi có tên gọi là gì?

a. Nhất thống dư địa chí. c. Hồng Đức bản đồ.

b. Dư địa chí. d. An Nam hình thặng đồ.

Câu 24. Tên tác phẩm nổi tiếng về y học thời Lê sơ là gì?

a. Bản thảo thực vật toát yếu.

b. Hải Thượng y tông tâm lĩnh.

c. Phủ biên tạp lục.

d. Bản thảo cương mục.

BÀI 21
ÔN TẬP CHƯƠNG 4

A. Kiến thức cơ bản

1. Bộ máy Nhà nước thời vua Lê Thánh Tông

- Triều đình: + Đứng đầu là vua, nắm mọi quyền hành.
  + Giúp vua có các quan đại thần.
  + Ở triều đình có 6 bộ và một số cơ quan chuyên môn.
- Các đơn vị hành chính:
  + Chia nước làm 13 đạo.
  + Dưới đạo là phủ, huyện, xã.
- Cách đào tạo tuyển chọn nhân tài:
  + Mở rộng thi cử.
  + Chọn nhân tài công bằng, không để sót người có tài.
  + Triều đình không dùng lầm người kém.

2. Điểm khác nhau giữa nhà nước Lê sơ và nhà nước thời Lý - Trần.

Nhà nước thời Lý - Trần	Nhà nước thời Lê sơ
- Nhà nước tổ chức theo chế độ quân chủ tập quyền (Vua nắm mọi quyền hành) nhưng không sát bằng thời Lê sơ. - Nhà nước quân chủ quý tộc.	- Vua là người trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả trong chỉ huy quân đội. - Nhà nước quân chủ quan liêu chuyên chế.

3. Pháp luật thời Lê sơ có gì giống và khác pháp luật thời Lý - Trần?

- *Những điểm giống nhau:*
  + Pháp luật bảo vệ quyền lợi của vua và các quan đại thần.
  + Cấm việc giết mổ trâu, bò.
- *Những điểm khác nhau:*
  * Thời Lý - Trần:
    + Bảo vệ quyền lợi tư hữu.
    + Chưa bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.
  * Thời Lê sơ:
    + Bảo vệ quyền lợi của quốc gia, khuyến khích phát triển kinh tế.
    + Giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
    + Bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.
    + Hạn chế phát triển nô tì.

4. Tình hình kinh tế thời Lê sơ

- *Nông nghiệp:* Nhà Lê sơ có nhiều chính sách đúng đắn nhằm khuyến khích nhân dân nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh: cho 25 vạn quân về quê làm ruộng, kêu gọi nhân dân phiêu tán trở lại làng quê của mình...

+ Ban hành chính sách quân điền; đặt các chức quan: Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ, Hà đê sứ...

- Thủ công nghiệp: Nhiều làng, phường thủ công ra đời. Thăng Long là một đô thị phồn vinh...

- Ngoại thương phát triển các cảng biển như: Vân Đồn, Vạn Ninh, Hội Thống.

- Đến thời kì Lê sơ tình hình kinh tế đã phát triển mạnh mẽ hơn.

5. Xã hội thời Lý - Trần và thời Lê sơ có gì giống nhau và khác nhau.

* *Giống nhau:* Đều có giai cấp thống trị và bị trị với các tầng lớp: Quý tộc, địa chủ tư hữu (ở các làng, xã) nông dân các làng xã, nô tì.

* *Khác nhau:*

- Thời Lý - Trần, tầng lớp quý tộc vương hầu rất đông đảo, nắm mọi quyền lực, tầng lớp nông nô, nô tì chiếm số đông trong xã hội.

- Thời Lê sơ: Tầng lớp nô tì giảm dần về số lượng và được giải phóng vào cuối thời Lê sơ, tầng lớp địa chủ tư hữu rất phát triển.

6. Giáo dục - khoa cử

- Thời Lê sơ Phật giáo không còn được phát triển và chiếm địa vị thống trị trên lĩnh vực tư tưởng như thời Lý - Trần. Thời Lê sơ, Nho giáo lại chiếm địa vị độc tôn, chi phối trên lĩnh vực Văn hóa, tư tưởng.

- Tình hình giáo dục, văn hóa, khoa học thời Lê sơ cũng đạt được những thành tựu mới.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Nước Đại Việt thời Lê sơ tồn tại trong khoảng thời gian nào?

a. Thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI.
b. Thế kỉ XV đến thế kỉ XVI.
c. Thế kỉ XIII đến thế kỉ XV.
d. Thế kỉ XIV đến thế kỉ XV.

Câu 2. Thời kì Lê sơ, quân dân Đại Việt phải chống thế lực xâm lược của kẻ thù nào?

a. Quân Mông - Nguyên.
c. Quân Xiêm.
b. Quân Thanh.
d. Quân Minh.

Câu 3. Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân sự. Đó là đặc điểm tổ chức bộ máy chính quyền thời nào?

a. Thời Tiền Lê.
c. Thời Lê sơ.
b. Thời Lý - Trần.
d. Tất cả các thời kì trên.

Câu 4. Thời Lê sơ có bao nhiêu đời vua? Kể tên ông vua đầu tiên và ông vua cuối cùng của triều đại Lê sơ?

a. 9 đời. Vua đầu tiên là Lê Thái Tổ, vua cuối cùng là Lê Cung Hoàng.

b. 10 đời vua. Vua đầu tiên là Lê Thái Tổ, vua cuối cùng là Lê Cung Hoàng.

c. 8 đời vua. Vua đầu tiên là Lê Thái Tổ, vua cuối cùng là Lê Chiêu Tông.

d. 7 đời vua. Vua đầu tiên là Lê Thái Tổ, vua cuối cùng là Lê Chiêu Tông.

Câu 5. Ông vua anh minh nhất trong thời Lê sơ là ai?

a. Lê Thái Tổ.

b. Lê Thái Tông.

c. Lê Thánh Tông.

d. Lê Nhân Tông.

Câu 6. Luật Hồng Đức ra đời trong thời kì nào ở nước ta?

a. Thời Lý - Trần.

b. Thời nhà Hồ.

c. Thời Tiền Lê.

d. Thời Lê sơ.

Câu 7. Các chức quan chuyên lo về nông nghiệp như: Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ có trong thời kì nào?

a. Thời nhà Trần và thời Lê sơ.

b. Thời nhà Lý và thời Lê sơ.

c. Thời nhà Hồ và thời Lê sơ.

d. Thời nhà Lý - nhà Trần và thời nhà Hồ.

Câu 8. Số lượng nô tì ngày càng giảm dần, đó là một trong những đặc điểm xã hội của thời kì nào?

a. Thời Lý - Trần.

b. Thời nhà Hồ.

c. Thời Lê sơ.

d. Câu b và c đúng.

Câu 9. Thời kì nào Nho giáo chiếm địa vị độc tôn? Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế?

a. Thời nhà Lý.

b. Thời nhà Trần.

c. Thời nhà Hồ.

d. Thời Lê sơ.

Câu 10. Chiến thắng nào dưới đây là chiến thắng lớn nhất trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm thời Lê sơ?

a. Chiến thắng Bạch Đằng.

b. Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang.

c. Chiến thắng Đống Đa.

d. Chiến thắng Ngọc Hồi.

CHƯƠNG V
ĐẠI VIỆT Ở CÁC THẾ KỈ XVI-XVIII

BÀI 22
SỰ SUY YẾU CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TẬP QUYỀN (THẾ KỈ XVI - XVIII)

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình chính trị - xã hội

1. Triều đình nhà Lê

- Thời Lê sơ (thế kỉ XV) là thời kì thịnh trị của nhà nước phong kiến tập quyền. Nhưng đầu thế kỉ XVI, nhà Lê bắt đầu suy thoái, ăn chơi xa xỉ, xây dựng lâu đài cung điện tốn kém, không quan tâm đến đời sống của nhân dân. Một số thế lực phong kiến có nhiều quyền hành nhân đó tìm cách chia bè kéo cánh, xung đột lẫn nhau.

2. Phong trào khởi nghĩa của nông dân ở đầu thế kỉ XVI

- Kinh tế nông nghiệp sa sút, quan lại địa chủ lại ra sức chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột nông dân. Đói kém, mất mùa lại diễn ra liên tiếp, đặc biệt ở Hải Dương, Kinh Bắc (vào năm 1517).

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã bùng lên, trong đó nổi bật là cuộc khởi nghĩa Trần Cảo năm 1516. Nghĩa quân đã từ Đông Triều đánh về kinh thành Thăng Long, buộc vua tôi nhà Lê phải rủ nhau chạy vào Thanh Hóa.

- Các cuộc khởi nghĩa nông dân cuối cùng bị đàn áp, nhưng đã góp phần làm cho triều đình Lê mau chóng sụp đổ.

II. Các cuộc chiến tranh Nam - Bắc Triều và Trịnh - Nguyễn

1. Chiến tranh Nam - Bắc triều

- Sự sụp đổ của nhà Lê sơ trở thành tất yếu. Trước tình thế đó, một đại thần của nhà Lê là Mạc Đăng Dung - người có nhiều công dẹp yên các cuộc xung đột, năm 1527 đã cướp ngôi nhà Lê thành lập nhà Mạc. Đất nước tạm ổn định trở lại.

- Chưa được bao lâu sau, năm 1533, các lực lượng của nhà Lê do Nguyễn Kim đứng đầu đã tập hợp lại ở Thanh Hóa, giương cao lá cờ "phù Lê diệt Mạc", tôn một người con cháu vua Lê lên làm vua, thành lập chính quyền. Nhà Mạc bị lật đổ. Nhà Lê được thành lập lại ở Thăng Long (1592).

2. Chiến tranh Trịnh - Nguyễn và sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài

- Chiến tranh Nam - Bắc triều kết thúc chưa được mấy năm thì mâu thuẫn giữa hai dòng họ Trịnh, Nguyễn đã gây nên một cuộc chiến tranh mới, sử cũ gọi là chiến tranh Trịnh - Nguyễn.

- Sau gần nửa thế kỉ (từ 1627 đến 1672) đánh nhau không phân thắng bại, hai bên tạm giải hòa, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến chia đất nước làm hai: Đàng Ngoài của triều đình Lê - Trịnh và Đàng Trong của chính quyền chúa Nguyễn. Tình trạng đất nước bị chia cắt kéo dài cho đến cuối thế kỉ XVIII, gây bao đau thương cho dân tộc và tổn hại cho sự phát triển của đất nước.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Nhà Lê bắt đầu suy thoái từ thời gian nào?

a. Đầu thế kỉ XVI.
b. Giữa thế kỉ XVI.
c. Cuối thế kỉ XVI.
d. Đầu thế kỉ XVII.

Câu 2. Tại sao đến đầu thế kỉ XVI nhà Lê bắt đầu suy thoái?

a. Vua quan ăn chơi sa đọa.
b. Nội bộ giai cấp thống trị tranh giành quyền lực.
c. Quan lại địa phương hà hiếp, vơ vét của dân.
d. Tất cả câu trên đúng.

Câu 3. Dưới thời Lê Tương Dực, mọi quyền hành nằm trong tay ai?

a. Lê Uy Mục.
b. Trịnh Tùng.
c. Trịnh Duy Sản.
d. Mạc Đăng Dung.

Câu 4. Lê Uy Mục làm vua trong khoảng thời gian nào?

a. Từ năm 1505 đến năm 1507.
b. Từ năm 1505 đến năm 1509.
c. Từ năm 1505 đến năm 1506.
d. Từ năm 1504 đến năm 1509.

Câu 5. Dưới triều vua nào Trịnh Duy Sản gây thành phe phái mới, đánh nhau liên miên suốt 10 năm?

a. Lý Tương Dực.
b. Lê Uy Mục.
c. Lê Thái Tông.
d. Lê Thánh Tông.

Câu 6. Nạn đói năm 1517 diễn ra dữ dội nhất ở vùng nào?

a. Bắc Ninh, Hải Dương.
b. Hải Phòng, Nam Định.
c. Bắc Ninh, Nam Định.
d. Bắc Ninh, Bắc Giang.

Câu 7. Thời Lê sơ đầu thế kỉ XVI diễn ra những mâu thuẫn gay gắt nào

a. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.
b. Mâu thuẫn giữa địa chủ với nhà vua.
c. Mâu thuẫn giữa nhân dân với nhà nước phong kiến.
d. Câu a và c đúng.

Câu 8. Cuộc khởi nghĩa của Trần Cảo nổ ra vào năm nào? Ở đâu?

a. Năm 1515. Ở Quảng Ninh. c. Năm 1517. Ở Hà Tĩnh.

b. Năm 1516. Ở Quảng Ninh. d. Năm 1515. Ở Bắc Giang.

Câu 9. Vì sao gọi nghĩa quân của Trần Cảo là "quân ba chỏm" ?

a. Nghĩa quân đã ba lần tấn công Thăng Long.

b. Nghĩa quân cạo trọc đầu, chỉ để ba chỏm tóc.

c. Nghĩa quân ba lần bị thất bại.

d. Nghĩa quân chia làm ba cánh tấn công vào nhà Lê.

Câu 10. Cuộc khởi nghĩa nào diễn ra vào đầu năm 1511 ở Hưng Hóa và Sơn Tây?

a. Trần Tuân. b. Lê Hy. c. Trịnh Hưng. d. Phùng Chương.

Câu 11. Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra nhà Mạc vào năm nào?

a. Năm 1526. b. Năm 1528. c. Năm 1527. d. Năm 1529.

Câu 12. Năm 1533, ai là người chạy vào Thanh Hoá, lập một người dòng dõi nhà Lê lên làm vua, lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc"?

a. Lê Chiêu Thống. c. Nguyễn Kim.

b. Nguyễn Hoàng. d. Trịnh Kiểm.

Câu 13. Cuộc chiến tranh giữa nhà Lê và nhà Mạc (Nam - Bắc triều) kết thúc vào năm nào?

a. Năm 1545. b. Năm 1592. c. Năm 1590. d. Năm 1560.

Câu 14. Cuộc chiến tranh giữa họ Trịnh và họ Nguyễn (từ 1627 - 1672) diễn ra mấy lần? Ở đâu?

a. 7 lần. Ở Quảng Bình, Hà Tĩnh. b. 6 lần. Ở Thanh Hoá, Nghệ An.

b. 5 lần. Ở Quảng Bình, Nghệ An. d. 4 lần. Ở Hà Tĩnh, Nghệ An.

Câu 15. Đây là ranh giới chia đất nước ta thành Đàng Ngoài và Đàng Trong ở thế kỉ XVII?

a. Sông Bến Hải (Quảng Trị). b. Sông La (Hà Tĩnh).

c. Sông Gianh (Quảng Bình). d. Không phải các vùng trên.

Câu 16. Lũy Thầy thuộc tỉnh nào ngày nay?

a. Tỉnh Nghệ An b. Tỉnh Quảng Bình

c. Tỉnh Quảng Trị d. Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÀI 23
KINH TẾ, VĂN HÓA THẾ KỈ XVI-XVIII

A. Kiến thức cơ bản

I. Kinh tế

1. Nông nghiệp

- Ở Đàng Ngoài, do chiến tranh liên miên, nhà nước Lê - Trịnh ít quan tâm đến nông nghiệp, ruộng đất. Kết quả là thiên tai, mất mùa, đói kém thường xuyên xảy ra, ruộng đất hoặc bị bỏ hoang hoặc bị bọn địa chủ, cường hào chấp chiếm. Nghiêm trọng nhất là vùng Sơn Nam và vùng Thanh Nghệ nông dân phải bỏ làng phiêu tán khắp nơi.

- Trong lúc đó, ở Đàng Trong, do điều kiện đất đai thuận lợi, cư dân thưa thớt, chính quyền chúa Nguyễn một mặt lo việc chiến tranh, mặt khác khuyến khích nhân dân khai hoang, mở rộng ruộng đồng, phát triển sản xuất. Hình thành hàng loạt thôn làng mới, nhiều khu vực hành chính mới. Mặc dù xuất hiện nhiều địa chủ lớn, nông dân vẫn có ruộng cày, tình trạng thiếu ruộng chưa đặt ra một cách nghiêm trọng như ở Đàng Ngoài.

2. Sự phát triển của nghề thủ công và buôn bán

- Thế kỉ XVII, ở cả hai miền, do nhu cầu trao đổi tăng lên, các nghề thủ công (dệt vải, gốm, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy...) và làng thủ công truyền thống tiếp tục phát triển rộng khắp như gốm Thổ Hà (Bắc Giang), Bát Tràng (Hà Nội)... Hiền Lương (Phú Bài - Thừa Thiên Huế), các làng làm đường ở Quảng Nam..., chất lượng sản phẩm ngày càng cao.

- Trao đổi buôn bán ngày càng mở rộng; chợ búa mọc lên khắp nơi. Cùng lúc đó, hàng loạt thuyền buôn nước ngoài từ Trung Quốc, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, các nước Tây Âu như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp, Anh đã đến nước ta trao đổi, mua bán hàng hóa. Các sản phẩm thủ công truyền thống như tơ lụa, gốm sứ có điều kiện gia tăng về số lượng, chất lượng, đồng thời nhân dân ta cũng có dịp tiếp xúc với hàng thủ công của người phương Tây.

- Sự phát triển công thương nghiệp đã tạo điều kiện hình thành nhiều đô thị mới như Hội An, Phố Hiến, Thanh Hà, Gia Định, Kinh kì (Thăng Long) ngày càng phồn vinh.

- Tuy nhiên từ giữa thế kỉ XVIII, kinh tế công thương nghiệp và đô thị tàn dần.

II. Văn hóa

1. Tôn giáo

** Nho Giáo, Phật giáo, Đạo giáo*

- Các thế kỉ XVI-XVII Nho giáo vẫn là cơ sở tư tưởng của giai cấp thống trị nhưng suy thoái dần. Đạo giáo, Phật giáo hồi phục. Trong nông

thôn, nhân dân ta vẫn giữ nếp sống văn hóa truyền thống (làng xã thờ Thành hoàng, gia đình thờ tổ tiên), hình thức sinh hoạt văn hóa qua các lễ hội thắt chặt tình đoàn kết xóm làng, tình yêu quê hương, đất nước.

* *Thiên Chúa giáo:* đặc biệt cùng với sự giao lưu buôn bán với phương Tây. Thiên Chúa giáo (đạo Ki-tô) được du nhập và bước đầu phát triển (thế kỉ XVII - XVIII).

2. Sự ra đời chữ Quốc ngữ

- Trong quá trình truyền bá đạo Thiên Chúa, một số giáo sĩ đã dùng chữ La-tinh để phiên âm tiếng Việt, từ đó sáng tạo ra chữ Quốc ngữ mà chúng ta đang dùng ngày nay. Một trong những người có công nhất trong sự kiện này là giáo sĩ A-lếc-xăng đơ Rốt. Tuy nhiên, do bấy giờ nhà nước phong kiến và nhân dân ta chỉ dùng chữ Hán, chữ Nôm nên chữ Quốc ngữ tuy dễ học nhưng không có điều kiện phổ biến.

3. Văn học và nghệ thuật dân gian

- Trong các thế kỉ XVI-XVII, tuy văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế, nhưng văn học chữ Nôm phát triển mạnh hơn trước. Thơ Nôm, truyện Nôm xuất hiện ngày càng nhiều.

- Trình độ văn hóa của nhân dân cao hơn trước nhờ phát triển giáo dục. Từ đó, văn học dân gian ngày càng phát triển với nhiều thể loại khác nhau như truyện, ca dao, tục ngữ, truyện cười...

Xuất hiện nhiều nhà thơ xuất sắc như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ...

- Nghệ thuật dân gian cũng phát triển phong phú về tất cả các mặt như tạc tượng, điêu khắc, tuồng, chèo, ca hát v.v... Tất cả đã thể hiện sự vươn lên về mặt tinh thần của người dân Việt.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Ở Đàng Ngoài, bọn cường hào đem cầm bán ruộng công đã làm cho đời sống của người nông dân như thế nào?

a. Người nông dân mất đất, đói khổ, bỏ làng phiêu bạt.

b. Người nông dân phải chuyển làm nghề thủ công

c. Người nông dân phải chuyển nghề làm thương nhân.

d. Người nông dân phải khai hoang, lập ấp mới.

Câu 2. Ở Đàng Ngoài khi chưa diễn ra cuộc chiến tranh Nam - Bắc Triều đời sống nhân dân như thế nào?

a. Đói khổ, bần cùng. b. Vẫn còn thiếu thốn.

c. Nhà nhà no đủ. d. Tất cả đều đúng.

Câu 3. Dưới chính quyền của vua Lê, chúa Trịnh rất quan tâm đến công tác thuỷ lợi và khai hoang. Đúng hay sai?

a. Đúng. b. Sai.

Câu 4. Ruộng đất bỏ hoang, mất mùa, đói kém diễn ra dồn dập. Đó là đặc điểm dưới thời nào ở thế kỉ XVI?

a. Thời nhà Mạc. b. Thời vua Lê - "chúa Trịnh".

c. Thời "chúa Nguyễn". d. Không phải các triều đại trên.

Câu 5. Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phía nam, đặt phủ Gia Định vào năm nào?

a. Năm 1776. b. Năm 1771. c. Năm 1689. d. Năm 1698.

Câu 6. Sau khi đặt phủ Gia Định, Nguyễn Hữu Cảnh cho sát nhập vùng đất nào ở phía nam vào phủ này?

a. Mĩ Tho, Hà Tiên. c. Long An, Tiền Giang.

b. Rạch Giá, Cà Mau. d. Bến Tre, Đồng Tháp.

Câu 7. Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay, trước đây thuộc dinh nào của phủ Gia Định?

a. Dinh Trấn Biên. c. Dinh Trấn Quốc.

b. Dinh Phiên Trấn. d. Tất cả các dinh trên.

Câu 8. Nguyên nhân hình thành một tầng lớp địa chủ lớn, chiếm nhiều ruộng đất ở Đàng Trong?

a. Nông nghiệp Đàng Trong phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi.

b. Chúa Nguyễn có chính sách di dân khẩn hoang.

c. Khuyến khích dân lưu vong trở về quê làm ăn.

d. Thủ công nghiệp phát triển.

Câu 9. Nhờ đâu nông nghiệp ở Đàng Trong phát triển mạnh mẽ vào thế kỉ XVII - XVIII?

a. Nhờ khuyến khích nông dân sản xuất tại chỗ.

b. Nhờ việc giảm tô, thuế.

c. Nhờ khai hoang mở rộng diện tích nông nghiệp.

d. Nhờ khai hoang và điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 10. Kẻ chợ còn có tên gọi là gì?

a. Thăng Long. b. Phố Hiến. c. Hội An. d. Thuận Hóa.

Câu 11. Tại sao nửa sau thế kỉ XVIII các thành thị suy tàn dần?

a. Chúa Trịnh - chúa Nguyễn thi hành chính sách hạn chế ngoại thương.

b. Chúa Trịnh - chúa Nguyễn chỉ lo xây dựng cung vua, phủ chúa.

c. Chúa Trịnh - chúa Nguyễn chỉ phát triển nông nghiệp.

d. Chúa Trịnh - chúa Nguyễn thực hiện chính sách cấm chợ.

Câu 12. Vào thế kỉ XVI - XVII, Nho giáo ở nước ta như thế nào?

a. Được xem như quốc giáo.

b. Được chính quyền phong kiến đề cao trong học tập, thi cử và tuyển lựa quan lại.

c. Không hề được quan tâm.

d. Đã bị xoá bỏ hoàn toàn.

Câu 13. Vì sao vào thế kỉ XVII- XVIII, đạo Thiên chúa nhiều lần bị chúa Nguyễn, chúa Trịnh ngăn cấm du nhập vào nước ta?

a. Không phù hợp với cách cai trị dân của chúa Nguyễn, chúa Trịnh.

b. Không phù hợp với làng quê Việt Nam.

c. Đạo Phật và Đạo giáo phát triển mạnh.

d. Đạo Nho còn tồn tại ở nước ta.

Câu 14. Đến thế kỉ nào tiếng Việt trở nên phong phú và trong sáng?

a. Thế kỉ XV.

b. Thế kỉ XVI.

c. Thế kỉ XVII.

d. Thế kỉ XVIII.

Câu 15. Trạng Trình là tên dân gian của ai?

a. Lương Thế Vinh.

b. Nguyễn Bỉnh Khiêm.

c. Vũ Hữu.

d. Lương Đắc Bằng.

Câu 16. Truyện Nôm vào thế kỉ XVI -XVII thường mang nội dung gì?

a. Viết về hạnh phúc con người, tố cáo những bất công xã hội và bộ máy quan lại thối nát.

b. Phản ánh bất công và tội ác xã hội phong kiến

c. Vạch trần quan lại tham nhũng

d. Đã kích vua quan phong kiến, bênh vực quyền sống của phụ nữ.

BÀI 24

KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐÀNG NGOÀI THẾ KỈ XVIII

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình chính trị

- Vào giữa thế kỉ XVIII, chính quyền phong kiến Đàng Ngoài suy sụp, triều đình Lê - Trịnh rơi vào cảnh sa đọa nghiêm trọng. Vua Lê bất lực, các chúa Trịnh chỉ lo ăn chơi, hội hè, bắt dân vét sông, đắp đường để chở gạch, đá xây dựng cung điện, chùa chiền. Bọn quan lại nhân đó ra sức hoành hành, áp bức bóc lột nhân dân; quân lính kiêu căng, cậy thế hà hiếp dân chúng.

- Mất mùa, lụt lội liên tục diễn ra, ruộng đất bị bọn địa chủ quan lại, cường hào bao chiếm khiến nông dân rơi vào cảnh đói khổ, phải bỏ làng tha phương cầu thực, xác người chết đói ngổn ngang đầy đường (nhất là nạn đói năm 1740 - 1741).

- Nhà nước đánh thuế rất nặng vào các loại sản phẩm, hàng hóa. Công thương nghiệp sa sút, chợ phố điêu tàn.

2. Những cuộc khởi nghĩa lớn

- Không thể chịu nổi cảnh đói khổ, chết chóc đó, người nông dân đã tự họp nhau cầm giáo mác, cuốc cày, gậy gộc nổi dậy đấu tranh ở khắp Đàng Ngoài, trong khoảng 30 năm giữa thế kỉ XVIII.

- Nổi lên các cuộc khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737) khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738-1770), Nguyễn Danh Phương (1740-1751) và đặt biệt là hai cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu (1741-1751) và Hoàng Công Chất (1739-1769).

- Phong trào nông dân diễn ra trong hơn 10 năm, gây cho triều đình Lê - Trịnh nhiều tổn thất, khó khăn. Tuy nhiên, cuối cùng phong trào cũng bị dập tắt.

- Phong trào nông dân Đàng Ngoài đã làm lung lay nền thống trị của chính quyền Lê- Trịnh, chuẩn bị cơ sở thuận lợi cho thắng lợi của phong trào Tây Sơn sau này.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Tình hình chính quyền họ Trịnh giữa thế kỉ XVIII như thế nào?

a. Quanh năm hội hè, yến tiệc, phung phí tiền của.

b. Chia nhau chiếm đoạt ruộng đất công.

c. Nạn tham nhũng lan tràn.

d. Chiếm đoạt tiền của của nhân dân.

Câu 2. Trận đói khủng khiếp nhất xảy ra ở Đàng Ngoài vào năm nào?

a. Năm 1739-1740. c. Năm 1741-1742.

b. Năm 1740-1741. d. Năm 1742-1743.

Câu 3. Chọn câu sai trong các câu sau đây?

a. Nhà Lê thế kỉ XVIII lập lại chính quyền, điều hành mọi công việc.

b. Dưới thời Lê thế kỉ XVIII, phủ chúa quanh năm hội hè, yến tiệc.

c. Thời Lê thế kỉ XVIII, ruộng đất của nông dân bị lấn chiếm.

d. Dưới thời Lê thế kỉ XVIII, quan lại, binh lính hoành hành, đục khoét nhân dân.

Câu 4. Vào thời gian nào hàng chục vạn nông dân chết đói, người sống sót phải lìa bỏ làng quê, phiêu tán khắp nơi?

a. Những năm 30 của thế kỉ XVII.

b. Những năm 40 của thế kỉ XVIII.

c. Những năm 50 của thế kỉ XVIII.

d. Những năm 60 của thế kỉ XVII.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào đã mở đầu cho phong trào nông dân ở Đàng Ngoài?

a. Khởi nghĩa Lê Duy Mật.

b. Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng.

c. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.

d. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.

Câu 6. Năm 1741-1751, là thời gian nổ ra cuộc khởi nghĩa lớn nào của nông dân ở Đàng Ngoài?

a. Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.

b. Khởi nghĩa Le Duy Mật.

c. Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng.

d. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.

Câu 7. Khởi nghĩa của Hoàng Công Chất diễn ra vào thời gian nào?

a. Năm 1739 - năm 1796.

b. Năm 1793 - năm 1796.

c. Năm 1739 - năm 1793.

d. Năm 1739 - năm 1769.

Câu 8. Khởi nghĩa của Lê Duy Mật diễn ra ở đâu? Kéo dài bao nhiêu năm?

a. Ở Thanh Hoá và Nghệ An. Kéo dài hơn 30 năm.

b. Ở Hà Tĩnh và Quảng Bình. Kéo dài hơn 30 năm

c. Ở Sơn Tây. Kéo dài hơn 40 năm.

d. Ở Bắc Giang, Bắc Ninh. Kéo dài hơn 20 năm.

Câu 9. Khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu diễn ra trong thời gian nào?

a. Năm 1741 - năm 1746.

b. Năm 1741 - năm 1751.

c. Năm 1740 - năm 1745.

d. Năm 1739 - năm 1769.

Câu 10. Khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu xuất phát từ đâu?

a. Bắc Giang.

b. Bắc Ninh.

c. Thanh Hoá.

d. Hải Phòng.

Câu 11. Nghĩa quân của Nguyễn Hữu Cầu đã nêu khẩu hiệu gì?

a. "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân".

b. "Lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo".

c. "Xoá bỏ chế độ phong kiến".

d. "Thực hiện quyền bình đẳng xã hội".

Câu 12. Ai là người đứng đầu cuộc khởi nghĩa ở vùng Sơn Nam?

a. Nguyễn Hữu Cầu.

b. Lê Duy Mật.

c. Nguyễn Danh Phương.

d. Hoàng Công Chất.

Câu 13. Căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất ở đâu?

a. Thanh Hoá.

b. Nghệ An.

c. Điện Biên (Lai Châu).

d. Tam Đảo.

Câu 14. Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Các cuộc khởi nghĩa cuối cùng đều bị thất bại nhưng nó đã làm cho.............. bị lung lay" ?

a. Cơ đồ nhà Lê.

b. Cơ đồ họ Trịnh.

c. Cơ đồ chúa Nguyễn.

d. Cơ đồ vua Lê, chúa Trịnh.

Câu 15. Vì trưng thu quá mức mà dân kiệt cả vật lực mà không thể nộp đủ đến nỗi trở thành bần cùng mà bỏ cả nghề nghiệp. Có người vì thuế sơn mà chặt cả cây sơn, vì thuế vải lụa mà phá cả khung cửi, vì thuế cá tôm mà xé chài lưới... Đó là tình hình công thương nghiệp nước ta vào thời gian nào?

a. Cuối thế kỉ XVII

b. Đầu thế kỉ XVIII

c. Giữa thế kỉ XVIII

d. Cuối thế kỉ XVIII

BÀI 25
PHONG TRÀO TÂY SƠN

A. Kiến thức cơ bản

I. Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn

1. Xã hội Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII

- Ở nửa sau thế kỉ XVIII, chính quyền Đàng Trong suy yếu, quan lại, cường hào cấu kết với nhau áp bức, bóc lột nhân dân, ăn chơi xa xỉ.

- Trong lúc đó, nội bộ chính quyền chia rẽ. Quốc phó Trương Phúc Loan nắm hết quyền hành, tự mình lập chúa mới, giết hại những người chống lại. Y lại chiếm đoạt một số lượng lớn của cải của triều đình, "vàng bạc châu báu đầy nhà", "ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể".

- Cuộc sống của nông dân, dân nghèo càng cơ cực. Họ đã nổi dậy chống lại giai cấp thống trị, tiêu biểu ban đầu là khởi nghĩa của "Chàng Lía" ở Truông Mây (Bình Định).

2. Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ.

- Mùa xuân năm 1771, cuộc khởi nghĩa do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo bùng lên ở Tây Sơn thượng đạo (An Khê - Gia Lai) và mở rộng hoạt động xuống vùng đồng bằng, lập căn cứ ở Kiên Mĩ (Tây Sơn- Bình Định), nêu cao khẩu hiệu "lấy của người giàu chia cho người nghèo", xóa nợ cho nông dân và bãi bỏ nhiều thứ thuế.

Nông dân nghèo, đồng bào các tộc người Chăm, Ba-na vùng An Khê đã tham gia đông đảo, kéo theo sự hưởng ứng của một số thương nhân, thợ thủ công, hào mục địa phương.

II. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm

1. Lật đổ chính quyền họ Nguyễn

- Đến các năm 1773-1774, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn từ Quảng Nam đến Bình Thuận, đánh tan mọi cuộc tấn công đàn áp của quân chúa Nguyễn.

Tin đó lan ra Đàng Ngoài, chúa Trịnh cử ngay quân vào đánh chiếm Phú Xuân (Huế), sau đó đánh vào quân Tây Sơn ở Quảng Nam.

- Chúa Nguyễn cùng triều thần bỏ Phú Xuân chạy vào Gia Định nhưng vẫn tiếp tục cho quân đánh ra vùng chiếm đóng của Tây Sơn. Đứng trước tình thế, ở phía nam có quân chúa Nguyễn, ở phía bắc quân Trịnh đánh vào, Nguyễn Nhạc quyết định "tạm hòa" với quân Trịnh để yên mặt bắc, tập trung đánh quân Nguyễn ở phía nam.

- Sau nhiều lần đánh vào Gia Định, năm 1777, nghĩa quân Tây Sơn, đã tiêu diệt được thế lực của chúa Nguyễn. Một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh chạy thoát. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong đến đây bị lật đổ.

2. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (1785)

- Sau lần thất bại, Nguyễn Ánh cho người sang cầu cứu vua Xiêm. Nhận thấy thời cơ thuận lợi, vua Xiêm đã cử 5 vạn quân thủy, bộ tiến sang Gia Định với lý do giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn.

- Chiếm được miền Tây Gia Định, quân Xiêm kiêu ngạo ra sức cưỡng bức giết hại nhân dân, đốt phá nhà cửa. Nhân dân Gia Định vô cùng căm giận.

- Tháng 1-1785, theo lệnh của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã đem quân vào Gia Định và bằng trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang) oanh liệt đánh tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm, khiến chúng "ngoài miệng thì nói khoác nhưng trong bụng thì sợ Tây Sơn như cọp".

Tàn quân Nguyễn Ánh tan vỡ, bỏ chạy. Quân Tây Sơn hoàn toàn làm chủ Gia Định.

- Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong những trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta, đập tan âm mưu xâm lược của phong kiến Xiêm.

III. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh

1. Hạ thành Phú Xuân - Tiến ra Bắc Hà và diệt họ Trịnh

- Sau khi đánh bại quân xâm lược Xiêm, nghĩa quân Tây Sơn quyết định đánh ra Phú Xuân, Thuận Hóa, chiếm lại toàn bộ phần đất của Đàng Trong cũ, bấy giờ đang nằm dưới chính quyền Lê - Trịnh.

- Tháng 6-1786, cuộc tấn công Phú Xuân diễn ra, quân Trịnh bị đánh bại, rút về bắc, nghĩa quân Tây Sơn nhân đó tiến ra chiếm lại phần đất từ sông Gianh trở vào, giải phóng toàn bộ đất Đàng Trong.

- Nhận thấy thời cơ thuận lợi, người chỉ huy quân Tây Sơn đánh Phú Xuân là Nguyễn Huệ nảy sinh ý định đánh tiếp ra Đàng Ngoài. Được sự ủng hộ của Nguyễn Hữu Chỉnh - vốn là một tướng của chúa Trịnh theo giúp Tây Sơn, Nguyễn Huệ nêu cao khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh" chia quân tiến ra bắc.

Với sự hưởng ứng của nhân dân Đàng Ngoài, quân Tây Sơn nhanh chóng đánh bại quân Trịnh và tháng 7 năm đó tiến vào Thăng Long. Chính quyền chúa Trịnh bị xóa bỏ. Nguyễn Huệ giao mọi quyền hành cho vua Lê và rút quân về nam.

Cùng với việc tiêu diệt họ Nguyễn ở Đàng Trong, việc lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài, Tây Sơn đã tạo điều kiện cơ bản cho sự thống nhất đất nước, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước.

3. Nguyễn Hữu Chỉnh mưu phản - Nguyễn Huệ thu phục Bắc Hà

- Sau khi quân Tây Sơn rút về Nam, tình hình Đàng Ngoài (Bắc Hà) rối loạn; các thế lực Lê, Trịnh đem quân đánh lẫn nhau. Trước tình hình đó, vua Lê nhờ Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Nghệ An ra giúp diệt Trịnh. Nhân đà thắng lợi, Chỉnh lộng quyền khiến tình thế tiếp tục rối loạn. Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhuận tiến quân ra Bắc trị tội Chỉnh. Diệt được Chỉnh, Nhuậm lại có mưu đồ riêng. Được tin đó, giữa năm 1788 Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã đem quân ra dẹp loạn, ổn định tình hình Bắc Hà. Với mong muốn lập lại cảnh an bình, một số sĩ phu Bắc Hà: Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp.... đã quyết định theo giúp Nguyễn Huệ.

- Sau hơn 15 năm chiến đấu, phong trào Tây Sơn đã đánh đổ các chính quyền phong kiến đang thống trị trên toàn quốc.

IV. Tây Sơn đánh tan quân Thanh

1. Quân Thanh xâm lược nước ta

- Sau khi bỏ Thăng Long chạy trốn lên phía bắc, vua Lê Chiêu Thống đã cho người sang cầu cứu vua Thanh. Thấy đây là thời cơ thuận lợi chiếm Đại Việt, vua Thanh Càn Long đã sai tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân sang nước ta với danh nghĩa giúp vua Lê đánh Tây Sơn.

- Trước tình thế giặc mạnh, lực lượng Tây Sơn ở Bắc Hà do Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhậm chỉ huy quyết định một mặt sai người về Phú Xuân cấp báo cho Nguyễn Huệ và mặt khác rút quân về gấp rút lập phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn.

- Quân Thanh theo Lê Chiêu Thống vào Thăng Long, bố trí lực lượng phòng thủ rồi chuyển sang ăn chơi, cướp bóc nhân dân ta. Trong lúc đó, Lê Chiêu Thống được nhà Thanh phong "An Nam quốc vương" và chỉ biết tìm cách trả thù những người không theo mình, hằng ngày sang chầu ở đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị để xin xỏ. Nhân dân chán ghét khinh bỉ Lê Chiêu Thống và càng căm giận quân xâm lược.

2. Quang Trung đại phá quân Thanh (1789).

- Được tin cấp báo, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (1788), lấy hiệu là Quang Trung, tiếp đó kéo quân ra Bắc. Sau khi dừng lại ở Nghệ An, Thanh Hóa để tuyển thêm quân, vua Quang Trung mở hội thề, đọc lời hiểu dụ kêu gọi toàn dân quyết chiến đấu tiêu diệt quân xâm lược, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

- Quang Trung mở tiệc khao quân (ăn tết trước).

- Từ Tam Điệp quân ta chia thành 5 đạo, trong đó 2 đạo làm nhiệm vụ chặn đường về của giặc, 3 đạo tấn công các đồn chính của giặc. Cuộc chiến đấu diễn ra thần tốc, bất ngờ. Các đồn lớn và đồn chính của giặc ở Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa lần lượt bị đánh tan. Sáng mồng 5 Tết Kỉ Dậu (30-1-1789), Tôn Sĩ Nghị cùng một số tùy tùng hốt hoảng bỏ Thăng Long chạy về Bắc. Quân Thanh ở Thăng Long được tin đó cũng đua nhau vượt sông Hồng chạy theo.

Trưa mồng 5 Tết kỉ dậu, đoàn quân chiến thắng của vua Quang Trung tiến vào Thăng Long giữa cảnh "Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh".

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn

* *Nguyên nhân thắng lợi*

Có được thắng lợi vĩ đại trên trước hết xuất phát từ lòng yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất chống áp bức, bóc lột, chống quân xâm lược, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

- Tinh thần và ý chí đó lại được sự lãnh đạo tài giỏi, sáng suốt và chủ động của người anh hùng Nguyễn Huệ - Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân. Nguyễn Huệ - Quang Trung thực sự là người anh hùng vĩ đại của nhân dân ta ở thế kỉ XVIII.

* *Ý nghĩa lịch sử*

- 17 năm chiến đấu, phong trào Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê, xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền tảng thống nhất quốc gia.

- Phong trào Tây Sơn đánh tan các cuộc xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu1. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu dần vào thời gian nào?

a. Đầu thế kỉ XVIII | c. Nửa cuối thế kỉ XVIII
b. Giữa thế kỉ XVIII | d. Cuối thế kỉ XVIII

Câu 2. Trong triều đình Phú Xuân, ai nắm hết quyền hành, tự xưng "quốc phó", khét tiếng tham nhũng?

a. Trương Văn Hạnh. | c. Trương Phúc Thuần.
b. Trương Phúc Loan. | d. Trương Phúc Tần.

Câu 3. Căn cứ của cuộc khởi nghĩa chàng Lýa ở đâu?

a. Điện Biên (Lai Châu). | c. Ba Tơ (Quảng Ngãi).
b. Sơn La. | d. Truông Mây (Bình Định).

Câu 4. Tổ tiên của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ ở đâu?

a. Bình Định. b. Thanh Hoá. c. Nghệ An. d. Hà Tĩnh.

Câu 5. Căn cứ Tây Sơn thượng đạo của nghĩa quân Tây Sơn nay thuộc vùng nào?

a. Tây Sơn - Bình Định. | c. An Lão - Bình Định.
b. An Khê - Gia Lai. | d. Đèo Măng Giang - Gia Lai.

Câu 6. Tại sao nghĩa quân Tây Sơn được gọi là "Giặc nhân đức"?

a. "Lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo", xóa nợ cho nhân dân và bỏ nhiều thứ thuế.
b. Lấy ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân.
c. Xóa nợ cho nông dân, mở lại chợ cho thương nhân
d. Lấy ruộng đất công chia cho nông dân, xóa thuế cho dân.

Câu 7: Khi lực lượng đã mạnh, nghĩa quân đánh xuống Tây Sơn hạ đạo, rồi lập căn cứ ở đâu?

a. Kiên Mĩ (Tây Sơn - Bình Định). | c. An Khê (Gia Lai).
b. Truông Mây (Bình Định). | d. Các vùng nêu trên.

Câu 8. Nghĩa quân Tây Sơn đã hạ thành Quy Nhơn vào năm nào?

a. Năm 1773. b. Năm 1774. c. Năm 1775. d. Năm 1776.

Câu 9. Năm 1774, nghĩa quân Tây Sơn đã kiểm soát được vùng đất nào?

a. Từ Bình Định đến Quảng Ngãi.
b. Từ Quảng Nam đến Bình Thuận.
c. Từ Quảng Nam đến Bình Định.
d. Từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận.

Câu 10. Năm 1777, diễn ra sự kiện gì lớn?

a. Nghĩa quân Tây Sơn hạ thành Quy Nhơn.

b. Nghĩa quân Tây Sơn chiếm vùng đất rộng lớn từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

c. Nghĩa quân Tây Sơn bắt được chúa Nguyễn. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong bị lật đổ.

d. Nghĩa quân Tây Sơn đánh bại quân Trịnh ở phía Bắc.

Câu 11. Chúa Trịnh đã làm gì khi nghe quân Tây Sơn nổi dậy?

a. Bí mật cấu kết với chúa Nguyễn đánh Tây Sơn

b. Đem quân đánh chiếm Phú Xuân (Huế)

c. Ủng hộ Tây Sơn đánh chúa Nguyễn

d. Đem quân đánh Tây Sơn, tạo điều kiện cho chúa Nguyễn đánh Tây Sơn ở phía Nam.

Câu 12. Nguyễn Nhạc đối phó như thế nào khi phía bắc là quân Trịnh, phía nam là quân Nguyễn?

a. Tạm hòa hoãn với quân Trịnh, dồn sức đánh Nguyễn

b. Tạm hòa hoãn với quân Nguyễn, dồn sức đánh Trịnh.

c. Tạm hòa hoãn với cả Trịnh - Nguyễn để củng cố lực lượng.

d. Chia lực lượng đánh cả Trịnh và Nguyễn.

Câu 13. Chiến thắng có ý nghĩa to lớn của nghĩa quân Tây Sơn vào năm 1785 là gì?

a. Hạ thành Quy Nhơn.

b. Đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược.

c. Đánh bại 5 vạn quân Xiêm xâm lược ở Rạch Gầm - Xoài Mút.

d. Đánh đổ tập đoàn phong kiến họ Nguyễn ở Đàng Trong.

Câu 14. Tại sao Nguyễn Huệ chọn Rạch Gầm - Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với địch?

a. Đây là vị trí chiến lược quan trọng của địch.

b. Địa hình thuận lợi cho việc đặt phục binh.

c. Đó là một con sông lớn.

d. Hai bên bờ sông có cây cối rậm rạp.

Câu 15. Ý nghĩa của chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút là gì?

a. Là một trong những trận thuỷ chiến lớn nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta.

b. Đập tan âm mưu xâm lược của phong kiến Xiêm.

c. Đánh bại hoàn toàn quân xâm lược Xiêm và bắt sống được Nguyễn Ánh.

d. Câu a và b đúng.

Câu 16. Mùa hè năm 1786, Nguyễn Huệ được sự giúp sức của ai, tiến quân vượt đèo Hải Vân đánh thành Phú Xuân?

a. Nguyễn Nhạc.
c. Nguyễn Hữu Cảnh.
b. Nguyễn Lữ.
d. Nguyễn Hữu Cầu.

Câu 17. Ai là người có công lớn trong việc đập tan chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài?

a. Nguyễn Huệ.
c. Nguyễn Lữ.
b. Nguyễn Nhạc.
d. Cả ba anh em Tây Sơn.

Câu 18. Vì sao cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân xâm lược nước ta?

a. Lợi dụng lúc nước ta bị chia cắt thành hai Đàng, mâu thuẫn nội bộ gay gắt.
b. Mưu đồ mở rộng lãnh thổ về phía nam của nhà Thanh.
c. Lê Chiêu Thống hèn mạt cầu cứu nhà Thanh nhằm khôi phục lại quyền lợi của mình.
d. Câu b và c đúng.

Câu 19. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung vào năm nào?

a. Năm 1778. b. Năm 1788. c. Năm 1789. d. Năm 1790.

Câu 20. Những trận đánh quyết định của quân Tây Sơn quét sạch 29 vạn quân Thanh xâm lược vào mùa xuân Kỉ Dậu (1789) diễn ra theo thứ tự như thế nào?

a. Đống Đa - Hà Hồi - Ngọc Hồi.
b. Hà Hồi - Ngọc Hồi - Đống Đa.
c. Đống Đa - Ngọc Hồi - Hà Hồi.
d. Ngọc Hồi - Hà Hồi - Đống Đa.

Câu 21. Tướng nào của giặc phải khiếp sợ, thắt cổ tự tử sau khi thất bại ở Ngọc Hồi và Đống Đa?

a. Sầm Nghi Đống.
c. Tôn Sĩ Nghị.
b. Hứa Thế Hanh.
d. Càn Long.

Câu 22. Vua Quang Trung tiến quân vào Thăng Long ngày tháng năm nào?

a. Sáng mùng 5 Tết Kỉ Dậu năm 1789
b. Trưa mùng 5 Tết Kỉ Dậu năm 1789
c. Chiều mùng 5 Tết Kỉ Dậu năm 1789
d. Tối mùng 5 Tết Kỉ Dậu năm 1789

Câu 23. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Trong 17 năm liên tục chiến đấu, phong trào Tây Sơn đã đánh tan cuộc chiến tranh xâm lược của...................... bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc".

a. Quân Mãn Thanh.
c. Quân Xiêm, Thanh.
b. Quân Xiêm La.
d. Quân của Sầm Nghi Đống.

Câu 24. Nguyên nhân thắng lợi của phong trào Tây Sơn là gì?

a. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của nghĩa quân và sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân.

b. Sự lãnh đạo tài tình của bộ chỉ huy, đứng đầu là Quang Trung.

c. Ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột và tinh thần yêu nước cao cả của nhân dân.

d. Tất cả câu trên đúng

Câu 25. Ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn là gì?

a. Lật đổ chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê.

b. Xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền tảng thống nhất quốc gia.

c. Đánh tan các cuộc xâm lược của Xiêm, Thanh, bảo vệ nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

d. Tất cả ý trên đúng

BÀI 26

QUANG TRUNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

A. Kiến thức cơ bản

1. Phục hồi kinh tế, xây dựng văn hóa dân tộc

- Cuối thế kỉ XVIII, đất nước trải qua chiến tranh loạn lạc kéo dài. Đồng ruộng bỏ hoang, xóm làng xơ xác, công thương nghiệp đình trệ.

- Sau chiến thắng ngoại xâm, vua Quang Trung bắt tay vào xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở Phú Xuân. Ông đề ra các biện pháp thiết thực để khôi phục kinh tế và ổn định xã hội.

+ Ban hành chiếu khuyến nông giải quyết tình trạng ruộng đất bỏ hoang và nạn lưu vong.

+ Bãi bỏ hoặc giảm nhẹ nhiều loại thuế.

+ Yêu cầu nhà Thanh mở cửa ải thông chợ búa, hàng hóa được lưu thông.

+ Nghề thủ công và buôn bán được phục hồi.

- Không dừng lại ở việc ổn định nền kinh tế, vương triều Quang Trung còn ban "Chiếu lập học" và cho mở trường ở các phủ huyện, tổ chức lại thi cử, khuyến khích nhân dân đi học. Hơn nữa, vua Quang Trung còn quyết định dùng chữ Nôm làm chữ viết chính thức của nhà nước, lập viện Sùng chính để dịch các sách chữ Hán ra chữ Nôm làm tài liệu học tập. Đây là việc làm nhằm đề cao tinh thần dân tộc của nhân dân ta.

2. Chính sách quốc phòng, ngoại giao

** Chính sách quốc phòng:*

- Nhận thức được nguy cơ xâm lược từ bên ngoài và sự chống đối của các thế lực phong kiến cũ, Quang Trung đã khẩn trương xây dựng quân đội với trang bị vũ khí đầy đủ.

** Chính sách ngoại giao:*

- Một mặt vua Quang Trung đặt quan hệ thân thiện, hòa hiếu với triều Thanh. Mặt khác vẫn kiên quyết bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Bấy giờ lợi dụng sự khó khăn của nội bộ quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã quay trở lại dựa vào các thế lực địa chủ, chiếm được Gia Định, chuẩn bị đánh ra vùng Quy Nhơn của Nguyễn Nhạc. Nắm bắt được mưu đồ đó, vua Quang Trung đã chuẩn bị ngay một lực lượng quân sự mạnh chuẩn bị tiến vào Gia Định để tiêu diệt quân của Nguyễn Ánh. Kế hoạch đang tiến hành khẩn trương thì vua Quang Trung mất đột ngột vào ngày 16-9-1792. Mọi việc phải ngừng lại, người kết nghiệp là Quang Toản không đủ khả năng tiếp tục. Vương triều Quang Trung suy yếu dần.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sau khi chiến thắng ngoại xâm, Quang Trung bắt tay vào việc xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở đâu?

a. Thăng Long. b. Phú Xuân. c. Bình Định. d. Thanh Hoá.

Câu 2. Vua Quang Trung đưa ra chiếu khuyến nông nhằm mục đích gì?

a. Giải quyết tình trạng ruộng đất bỏ hoang và nạn lưu vong.
b. Giải quyết tình trạng đói kém do họ Nguyễn Đàng Trong để lại.
c. Giải quyết nạn cướp ruộng đất của quan lại, địa chủ.
d. Giải quyết việc làm cho nông dân.

Câu 3. Vua Quang Trung yêu cầu nhà Thanh phải làm gì để phát triển thương mại?

a. Mở cửa ải, thông chợ búa.
b. Mở rộng quan hệ giao lưu, buôn bán với nước ta.
c. Bế quan toả cảng.
d. Chỉ được buôn bán những sản phẩm nông nghiệp.

Câu 4. Vua Quang Trung đã làm gì để khuyến khích học tập?

a. Ban hành chiếu khuyến học. b. Mở thêm trường dạy học.
c. Xoá nạn mù chữ. d. Ban bố chiếu lập học.

Câu 5. Vua Quang Trung giao cho ai lập Viện Sùng Chính để dịch sách chữ Hán sang chữ Nôm?

a. Ngô Văn Sở. c. Nguyễn Thiếp.
b. Ngô Thời Nhậm. d. Vũ Văn Dũng.

Câu 6. Quang Trung đã làm gì để khiến cho hàng hóa không ngưng đọng?

a. Giảm nhẹ nhiều loại thuế.

b. Yêu cầu nhà Thanh "mở cửa ải, thông chợ búa".

c. Mở lại các chợ.

d. Khuyến khích phát triển thủ công nghiệp.

Câu 7. Thời Quang Trung chữ viết chính thức của nhà nước là gì?

a. Chữ Hán. c. Chữ Quốc ngữ.

b. Chữ Nôm. d. a và b đúng.

Câu 8. Viện Sùng Chính được lập ra nhằm mục đích gì?

a. Nghiên cứu và viết lịch sử.

b. Dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để làm tài liệu học tập.

c. Soạn thảo văn bản cho triều đình.

d. Quản lý việc học tập của con em quan lại.

câu 9. hãy kể tên những sĩ phu đã có công giúp Quang Trung xây dựng chính quyền mới.

a. Nguyễn Thiếp, Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm.

b. Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích.

c. Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích.

d. Nguyễn Thiếp, Phan Huy Ích, Ngô Văn Sở.

Câu 10 Sau khi quân Thanh bị đánh tan, ở phía Bắc thế lực nào lén lút hoạt động?

a. Lê Chiêu Thống. c. Lê Duy Mật.

b. Lê Duy Chỉ. d. Lê Long Đĩnh.

Câu 11. Sau khi quân Xiêm bị thất bại, Nguyễn Ánh tiếp tục cầu viện thế lực nào bên ngoài chiếm lại Gia Định.

a. Quân Thanh. c. Quân Pháp.

b. Quân Chân Lạp. d. Quân Minh.

Câu 12. Vua Thanh đã công nhận Quang Trung là gì?

a. "Bình định vương". c. "Đại nguyên soái".

b. "Hoàng đế vương". d. "Quốc vương".

Câu 13. Quang Trung từ trần vào ngày tháng năm nào?

a. Ngày 15 tháng 9 năm 1792. c. Ngày 17 tháng 9 năm 1792.

b. Ngày 16 tháng 9 năm 1792. d. Ngày 18 tháng 9 năm 1792.

Câu 14. Sau khi vua Quang Trung mất, ai là người lên nối ngôi?

a. Công chúa Lê Ngọc Hân. c. Nguyễn Quang Toản.

b. Ngô Thời Nhậm. d. Không có ai cả.

Câu 15. Sau khi Quang Trung mất, chính quyền Tây Sơn suy yếu vì?

a.. Vua mới còn nhỏ tuổi.

b. Vua mới không đủ năng lực và uy tín.

c.. Vua mới không đủ năng lực, uy tín và nội bộ triều đình mâu thuẫn.

d. Nội bộ triều đình tranh giành quyền lực lẫn nhau.

CHƯƠNG VI
VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

BÀI 27
CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN

A. Kiến thức cơ bản

I. Tình hình chính trị, kinh tế

1. Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền

- Nội bộ Tây Sơn suy yếu, Nguyễn Ánh đem quân tiến đánh Tây Sơn, tháng 6-1801 chiếm được Quy Nhơn, và đánh thẳng ra Phú Xuân. Quang Toản chạy ra Bắc Hà. Nguyễn Ánh lần lượt đánh chiếm vùng đất từ Quảng Trị đến Nam Định và tiến thẳng Thăng Long. Quang Toản bị bắt, chấm dứt thời Tây Sơn.

- Năm 1802, Nguyễn Ánh đặt niên hiệu Gia Long, chọn Phú Xuân làm kinh đô, lập ra triều Nguyễn.

- Chế độ quân chủ chuyên chế được lập lại. Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành trong nước từ trung ương đến địa phương. Năm 1815 một bộ luật mới được ban hành với tên "Hoàng triều luật lệ" (còn gọi là luật Gia Long). Năm 1831-1832, cả nước được chia thành 30 tỉnh và một phủ Thừa Thiên.

- Quân đội gồm nhiều binh chủng và được xây dựng với một hệ thống thành lũy vững chắc ở các tỉnh.

- Về đối ngoại: Nhà Nguyễn thần phục nhà Thanh nhưng khước từ mọi quan hệ với các quốc gia phương Tây.

2. Kinh tế dưới triều Nguyễn

- Nông nghiệp:

+ Công cuộc khai hoang được đẩy mạnh nhưng ruộng đất hoang hóa vẫn còn nhiều. Chính sách quân điền được đặt lại nhưng tổng diện tích ruộng đất công còn quá ít. Nông dân vẫn không có hoặc thiếu ruộng để cày cấy.

+ Đê điều tuy được sửa đắp nhưng vỡ đê, lụt lội vẫn thường xuyên xảy ra khiến làng xóm tiêu điều, mùa màng bị tàn phá.

- Công thương nghiệp phát triển, nhà Nguyễn lập nhiều xưởng đúc tiền, đúc súng, đóng tàu, khai mỏ...

+ Thủ công nghiệp nhà nước phát triển mạnh và có nhiều thành tựu lớn, đặc biệt là việc đóng thành công chiếc tàu thủy chạy bằng máy hơi nước theo kiểu phương Tây.

+ Thủ công nghiệp nhân dân tiếp tục phát triển nhưng thuế nặng.

- Đất nước thống nhất thuận lợi cho việc trao đổi buôn bán. Các đô thị, thị tứ phồn thịnh.

+ Thuyền buôn nước ngoài thường xuyên đến buôn bán. Nhà nước cũng có thuyền chở gạo và đường sang các nước xung quanh để trao đổi. Tàu buôn phương Tây cũng đến buôn bán ở các hải cảng Việt Nam nhưng nhà Nguyễn không cho họ mở cửa hàng và họ chỉ được ra vào ở một số cảng quy định.

II. Các cuộc nổi dậy của nhân dân

1. Đời sống nhân dân dưới triều Nguyễn

- Không có hoặc thiếu ruộng để cày cấy sinh sống, người nông dân ở nhiều nơi đã phải bỏ làng đi phiêu tán, kiếm ăn. Không những thế, họ lại phải đi lao dịch cho triều đình, bị bọn quan lại, địa chủ áp bức, bóc lột nặng nề. Đời sống của họ quá khổ cực, thiếu thốn đến mức "quan coi dân như kẻ thù, dân sợ quan như sợ cọp".

2. Các cuộc nổi dậy

- Mâu thuẫn giai cấp gay gắt đã làm bùng lên hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của nông dân, dân nghèo ở khắp nơi vào suốt nửa đầu thế kỉ XIX.

- Trong bốn cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, có hai cuộc khởi nghĩa nông dân Phan Bá Vành (1821-1827) và Cao Bá Quát (1854-1856), một cuộc khởi nghĩa của tộc người thiểu số - Nông Văn Vân (1833-1835) và một cuộc khởi nghĩa của binh lýnh - Lê Văn Khôi (1833-1835).

Như vậy, ở nửa đầu thế kỉ XIX, không chỉ nông dân nghèo khổ nổi dậy đấu tranh mà các tộc người thiểu số ở miền núi, quân đội triều đình cũng bất bình nổi dậy đấu tranh. Sự thật này đã nói lên mâu thuẫn sâu sắc giữa vương triều Nguyễn với toàn thể các tầng lớp nhân dân.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Tây Sơn thất bại trước cuộc tấn công của Nguyễn Ánh?

a. Nội bộ Tây Sơn chia rẽ, mâu thuẫn ngày càng gay gắt.

b. Quân của Nguyễn Ánh rất mạnh.

c. Nguyễn Ánh được sự giúp đỡ của quân Xiêm.

d. Quang Trung mất, Quang Toản nối ngôi, nhưng không đủ năng lực.

Câu 2. Nguyễn Ánh chiếm được Quy Nhơn vào khoảng thời gian nào?

a. Tháng 5 năm 1801. c. Tháng 7 năm 1801.

b. Tháng 6 năm 1801. d. Tháng 8 năm 1801.

Câu 3. Sau khi chiếm được Quy Nhơn, Nguyễn Ánh đánh chiếm vùng nào?

a. Đà Nẵng. b. Hội An. c. Phú Xuân. d. Quảng Ngãi.

Câu 4. Khi bị Nguyễn Ánh tấn công, Nguyễn Quang Toản chạy ra nơi nào?

a. Quảng Bình. b. Nghệ An. c. Thanh Hoá. d. Bắc Hà.

Câu 5. Nguyễn Ánh lập ra triều Nguyễn từ năm nào và lấy niên hiệu là gì?

a. Năm 1802. Niên hiệu là Gia Long.

b. Năm 1803. Niên hiệu là Minh Mạng.

c. Năm 1804. Niên hiệu là Thiệu Trị.

d. Năm 1805. Niên hiệu là Tự Đức.

Câu 6. Kinh đô của triều Nguyễn đặt ở đâu?

a. Phủ Quy Nhơn. b. Phú Xuân. c. Đà Nẵng. d. Gia Định.

Câu 7. Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế vào năm nào?

a. Năm 1802. b. Năm 1804. c. Năm 1806. d. Năm 1807.

Câu 8. Sau khi lên ngôi hoàng đế, nhà Nguyễn đã làm gì?

a. Xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế thống nhất.

b. Ban hành bộ Hoàng triều luật lệ (luật Gia Long).

c. Xây dựng thành trì ở kinh đô, nhà vua trực tiếp điều hành công việc.

d. Cả ba lý do trên.

Câu 9. Những việc làm của nhà Nguyễn nhằm thực hiện mục đích gì?

a. Củng cố quyền lực của giai cấp thống trị.

b. Giải quyết mâu thuẫn xã hội.

c. Củng cố bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

d. Xóa bỏ tất cả những gì liên quan đến triều đại trước.

Câu 10. Bộ Hoàng triều luật lệ được ban hành vào năm nào?

a. Năm 1814. b. Năm 1815. c. Năm 1816. d. Năm 1817.

Câu 11. Những năm 1831-1832, nhà Nguyễn chia nước ra bao nhiêu tỉnh?

a. 10 tỉnh và 1 phủ trực thuộc. b. 20 tỉnh và 1 phủ trực thuộc.

c. 30 tỉnh và 1 phủ trực thuộc. d. 40 tỉnh và 1 phủ trực thuộc.

Câu 12. Quan đứng đầu mỗi tỉnh được gọi là:

a. Chánh phố An phủ sứ. c. Tri phủ.

b. Đô ti, thừa ti. d. Tổng đốc hoặc tuần phủ.

Câu 13. Điểm cơ bản nhất trong chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Nguyễn là gì?

a. Siết chặt cách thống trị đối với nhân dân. Đóng kín, bảo thủ, mù quáng.

b. Đàn áp nhân dân, thuần phục nhà Thanh.

c. Đàn áp nhân dân, khước từ mọi tiếp xúc với các nước phương Tây.

d. Áp dụng chặt chẽ bộ luật Gia Long, xem nhà Thanh là "Thiên triều".

Câu 14. Nhà Nguyễn đã làm gì để phát triển nông nghiệp?

a. Khai hoang. b. Lập đồn điền.

c. Thực hiện chế độ quân điền. d. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 15. Vì sao chế độ quân điền dưới thời Nguyễn không còn tác dụng phát triển nông nghiệp và ổn định trong đời sống nhân dân?

a. Nông dân bị trói buộc vào ruộng đất để nộp tô thuế.

b. Nông dân phải đi phu dịch cho nhà nước.

c. Phần lớn ruộng đất tập trung vào tay địa chủ.

d. Cả ba câu trên đều đúng.

Câu 16. "Tài chính thiếu hụt, nạn tham nhũng phổ biến, việc sửa đắp đê càng khó khăn. Có nơi như phủ Khoái Châu (Hưng Yên), đê vỡ 18 năm liền... Cả một vùng đồng bằng phì nhiêu biến thành bãi sậy". Đó là tình hình nước ta dưới triều vua nào?

a. Minh Mạng. b. Thiệu Trị. c. Tự Đức. d. Đồng Khánh.

Câu 17. Năm 1828, Nguyễn Công Trứ được triều Nguyễn cử giữ chức vụ gì?

a. Doanh điền sứ. b. Tổng đốc. c. Tuần phủ. d. Chương lý.

Câu 18. Tại sao diện tích canh tác được tăng thêm mà vẫn còn tình trạng nông dân lưu vong?

a. Vì nông dân bị nhà nước tịch thu ruộng đất.

b. Vì nông dân bị địa chủ, cường hào cướp mất ruộng đất.

c. Vì triều đình tịch thu ruộng đất để lập đồn điền.

d. Vì xuất hiện tình trạng "rào đất, cướp hoang".

Câu 19. Thế kỉ XIX, tình hình công thương nghiệp nước ta như thế nào?

a. Công thương nghiệp sa sút.

b. Công thương nghiệp có xu hướng phát triển mạnh mẽ.

c. Nhà Nguyễn tăng cường thu thuế, làm hạn chế sự phát triển công thương nghiệp.

d. Nhà Nguyễn không có chính sách phát triển công thương nghiệp.

Câu 20. Nghĩa quân lập căn cứ ở Trà Lũ (Nam Định), đánh nhau hàng chục trận lớn với quân triều đình. "Khi lâm trận thì đàn bà con gái cũng cầm giáo mác mà đánh". Đó là cuộc khởi nghĩa nào?

a. Khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821-1827).

b. Khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833-1835).

c. Khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833-1835).

d. Khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854-1856).

BÀI 28
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC CUỐI THẾ KỈ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

A. Kiến thức cơ bản

I. Văn học, nghệ thuật

1. Văn học

- Nối tiếp các thế kỉ trước, từ cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX, mặc dù chế độ phong kiến bước vào giai đoạn suy tàn, văn học dân gian vẫn phát triển phong phú.

+ Trên cơ sở ngôn ngữ ngày càng hoàn thiện, nhiều nhà thơ tài năng xuất hiện như Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương... và nổi bật nhất là Nguyễn Du. Tác phẩm "Truyện Kiều" của Nguyễn Du không chỉ phản ánh được thực trạng xã hội đương thời, nỗi đau khổ của người phụ nữ mà còn góp phần quan trọng hoàn thiện thơ Nôm.

+ Văn học Việt Nam thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX phản ánh phong phú và sâu sắc cuộc sống xã hội đương thời cùng những thay đổi trong tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con người Việt Nam.

2. Nghệ thuật

- Sự phong phú, đa dạng của văn nghệ dân gian tăng lên với nhiều thể loại - từ ca dao, tục ngữ, truyện cười, đến dân ca quan họ, trống quân, hát dặm, lượn, khắp.

- Điểm nổi bật về nghệ thuật dân gian cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX là tranh dân gian (Đông Hồ) vừa phản ánh cuộc sống đời thường muôn màu muôn vẻ của người dân, vừa thể hiện những nét đặc sắc, độc đáo trong nghệ thuật.

- Về nghệ thuật kiến trúc, bên cạnh các đình chùa có cố cung Huế với nhiều công trình độc đáo, tinh tế được xếp hạng di sản văn hóa thế giới.

II. Giáo dục, khoa học - kĩ thuật

1. Giáo dục, thi cử

- Thời Tây Sơn, Quang Trung ra chiếu lập học chấn chỉnh lại việc học, thi cử, mở trường công ở các xã cho con em nhân dân có điều kiện đi học, đưa chữ Nôm vào thi cử.

- Thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX), thi cử không có gì thay đổi. Quốc tử giám đặt ở Huế. Giáo dục nước ta được tổ chức lại và tiếp tục phát triển tuy không bằng trước. Nhà Nguyễn đã lập thêm "Tứ dịch quán" để dạy tiếng Pháp và tiếng Xiêm cho một số phiên dịch của nhà nước.

2. Sử học, địa lí, y học

- Các ngành khoa học xã hội như Sử học, Địa lí rất phát triển. Ngoài các tác phẩm lớn do nhà nước tổ chức biên soạn, xuất hiện hàng loạt tác phẩm của các nhà khoa học danh tiếng như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định...

- Nhiều tác phẩm khoa học có giá trị lớn về tư liệu như *Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, Lịch triều hiến chương loại chí, Gia Định thành thông chí, Nhất thống dư địa chí*... được lưu lại cho đến ngày nay.

- Y học dân tộc được đúc kết lại trong tác phẩm quý giá - *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* gồm 66 tập của bậc danh y Lê Hữu Trác.

3. Những thành tựu kĩ thuật

Cùng với sự phát triển của khoa học, điều đáng chú ý là sự tiếp nhận kĩ thuật hiện đại với nghề làm đồng hồ và việc đóng thành công các tàu thủy chạy bằng máy hơi nước. Những thành tựu đó đã nói lên tài năng của người thợ thủ công Việt Nam đương thời, tiếc rằng nó không được Nhà nước sử dụng và phát huy.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Nền văn học dân gian nước ta phát triển rực rỡ vào thời gian nào?

a. Đầu thế kỉ XVIII c. Cuối thế kỉ XVIII

b. Nửa đầu thế kỉ XVIII d. Nửa cuối thế kỉ XVIII

Câu 2. Văn học chữ Nôm phát triển và đạt đến đỉnh cao với tác phẩm nào?

a. Truyện Kiều. c. Thạch Sanh.

b. Chinh phụ ngâm khúc. d. Cung oán ngâm khúc.

Câu 3. Yếu tố nào đã giúp Nguyễn Du nhận thức rõ thực trạng xã hội và bản chất chế độ đương thời để thể hiện sâu sắc điều đó trong tác phẩm của mình?

a. Tính chất chuyên chế cực đoan của nhà nước phong kiến.

b. Sự vùng lên mãnh liệt của các tầng lớp nhân dân bị trị.

c. Sự suy yếu của chế độ phong kiến.

d. Câu a và b đúng.

Câu 4. "... là một tài năng hiếm có, một nhà thơ Nôm châm biếm nổi tiếng. Thơ của bà đả kích sâu cay vua quan phong kiến, bênh vực quyền sống của người phụ nữ". Bà là ai?

a. Hồ Xuân Hương. c. Đoàn Thị Điểm.

b. Bà Huyện Thanh Quan. d. Lê Ngọc Hân.

Câu 5. Văn học Việt Nam thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX phản ánh vấn đề gì?

a. Xã hội phong kiến bóc lột thậm tệ nhân dân lao động.

b. Xã hội đương thời, cùng những thay đổi trong tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con người Việt Nam.

c. Nạn tham quan, cướp đoạt ruộng đất của nông dân.

d. Nạn tham nhũng, mua quan bán tước.

Câu 6. Nét đặc sắc đáng chú ý của văn học đương thời (thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX) là gì?

a. Văn học dân gian phát triển.

b. Xuất hiện nhiều nhà thơ nữ.

c. Văn học viết bằng chữ Nôm phát triển đến đỉnh cao.

d. Câu a và b đúng.

Câu 7. Tranh dân gian Việt Nam nổi tiếng đầu thế kỉ XIX là:

a. Tranh Đánh vật. c. Tranh Hứng dừa.

b. Tranh chăn trâu thổi sáo. d. Dòng tranh Đông Hồ.

Câu 8. Công trình kiến trúc nổi tiếng ở thế kỉ XVIII là gì?

a. Đình làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

b. Chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Tây).

c. Chùa Thiên Mụ (Thừa Thiên-Huế).

d. Khuê văn các ở Văn Miếu Hà Nội.

Câu 9. "Chùa là một công trình kiến trúc đặc sắc, là kiểu thức trang trí cung đình tương tự các lớp mái của các lầu, cửa của kinh thành tạo ra sự tôn vinh cao quý". Đó là chùa nào?

a. Chùa Một Cột. c. Chùa Tây Phương.

b. Chùa Bút Tháp. d. Chùa Thiên Mụ.

Câu 10. Cố đô Huế, được xây dựng từ thời vua nào?

a. Vua Gia Long. c. Vua Thiệu Trị.

b. Vua Minh Mạng. d. Vua Tự Đức.

Câu 11. Cố đô Huế xây dựng đạt tới quy mô hoàn chỉnh dưới triều vua nào?

a. Vua Gia Long.	c. Vua Thiệu Trị.
b. Vua Minh Mạng.	d. Vua Tự Đức.

Câu 12. UNESCO đã cấp bằng công nhận cố đô Huế là di sản văn hoá thế giới vào năm nào?

a. Năm 1991. b. Năm 1992. c. Năm 1993. d. Năm 1994.

Câu 13. Nhà bác học lớn nhất của Việt Nam thế kỉ XVIII là ai?

a. Lê Hữu Trác.	c. Trịnh Hoài Đức.
b. Phan Huy Chú.	d. Lê Quý Đôn.

Câu 14. Ông là người thầy thuốc có uy tín lớn nhất Việt Nam thế kỉ XIX, ông có tên h gì?

a. Lê Hữu Trác.	c. Phan Huy Chú.
b. Lê Quý Đôn.	d. Ngô Nhân Tĩnh.

Câu 15. Các tác phẩm nổi tiếng của Lê Quý Đôn là:

a. Đại Việt sử kí tiền biên. Đại Nam liệt truyện.
b. Đại Việt thông sử. Phủ biên tạp lục. Vân Đài loại ngữ.
c. Lịch triều hiến chương loại chí. Đại Việt sử kí tiền biên.
d. Nhất thống dư địa chí. Đại Nam liệt truyện.

Câu 16. "Gia Định tam gia" chỉ ba tác giả lớn ở Gia Định, họ là ai?

a. Lê Quý Đôn. Phan Huy Chú. Trịnh Hoài Đức.
b. Trịnh Hoài Đức. Lê Hữu Trác. Lê Quý Đôn.
c. Trịnh Hoài Đức. Lê Quang Định. Ngô Nhân Tĩnh.
d. Lê Quý Đôn. Lê Quang Định. Lê Hữu Trác.

Câu 17. Ai là tác giả của "Gia Định thành công chí" ?

a. Trịnh Hoài Đức.	c. Lê Quang Định.
b. Phan Huy Chú.	d. Ngô Nhân Tĩnh.

Câu 18. Hải Thượng Lãn Ông tên thật là:

a. Lê Quý Đôn.	c. Lê Quang Định.
b. Lê Hữu Trác.	d. Trịnh Hoài Đức.

Câu 19. Thợ thủ công Nguyễn Văn Tú (thế kỉ XVIII) đã chế tạo được gì?

a. Chế được máy xẻ gỗ chạy bằng hơi nước.
b. Tàu thuỷ chạy bằng hơi nước.
c. Làm đồng hồ và kính thiên lý.
d. Làm đồng hồ và kính thiên văn.

Câu 20. Tàu thuỷ chạy bằng hơi nước của Việt Nam được đóng xong vào năm nào?

a. Năm 1839. b. Năm 1840. c. Năm 1841. d. Năm 1842.

BÀI 29
ÔN TẬP CHƯƠNG V VÀ CHƯƠNG VI

A. Kiến thức cơ bản

- Sự suy yếu của nhà Lê sơ đã dẫn đến sự tranh chấp của các thế lực phong kiến và tình trạng này thể hiện rõ ở hai cuộc chiến tranh Trịnh - Mạc và Trịnh - Nguyễn.

- Kết quả của các cuộc chiến tranh là đất nước tạm bị chia làm hai miền có hai chính quyền khác nhau.

- Tuy nhiên, các thế kỉ XVI - XVIII cũng là những thế kỉ chứng kiến sự phát triển của kinh tế, văn hóa, đặc biệt là công thương nghiệp và văn hóa dân gian.

- Những đổi thay lớn về chính trị - xã hội, kinh tế, văn hóa đã tác động lớn đến cuộc sống của nhân dân. Mâu thuẫn giai cấp ngày càng thêm sâu sắc và làm bùng lên cả một phong trào đấu tranh rộng khắp của nông dân, ban đầu ở Đàng Ngoài, sau đó ở Đàng Trong mà đặc biệt với phong trào Tây Sơn.

- Trong hoàn cảnh khủng hoảng của chế độ phong kiến, phong trào Tây Sơn không chỉ làm nhiệm vụ dân tộc mà còn đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Xiêm và quân Thanh bảo vệ độc lập chủ quyền của Tổ quốc.

- Nhà Nguyễn đánh bại triều Tây Sơn lập lại chế độ phong kiến tập quyền (1802) và cố gắng làm mọi việc nhằm nhanh chóng ổn định xã hội nhưng đời sống của nhân dân vẫn ngày càng khó khăn. Lụt lội, mất mùa liên tiếp xảy ra, xã hội Việt Nam thời Nguyễn vẫn không ổn định, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra.

- Mặc dù chế độ phong kiến suy tàn, văn hóa dân tộc vẫn tiếp tục phát triển và đạt được một số thành tựu đáng quý trong văn học, nghệ thuật và một số ngành khoa học - kĩ thuật. Xuất hiện một số nhà thơ, nhà văn xuất sắc, đặc biệt các nhà thơ nữ, một số nhà sử học, y học nổi tiếng, để lại cho dân tộc những tác phẩm có giá trị lâu dài.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Vào thế kỉ XVI, tình hình chính trị ở nước ta có những biến động như thế nào?

a. Nhà nước Lê sơ thịnh đạt.

b. Nhà nước Lê sơ được thành lập.

c. Nhà nước phong kiến Lê sơ suy sụp, nhà Mạc thành lập.

d. Nhà Mạc bước vào giai đoạn thối nát.

Câu 2. Các cuộc chiến tranh phong kiến Nam - Bắc triều diễn ra vào thời gian nào?

a. Thế kỉ XVI. . Thế kỉ XVII. c. Thế kỉ XVIII. d. Thế kỉ XIX.

Câu 3. Vào thế kỉ XVII, ở nước ta diễn ra sự kiện lịch sử nào làm tổn thương đến việc thống nhất đất nước?

a. Chiến tranh phong kiến Nam - Bắc triều.

b. Các tập đoàn phong kiến Lê- Trịnh, Nguyễn chia cắt đất nước.

c. Chiến tranh Trịnh- Nguyễn.

d. Tất cả cùng đúng.

Câu 4: Phong trào nông dân khởi nghĩa và lan rộng ở thế kỉ XVIII, tiêu biểu là phong trào nông dân Tây Sơn, là biểu hiện về vấn đề gì?

a.Sự nổi loạn cát cứ ở địa phương.

b. Sự lớn mạnh của nông dân.

c. Sự khủng hoảng và suy sụp của chế độ phong kiến.

d. Sự xâm lược của thế lực bên ngoài.

Câu 5: Triều đại Tây Sơn tồn tại trong thời gian nào?

a. 1778 đến 1802. c. 1777 đến 1789.

b. 1779 đến 1800. d. 1776 đến 1804.

Câu 6. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A?

A	B
1. 1777 2.1786 3.1788	a. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài. b. Tây Sơn lật đổ vua Lê, xoá bỏ ranh giới chia cắt giữa Đàng Ngoài và Đàng Trong. c. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

Câu 7. Nguyễn Ánh đánh bại Vương triều Tây Sơn vào thời gian nào?

a. Năm 1801 b. Năm 1802. c. Năm 1803. d. Năm 1804.

Câu 8. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, nước ta đã phải chống các thế lực ngoại xâm nào?

a. Quân Minh, Thanh. c. Quân Mông Nguyên.

b. Quân Tống, Thanh. d. Quân Xiêm, Thanh.

Câu 9. Chiến thắng lớn nhất ở Đàng Trong đánh bại quân Xiêm xâm lược vào thế kỉ XVIII là chiến thắng nào?

a. Chi Lăng – Xương Giang. c. Rạch Gầm – Xoài Mút

b. Tốt Động – Chúc Động.. d. Ngọc Hồi – Hà Hồi.

Câu 10. Chiến thắng Đống Đa đã quyết định đến số phận của quân xâm lược nào?

a. Quân Minh. c. Quân Xiêm.

b. Quân Thanh. d. Quân Tống.

Câu 11. Những bộ sử nào của Đại Việt được viết vào cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX?

a. Đại Việt sử kí tiền biên, Đại Nam thực lục, Lịch triều hiến chương loại chí.

b. Đại Việt sử kí tiền biên, Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện.

c. Đại Việt sử kí tiền biên, Đại Nam liệt truyện, Lịch triều hiến chương loại chí.

d. Vân Đài loại ngữ, Đại Nam liệt truyện, Đại Việt sử kí toàn thư.

Câu 12. Nhà bác học vĩ đại nhất của Việt Nam thế kỉ XVIII là ai?

a. Lê Quý Đôn. c. Lương Thế Vinh.

b. Lê Hữu Trác. d. Phan Huy Chú.

Câu 13. Một kiệt tác văn học bằng chữ Nôm của nước ta vào nửa đầu thế kỉ XIX là tác phẩm nào?

a. Truyện Kiều của Nguyễn Du.

b. Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan.

c. Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn

d. Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương

Câu 14. Hãy nối tên tác giả ở cột A cho phù hợp với tên tác phẩm ở cột B.

Cột A	**Cột B**
1. Triều Tây Sơn	a. Đại Nam thực lục
2. Triều Nguyễn	b. Đại Việt sử kí tiền biên
3. Lê Quý Đôn	c. Lịch triều hiến chương loại chí
4. Phan Huy Chú	d. Gia Định thành cộng chí
5. Trịnh Hoài Đức	e. Đại Việt thông sử
6. Lê Hữu Trác	g. Hải Thượng y tông tâm lĩnh

BÀI 30
TỔNG KẾT

A. Kiến thức cơ bản

* Củng cố kiến thức đã học về lịch sử Thế giới trung đại và lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

- Lịch sử thế giới trung đại: Những đặc điểm chính của chế độ phong kiến phương Đông (đặc biệt là Trung Quốc) và phương Tây. Thấy được sự

khác nhau giữa xã hội phong kiến phương Đông và xã hội phong kiến phương Tây.

- Lịch sử Việt Nam: quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

- Những thành tựu mà dân tộc ta đã đạt được trên các lĩnh vực: Phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, kháng chiến chống ngoại xâm.

- Nâng cao những hiểu biết bước đầu về sự hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam, các cuộc khởi nghĩa lớn, điển hình của nông dân, đặc biệt là phong trào Tây Sơn.

B. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Thời kì nào nước ta bước vào giai đoạn độc lập, tự chủ?

a. Thời kì nhà Đinh. c. Thời kì nhà Lý.

b. Thời kì nhà Ngô. d. Thời kì nhà Trần.

Câu 2. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XII, nước Đại Việt gắn liền với triều đại phong kiến nào?

a. Nhà Đinh. b. Nhà Lý. c. Nhà Trần. d. Nhà Hồ.

Câu 3. Hãy xác định sự kiện theo cặp đôi sau đây:

a. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	1. Lê Hoàn.
b. Kháng chiến chống Tống lần thứ nhất.	2. Lê Lợi, Nguyễn Trãi.
c. Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang.	3. Quang Trung.
d. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa.	4. Ngô Quyền.
e. Lý Thường Kiệt	
g. Trần Quốc Tuấn	

Câu 4. Thời Lê sơ là thời kì nào trong lịch sử nước ta?

a. Thời kì Lê Hoàn và Lê Long Đĩnh lên làm vua (980-1009).

b. Thời kì Lê Lợi lên ngôi vua (1428-1527).

c. Thời kì Mạc Đăng Dung lật đổ nhà Lê, lập ra nhà Mạc.

d. Thời kì Trịnh Tùng giúp con cháu nhà Lê diệt nhà Mạc, khôi phục vương triều Lê.

Câu 5. Thời kì nào trong lịch sử nước ta đã hai lần ghi dấu ấn trong việc đánh bại kẻ thù xâm lược nhà Tống?

a. Thời nhà Lý. c. Thời Tiền Lê và Lý.

b. Thời nhà Trần. d. Thời Lê sơ và nhà Lý.

Câu 6. Trong lịch sử chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, dân tộc ta phải đối mặt với kẻ thù nào lớn nhất?

a. Quân xâm lược Tống.

b. Quân xâm lược Mông – Nguyên.

c. Quân xâm lược nhà Minh.

d. Quân xâm lược nhà Thanh.

Câu 7. Nêu chiến thắng mở màn và kết thúc trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII?

a. Chiến thắng chống Tống của Lê Hoàn và chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa của Quang Trung.

b. Chiến thắng chống Tống của Lý Thường Kiệt và chiến Chi Lăng – Xương Giang của Lê Lợi Nguyễn Trãi.

c. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền và chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa của Quang Trung.

d. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền và chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang của Lê Lợi-Nguyễn Trãi.

Câu 8. Thời kì nào trong lịch sử nước ta xảy ra hiện tượng:

"Một nhà sinh đặng ba vua
Vua sống, vua chết, vua thua chạy dài"

a. Thời kì Tây Sơn.　　c. Thời kì nhà Trần.

b. Thời kì nhà Nguyễn.　　d. Thời kì nhà Lý.

Câu 9. Thời kì nào trong lịch sử nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, Phật giáo phát triển thịnh đạt nhất?

a. Thời kì Tiền Lê.　　c. Thời kì Lê sơ.

b. Thời kị nhà Trần.　　d. Thời kì nhà Lý.

Câu 10. Thời kì nào trong lịch sử nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, vua phải đi cày tịch điền?

a. Thời kì Tiền Lê.　　c. Thời kì nhà Lý.

b. Thời kì nhà Trần.　　d. Thời kì Hậu Lê.

Câu 11. "Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông cũng cạn
Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông".

Đó là câu nói của ai? Viết trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nào?

a. Nguyễn Trãi. Trong kháng chiến chống xâm lược nhà Minh.

b. Lý Thường Kiệt. Trong kháng chiến chống xâm lược nhà Tống.

c. Trần Quốc Tuấn. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.

d. Trần Quảng Khải. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.

Câu 12. "Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Lúa thóc đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn"
Đó là hai câu ca dao nói lên cảnh no đủ, được mùa thời kì nào?

a. Thời kì nhà Lý.
b. Thời kì nhà Trần.
c. Thời kì nhà Hậu Lê.
d. Thời kì nhà Tiền Lê

C. MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO

Đề số 1

Câu 1. Xã hội phong kiến ở châu Âu được hình thành như thế nào? Nêu các giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở châu Âu trung đại?

Câu 2. Vì sao xuất hiện thành thị trung đại? Nền kinh tế trong các thành thị có gì khác với nền kinh tế lãnh địa?

Câu 3. Nối tên các tác giả ở cột A với tên các tác phẩm ở cột B cho đúng.

Cột A	Cột B
1. Thi Nại Am	a. Tam quốc diễn nghĩa
2. La Quán Trung	b. Tây du kí
3. Ngô Thừa Ân	c. Thuỷ hử
4. Tào Tuyết Cần	d. Bộ sử kí thời Hán
5. Tư Mã Thiên	e. Hồng lâu mộng

Câu 4. Điền vào chỗ trống những từ cho sẵn: nông dân lĩnh canh (tá điền), quan lại, nông dân giàu có, địa tô, thuế thân, nhận ruộng, cày cấy, phong kiến

Khi những công cụ bằng sắt xuất hiện, xã hội Trung Quốc có sự biến đổi. Có hai giai cấp chính: giai cấp địa chủ gồm:....................(a).................. chiếm nhiều ruộng đất, lại có quyền lực. Ngược lại, những nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải........................(b).................. của địa chủ để.......................(c)........................ gọi là..............................(d)................... Họ phải nộp cho địa chủ một phần hoa lợi gọi là..........................(e)........................... Quan hệ sản xuất.............................. (f).......................... hình thành.

Đề số 2

Câu 1. Hãy nêu cuộc hành trình của các nhà phát kiến địa lí theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	Các nhà phát kiến địa lí	Những nơi họ đến

Câu 2. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu được hình thành nhı thế nào?

Câu 3. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc phong kiếı được biểu hiện qua phong trào nào? Nội dung của phong trào Văn hoá Phụı hưng là gì? Ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng.

Câu 4. Lập niên biểu về tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc qua cá triều đại theo mẫu sau:

	Thời Tần-Hán (a)	*Thời Đường (b)*	*Thời Tống-Nguyên (c)*	*Thời Minh-Thanh (d)*
1. Niên đại				
2. Tổ chức, bộ máy nhà nước				
3. Chính sách kinh tế				
4. Chính sách đối ngoại				
5. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân				

Đề số 3

Câu 1. Nêu tác động của phong trào cải cách tôn giáo đối với xã hội châu Âu bấy giờ?

Câu 2. Lập bảng tóm tắt những thành tựu về văn hoá, khoa học-kĩ thuật củ Trung Quốc thời phong kiến theo mẫu sau:

Lĩnh vực	Những thành tựu
1. Tư tưởng chủ đạo của nền văn hoá Trung Quốc	a/

2. Văn học (tác phẩm-tác giả)	b/
3. Sử học	c/
4. Nghệ thuật	d/
5. Khoa học-Kĩ thuật	e/

Câu 3. Những biểu hiện về nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ chịu ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo?

Đề số 4

Câu 1. Lập bảng thống kê các giai đoạn phát triển của lịch sử Ấn Độ theo mẫu sau:

Thời gian	Sự kiện
1	
2	
3	
4	
5	
6	

Câu 2. Trong hệ tư tưởng Nho giáo ở Trung Quốc, quan điểm về "Tam cương" và "Ngũ thường" là gì? Các nhân vật gắn liền với sự phát triển của Nho giáo là ai?

Câu 3. Hãy điền vào chỗ trống những chữ cho hợp lí.

- Chủ nhân đầu tiên của đất Lào là người........................(1)................... Mãi đến thế kỉ XIII, một nhóm người..........................(2).......................... di cư đến đất Lào gọi là người..........................(3)......................... Năm 1353,............................(4)......................... đã tập hợp và thống nhất các bộ lạc người Lào, lập ra nước..........................(5)............................

- Vương quốc Lạn Xạng luôn giữ quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng, nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh chống quân xâm lược.........................(6)....................... để bảo vệ lãnh thổ.

- Thế kỉ XVIII, Lạn Xạng suy yếu dần vì những cuộc tranh chấp ngôi vua trong hoàng tộc và đã bị vương quốc........................(7).......................... xâm chiếm. Cuối thế kỉ XIX, Lào thành thuộc địa..................(8)...............

Đề số 5

Câu 1. Hãy nêu những nét giống nhau về quá trình hình thành, phát triển và suy vong của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.

Câu 2. Lập niên biểu các giai đoạn phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ thứ XIX theo mẫu sau:

Các giai đoạn phát triển	*Các quốc gia Đông Nam Á (tên gọi, địa điểm hình thành)*
10 thế kỉ đầu sau công nguyên.	* Hình thành các vương quốc cổ: - - -
Thế kỉ X đến thế kỉ XVIII	* - - -
Thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	* - - -

Câu 3. Vì sao diễn ra "Loạn 12 sứ quân"? Kể tên một số nổi loạn mà sau này Đinh Bộ Lĩnh liên kết?

Đề số 6

Câu 1. Hãy vẽ sơ đồ về tổ chức bộ máy nhà nước ở nước ta dưới thời Ngô Quyền? Nêu nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước đó?

Câu 2. Chọn những cụm từ dưới đây điền vào chỗ ô trống cho đúng:

Chế độ phong kiến trung ương tập quyền; chế độ phong kiến phân quyền, chế độ quân chủ.

Thời trung đại, các quốc gia phương Đông và phương Tây đều theo...............(a)...................(do vua đứng đầu). Nhưng ở phương Đông, quyền lực tập trung trong tay nhà vua và ngày càng tăng cường hơn, trở thành Hoàng đế hay Đại vương. Đó là........................(b)................ ở phương Tây quyền lực nhà vua lúc đầu hạn chế trong các lãnh địa đó là..................(c)..............., từ thế kỉ XV, khi các quốc gia phong kiến châu Âu được thống nhất, quyền hành mới ngày càng tập trung vào tay nhà vua, nhà nước quân chủ thống nhất mới được hình thành.

Câu 3. Hãy nêu nét đặc sắc trong kiến trúc của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á?

Câu 4. "Vì sao thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia (từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV) còn gọi là thời kì Ăng-co" ?

Đề số 7

Câu 1. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước dưới thời nhà Tiền Lê?

Câu 2. Tóm tắt sự kiện lịch sử diễn ra từ năm 1072 đến 1075 dưới thời Lý?

Câu 3. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống?

Câu 4. Quân đội nhà Trần được tổ chức như thế nào? Hãy nêu nhận xét về tổ chức đó?

Đề số 8

Câu 1. Hãy so sánh đời sống văn hoá xã hội thời Lý với thời nhà Đinh - Tiền Lê ?

Câu 2. Nhà Trần đã làm gì để khôi phục và phát triển kinh tế? Tác dụng của nó đối với sự tồn tại và phát triển đất nước dưới thời Trần?

Câu 3. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy thời Trần?

Câu 4. Hãy cho biết cách đánh quân Nguyên của nhà Trần trong cuộc kháng chiến lần thứ hai?

Đề số 9

Câu 1. Trình bày tóm tắt diễn biến của chiến thắng Bạch Đằng 1288?

Câu 2. Những thành tựu đạt được của nhà Trần trên các lĩnh vực: Lịch sử; quân sự, y học, thiên văn học, kiến trúc và điêu khắc?

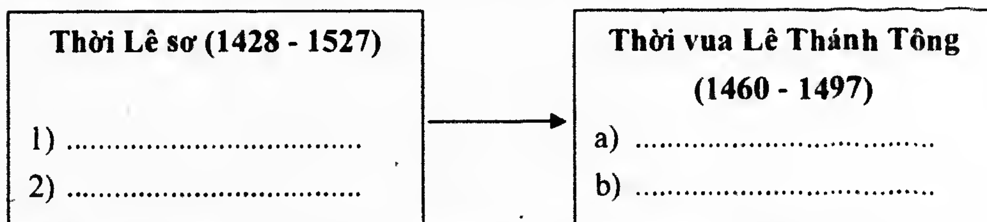
Câu 3. Hãy nêu cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý và cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần theo yêu cầu sau:

- Thời gian bắt đầu và kết thúc mỗi cuộc kháng chiến.
- Đường lối kháng chiến.
- Những gương tiêu biểu về lòng yêu nước, bất khuất trong mỗi cuộc kháng chiến.
- Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của mỗi cuộc kháng chiến.

Đề số 10

Câu 1. Hãy trình bày các giai đoạn của khởi nghĩa Lam Sơn? Nội dung cơ bản của từng giai đoạn?

Câu 2. Điền số liệu cần thiết vào thời kì Lê sơ và thời Lê Thánh Tông để thấy được sự phát triển của giáo dục nước ta trong thời kì này. (Điền theo biểu đồ sau).



Câu 3. Pháp luật thời Lê sơ có gì giống và khác pháp luật thời Lý-Trần?

Đề số 11

Câu 1. Nêu những chiến thắng tiêu biểu qua các thời kì: Nhà Lý, nhà Trần và Lê sơ theo yêu cầu sau:

- Thời gian.
- Lãnh đạo.
- Ý nghĩa.

Câu 2. Vì sao hình thành Nam - Bắc Triều? Cuộc chiến tranh Nam - Bắc Triều diễn ra như thế nào?

Câu 3. Điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Ở thế kỉ XVI - XVII,............................(1)................. vẫn được chính quyền đề cao trong học tập, thi cử và tuyển lựa quan lại. Phật giáo và ....(2) ....bị hạn chế ở thế kỉ XV, nay lại được phục hồi. Trong nông thôn, nhân dân ta vẫn giữ nề nếp văn hóa..... ..(3)"............

Đề số 12

Câu 1. Vì sao cuộc khởi nghĩa Tây Sơn ngay từ đầu được đông đảo các giai cấp, tầng lớp nhân dân và đồng bào các dân tộc thiểu số ủng hộ?

Câu 2. Chính sách kinh tế, chính sách đối ngoại thời Nguyễn vừa có những mặt tích cực, vừa có những mặt hạn chế. Em hãy thể hiện lên bảng sau:

	Mặt tích cực (a)	Mặt hạn chế (b)
1. Nông nghiệp:		

- Khai hoang - Chế độ quân điền - Thuỷ lợi		
2. Thủ công nghiệp		
3. Thương nghiệp		
4. Khai thác mỏ		

Câu 3. Tổ chức triều đình nhà Nguyễn có sáu bộ. Em hãy kể tên và nhiệm vụ của mỗi bộ.

Đề số 13

Câu 1. Nêu nội dung chính của bộ Hoàng triều luật lệ. Việc mô phỏng theo phần lớn bộ luật của nhà Thanh (Trung Quốc) đã thể hiện thái độ gì của vua Gia Long?

Câu 2. Lập bảng trình bày các cuộc diễn biến xung đột Nam-Bắc triều và Trịnh-Nguyễn theo mẫu sau:

	Xung đột Nam-Bắc triều (a)	Xung đột Trịnh-Nguyễn (b)
1. Thời gian diễn ra:	....	....
2. Nguyên nhân:	....	....
3. Diễn biến	....	....
4. Kết quả:	....	....

Câu 3. Tại sao phong trào nổi dậy của nhân dân ở nửa đầu thế kỉ XIX diễn ra dồn dập, mãnh liệt như vậy mà chưa làm phát sinh một cuộc khởi nghĩa có tính tập trung, kết tinh của toàn bộ phong trào như khởi nghĩa Tây Sơn ở thế kỉ XVIII?

Đề số 14

Câu 1. Điền những sự kiện vào các niên đại sau đây gắn với công lao của Quang Trung khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh xâm lược?

Niên đại	Sự kiện
1) 22.12.1788	a)
2) 26.12.1788	b)
3) 15.01.1789	c)
4) 30.01.1789	d)

Câu 2. So sánh chính sách ngoại giao, ngoại thương của thời Nguyễn có gì khác so với thời Quang Trung?

Câu 3. Lập bảng về những nét chính trong tình hình xã hội, kinh tế, văn hoá thời phong kiến theo mẫu sau:

	Phương Tây (thời phong kiến) (a)	Phương Đông (thời phong kiến) (b)
1. Xã hội:	....	....
2. Kinh tế:	....	....
3. Văn hoá:	....	....

Đề số 15

Câu 1

"Chương Dương cướp giáo giặc"
Hàm Tử bắt quân thù
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu".

Bốn câu thơ trên của ai? Viết vào thời điểm nào?

Câu 2. Từ nửa sau thế kỉ XIV, dưới thời Trần tình hình kinh tế và đời sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ thể hiện ở các mặt nào?

Câu 3. Khi tiến quân ra Bắc, Lê Lợi chia thành ba đạo quân. Hãy điền nhiệm vụ của mỗi đạo quân theo yêu cầu sau đây:

Đạo quân	**Nhiệm vụ**
Đạo quân thứ nhất	a)
Đạo quân thứ hai	b)
Đạo quân thứ ba	c)

Câu 4. Chọn sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	**B**
1) Chiến thắng Chúc Động - Tốt Động.	a) 8. 10. 1427 Liễu Thăng hùng hổ đưa quân vượt biên giới nước ta.
	b) 5 vạn quân giặc bị tử thương.
2) Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang.	c) Liễu Thăng bại trận bị giết.
	d) Vương Thông tháo chạy về Đông Quan.
	e) Thôi Tụ và Hoàng Phúc bị bắt sống.
	g) Trần Hiệp, Lý Lượng, Lý Đăng bị giết tại trận.
	h) Thượng thư bộ binh Lý Khánh thắt cổ tự tử.
	i) Vương Thông xin hoà và chấp thuận mở hội thề Đông Quan.

Đề 16

Câu 1. Lập bảng tóm tắt những đặc điểm cơ bản của chế độ phong kiến phương Đông và phương Tây theo mẫu sau:

Những đặc điểm cơ bản	*Xã hội phong kiến phương Đông (a)*	*Xã hội phong kiến phương Tây (b)*	*Nhận xét (c)*
Thời kì hình thành			
Thời kì phát triển			
Thời kì khủng hoảng và suy vong			

Cơ sở kinh tế			
Các giai cấp cơ bản			

Câu 2. Hãy kể đôi nét về thân thế và sự nghiệp của Lê Hoàn?

Câu 3. Nhà Lý đã làm gì để củng cố quốc gia thống nhất?

D. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

I. Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm

PHẦN I

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

BÀI 1

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN Ở CHÂU ÂU

(Thời sơ -trung kì trung đại)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	9	a
2	b	10	a
3	b	11	b
4	c	12	b
5	b	13	d
6	b	14	c
7	b	15	c
8	d	16	a

BÀI 2
SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	9	b
2	a	10	a
3	a	11	d
4	b	12	d
5	b	13	d
6	b	14	b
7	a	15	b
8	d	16	a

Bài 3
CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI ĐẠI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI Ở CHÂU ÂU

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	10	d
2	b	11	a
3	a	12	b
4	c	13	a
5	d	14	b
6	d	15	d
7	a	16	a
8	b	17	b
9	b	18	b

BÀI 4
TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	12	a
2	a	13	c
3	d	14	b

4	d	15	c
5	c	16	b
6	b	17	c
7	a	18	b
8	a	19	d
9	a	20	b
10	d	21	d
11	a	22	d

BÀI 5
ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	10	b
2	a	11	c
3	a	12	c
4	b	13	a
5	d	14	d
6	b	15	a
7	a	16	c
8	c	17	b
9	a	18	a

BÀI 6
CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	11	c
2	c	12	b
3	a	13	c
4	b	14	b
5	c	15	d
6	c	16	d
7	c	17	a
8	d	18	d
9	a	19	c
10	b	20	b

BÀI 7
NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	9	b
2	a	10	c
3	c	11	a
4	c	12	b
5	b	13	b
6	b	14	a
7	b	15	a
8	c	16	c

PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XIX

Chương I
BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ (THẾ KỈ X)

BÀI 8
NƯỚC TA BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	10	b
2	d	11	b
3	d	12	d
4	a	13	c
5	d	14	a
6	a	15	a
7	a	16	b
8	b	17	d
9	d		

BÀI 9
NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH - TIỀN LÊ

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	12	b
2	c	13	d
3	a	14	c
4	b	15	a
5	b	16	b
6	d	17	b
7	d	18	d
8	b	19	d
9	c	20	b
10	b	21	d
11	a	22	a

Chương II
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (THẾ KỈ XI-XII)

BÀI 10
NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	12	b
2	b	13	a
3	a	14	1.a, b; 2. c,d
4	d	15	d
5	c	16	d
6	a	17	c
7	c	18	b
8	b	19	c
9	d	20	a
10	b	21	b
11	d	22	c

BÀI 11
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075-1077)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	10	b
2	a	11	d
3	c	12	a
4	c	13	c
5	d	14	b
6	b	15	c
7	c	16	a
8	b	17	a
9	d	18	c

BÀI 12
ĐỜI SỐNG KINH TẾ VĂN HOÁ

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	10	d
2	d	11	a
3	a	12	c
4	c	13	b
5	b	14	a
6	a	15	a
7	d	16	d
8	b	17	c
9	c	18	b

Chương III
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (THẾ KỈ XIII-XIV)

BÀI 13
NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XIII

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	11	b
2	a	12	a
3	d	13	b
4	a	14	c
5	d	15	d
6	b	16	d
7	a	17	a
8	a	18	a
9	b	19	c
10	c	20	b

BÀI 14
BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG-NGUYÊN (THẾ KỈ XIII)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	16	d
2	b	17	b
3	a	18	d
4	d	19	b
5	b	20	d
6	c	21	d
7	b	22	a
8	a	23	b
9	b	24	b
10	d	25	a
11	b	26	d
12	b	27	c
13	a	28	d
14	d	29	d
15	c	30	d

BÀI 15
SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA THỜI TRẦN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	10	a
2	b	11	a
3	c	12	b
4	d	13	b
5	a	14	c
6	c	15	b
7	a	16	a
8	d	17	b
9	c	18	b

BÀI 16
SỰ SỤP ĐỔ CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	11	c
2	c	12	c
3	b	13	b
4	b	14	c
5	b	15	b
6	d	16	a
7	b	17	c
8	b	18	d
9	d	19	a
10	a	20	b

BÀI 17
ÔN TẬP CHƯƠNG II VÀ CHƯƠNG III

Ciu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	6	c
2	b	7	a
3	c	8	d
4	c	9	a.S, b.Đ, c.S, d.Đ, e.Đ, g.S, h.S, i.Đ
5	a	10	a

Chương IV
ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (THẾ KỈ XV-ĐẦU THẾ KỈ XVI)

BÀI 18
CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÀ HỒ VÀ PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH ĐẦU THẾ KỈ XV

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	9	d
2	a	10	a
3	a	11	c
4	d	12	a
5	c	13	b
6	d	14	a
7	c	15	b
8	d	16	d

BÀI 19
CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418-1427)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	13	c
2	c	14	d
3	d	15	a
4	d	16	c
5	a	17	b
6	c	18	d
7	d	19	b
8	d	20	b
9	c	21	b
10	b	22	c
11	b	23	a
12	c	24	b

BÀI 20
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 -1527)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	13	d
2	c	14	a
3	a	15	c
4	b	16	b
5	c	17	d
6	a	18	a
7	a	19	a
8	c	20	b
9	a	21	d
10	b	22	a
11	d	23	b
12	c	24	a

BÀI 21
ÔN TẬP CHƯƠNG 4

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	6	d
2	d	7	a
3	c	8	d
4	b	9	d
5	c	10	b

Chương V
ĐẠI VIỆT Ở CÁC THẾ KỈ XVI-XVIII

BÀI 22
SỰ SUY YẾU CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TẬP QUYỀN (THẾ KỈ XVI - XVIII)

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	9	b
2	d	10	a
3	c	11	c
4	b	12	c
5	a	13	b
6	d	14	a
7	d	15	c
8	b	16	b

BÀI 23
KINH TẾ, VĂN HÓA THẾ KỈ XVI-XVIII

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	9	d
2	c	10	b
3	b	11	a
4	b	12	b
5	d	13	a
6	a	14	c
7	a	15	b
8	a	16	a

BÀI 24
KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐÀNG NGOÀI THẾ KỈ XVIII

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	9	b
2	b	10	d
3	a	11	b
4	b	12	d

5	b	13	c
6	d	14	b
7	d	15	c
8	a		

BÀI 25
PHONG TRÀO TÂY SƠN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	14	b
2	b	15	d
3	d	16	c
4	c	17	a
5	b	18	d
6	a	19	c
7	a	20	b
8	a	21	a
9	b	22	b
10	c	23	c
11	b	24	d
12	a	25	d
13	c		

BÀI 26
QUANG TRUNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	9	b
2	a	10	b
3	a	11	c
4	d	12	d
5	c	13	b
6	b	14	c
7	b	15	c
8	b		

Chương VI
VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

BÀI 27
CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	11	c
2	b	12	d
3	c	13	a
4	d	14	d
5	a	15	d
6	b	16	c
7	c	17	a
8	d	18	b
9	a	19	b
10	b	20	a

BÀI 28
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC CUỐI THẾ KỈ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	11	b
2	a	12	c
3	d	13	d
4	a	14	a
5	b	15	b
6	b	16	c
7	d	17	a
8	b	18	b
9	c	19	c
10	a	20	a

BÀI 29
ÔN TẬP CHƯƠNG V VÀ CHƯƠNG VI

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	8	d
2	a	9	c
3	c	10	b
4	c	11	b
5	a	12	a
6	1.c, 2.a, 3.b	13	a
7	a	14	1.b,2.a,3.c,4.c,5.d,6.g

BÀI 30
TỔNG KẾT

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	7	c
2	b	8	b
3	1.d, 2.a, 3.d, 4.c	9	d
4	b	10	c
5	c	11	a
6	b	12	c

II. Hướng dẫn trả lời một số đề kiểm tra tham khảo

Đề số 1

Câu 1.

+ *Sự hình thành xã hội phong kiến châu Âu:*

- Cuối thế kỉ V, bộ tộc Giéc-man từ phương Bắc tràn xuống xâm chiếm các quốc gia cổ đại phương Tây. Khi vào Rô-ma, họ thành lập nhiều vương quốc mới.

- Người Giéc-man chiếm ruộng đất của chủ nô Rô ma cũ chia cho các tướng lĩnh quân sự và quý tộc, đồng thời phong các chức tước cho họ.

- Tướng lĩnh quân sự và quý tộc có nhiều ruộng đất trở thành lãnh chúa phong kiến. Còn nô lệ và nông dân biến thành nông nô.

+ *Các giai cấp chính trong xã hội phong kiến châu Âu trung đại:*

- Lãnh chúa phong kiến.

- Nông nô.

Câu 2.

+ *Sự xuất hiện thành thị:*

Cuối thế kỉ XI, do hàng thủ công sản xuất ra ngày càng nhiều, sản phẩm của thợ thủ công không những phục vụ cho bọn chủ phong kiến mà còn trao đổi với nông dân quanh vùng. Những thợ thủ công tìm cách thoát khỏi lãnh địa phong kiến. Một số thợ thủ công đã đưa hàng hoá của mình đến những nơi đông người qua lại để bán và họ đã lập ra xưởng sản xuất. Từ đó họ lập ra các thị trấn, sau đó thành các thành phố lớn, gọi là thành thị trung đại.

Trong thành thị dân cư chủ yếu là những thợ thủ công và thương nhân. Họ lập ra các phường hội, các thương hội để cùng nhau sản xuất và buôn bán.

+ *Sự khác nhau:*

Kinh tế lãnh địa	*Kinh tế thành thị*
- Sản xuất chủ yếu là nông nghiệp. - Sản xuất ra sản phẩm chỉ để tiêu dùng trong lãnh địa, không trao đổi, mua bán ra bên ngoài nên được gọi là nền kinh tế: "tự cấp, tự túc". - Kinh tế lãnh địa kìm hãm sự phát triển của xã hội phong kiến.	- Sản xuất chủ yếu là các nghề thủ công. - Sản xuất ra sản phẩm thủ công để trao đổi, mua bán nên gọi là nền kinh tế hàng hoá. - Kinh tế thành thị tạo điều kiện cho xã hội phong kiến phát triển.

Câu 3.

1.c ; 2.a ; 3.b ; 4.e ; 5.d

Câu 4.

a. quan lại, nông dân giàu có
b. nhận ruộng
c. cày cấy
d. nông dân lĩnh canh
e. địa tô
f. phong kiến

Đề số 2.

Câu 1.

1. 1487, B. Đi-a-xơ: đi vòng qua điểm cực Nam châu Phi.
2. 1498, Va-xcô đơ Ga-ma đi qua điểm cực Nam châu Phi và cập bến Ca-li-cút ở phía Tây nam Ấn Độ.

3. 1492, C. Cô-lôm-bô: tìm ra châu Mĩ.

4. 1519 đến 1522, Ph. Ma-gien-lan đi vòng quanh Trái Đất.

Câu 2.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa châu Âu hình thành dựa trên hai yếu tố: vốn và đội ngũ công nhân làm thuê:

+ Vốn: Nhờ cuộc phát kiến địa lí, quý tộc và thương nhân châu Âu trở nên giàu có. Họ lập ra các xưởng thủ công, các đồn điền và dần dần họ trở thành giai cấp tư sản.

+ Đội ngũ công nhân làm thuê: Những người nông nô bị mất ruộng đất, phải lang thang, cuối cùng phải vào làm thuê trong các xí nghiệp của tư sản. Ngoài nông nô, còn có nô lệ được mua từ châu Phi sang châu Âu.

Câu 3.

Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và quý tộc phong kiến được biểu hiện qua phong trào: Văn hoá Phục hưng (Thế kỉ XIV-XVII). Từ nước I-ta-li-a rồi lan nhanh sang các nước Tây Âu khác và trở thành một trào lưu rộng lớn. Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài mà người ta thường gọi là "Những người khổng lồ"

Nội dung của phong trào Văn hoá Phục hưng:

+ Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội.

+ Đề cao giá trị con người.

+ Đề cao khoa học tự nhiên.

+ Xây dựng thế giới quan duy vật tiến bộ.

Phong trào Văn hoá Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến mà còn là "Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại", mở đường cho sự phát triển cao hơn của văn hoá châu Âu và văn hoá nhân loại.

Câu 4.

1. a - Tần (221-206 TCN)
   - Hán (206 TCN đến 220)

   b - Đường (618-907)

   c - Tống (960-1279)
   - Nguyên (1271-1368)

   d - Minh (1368-1640)
   - Thanh (1644-1911)

2. a - Chia đất nước thành quận, huyện.

   b - Nhà nước được củng cố và hoàn thiện, mở khoa thi tuyển chọn nhân tài.

c - Tổ chức bộ máy nhà nước giống các thời đại trước. Thời Nguyên quyền lực tập trung trong tay người Mông Cổ.

d - Thời Minh: chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền, bỏ chức thừa tướng.

- Thời Thanh: nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền.

3. a - Tần ban hành một chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất.

- Hán giảm tô thuế, sưu dịch cho nông dân, phát triển sản xuất nông nghiệp.

b - Thực hiện chế độ quân điền làm cho xã hội đạt đến sự phồn thịnh.

c - Xóa thuế, sưu dịch nặng nề, mở mang công trình thuỷ lợi, phát triển thủ công nghiệp.

d - Bóc lột, đục khoét nông dân, công thương nghiệp phát triển: tạo mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện.

4. a - Tần: mở rộng lãnh thổ về phía nam và phía bắc.

- Hán: Chiến tranh xâm lấn Triều Tiên và các nước phương Nam:

b - Lấn chiếm Nội Mông, Tây Vực, Triều Tiên, An Nam...lãnh thổ Trung Quốc được mở rộng.

c - Tiến hành chiến tranh xâm lược các nước phương Nam.

d - Mở rộng buôn bán với các nước Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư, Ả Rập.

5. a - Trần Thắng-Ngô Quảng.

b - Hoàng Sào.

c - Chu Nguyên Chương.

d - Lý Tự Thành.

Đề số 3

Câu 1.

Phong trào cải cách tôn giáo lúc đầu được khởi xướng ở Đức (do một tu sĩ người Đức-M.Lu-thơ khởi xướng) nhanh chóng lan rộng sang các nước châu Âu

Phong trào đã thúc đẩy, châm ngòi cho các cuộc khởi nghĩa nông dân, đặc biệt là ở Đức, thường gọi là cuộc "Chiến tranh nông dân Đức". Đây có thể được coi là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống phong kiến ở châu Âu.

Đạo Ki-tô đã bị phân thành 2 giáo phái:

+ Cựu giáo là Ki-tô giáo cũ.

+ Tân giáo là Cải cách tôn giáo.

Câu 2.

a. Tư tưởng Nho giáo.

b. Nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

- Nhiều tác phẩm nổi tiếng:
  + Tiểu thuyết Thuỷ Hử của Thi Nại Am.
  + Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung.
  + Tây du kí của Ngô Thừa Ân.
  + Hồng lâu mộng của Tào Tuyết Cần.

c. Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên (thời Hán)

d. Hội họa, điêu khắc, kiến trúc, thủ công mĩ nghệ.

  + Vạn lý trường thành.
  + Cố cung(Tử cấm thành)

e. Nghề giấy viết, nghề in, la bàn, thuốc súng.

- Kĩ thuật đóng thuyền có bánh lái.
- Kĩ nghệ luyện sắt, khai thác dầu mỏ và khí đốt.

Câu 3.

- Kiến trúc Hin-đu với những đền thờ hình tháp nhọn nhiều tầng, được trang trí tỉ mỉ bằng những phù điêu mô tả cuộc sống của người Ấn đương thời

- Kiến trúc Phật giáo với những ngôi chùa xây bằng đá hoặc khoét sâu vào vách núi với những bức họa sinh động về sự tích nhà Phật. Những tháp có mái tròn như chiếc bát úp.

- Lăng mộ được phỏng theo kiến trúc Hồi giáo.

Đề số 4

Câu 1.

1. 2500 năm TCN: xuất hiện thành thị của người Ấn.

2. Từ 1500 năm TCN đến thế kỉ III TCN: xuất hiện những thành thị trên lưu vực sông Hằng-nước Ma-ga-đa.

3. Từ thế kỉ III TCN đến đầu thế kỉ IV: Ấn Độ bị chia cắt. Đầu thế kỉ IV được thống nhất.

4. Từ đầu thế kỉ IV đến đầu thế kỉ VI: sự thống trị của vương triều Gup-ta.

5. Thế kỉ XII đến thế kỉ XVI: sự thống trị của Vương triều Hồi giáo Đê-li.

6. Đầu thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX: sự thống trị của Vương triều Ấn Độ Mô-gôn.

Câu 2.

- Quan điểm của Nho giáo về quan hệ "Tam cương" là quan hệ giữa vua-tôi, chồng-vợ, cha-con.

- Quan hệ "Ngũ thường" nói về nhân-lễ-nghĩa-trí-tín.

Khổng Tử muốn lập kỉ cương xã hội thông qua các mối quan hệ trên.

- Các nhân vật gắn với sự phát triển của Nho giáo là:

+ Khổng Tử (551-479 TCN), nhà triết học Trung Quốc đề xướng ra học thuyết Nho giáo, một học thuyết chính trị có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới.

+ Mạnh Tử (371-288 TCN), môn đệ của Khổng Tử, tác giả sách Mạnh Tử-một trong 4 cuốn sách quan trọng của học thuyết Nho giáo

+ Ngoài ra còn có Đổng Trọng Thư.

Câu 3.

1. Lào Thơng
2. Thái
3. Lào Lùm
4. Một tộc trưởng người Lào là Pha Ngừm
5. Lạn Xạng (nghĩa là triệu voi)
6. Miến-Điện
7. Xiêm
8. Pháp

Đề số 5

Câu 1.

- Từ đầu công nguyên, cư dân ở đây đã biết sử dụng rộng rãi đồ sắt và các quốc gia đầu tiên đã xuất hiện. Trong khoảng 10 thế kỉ đầu sau công nguyên, hàng loạt quốc gia nhỏ được hình thành và phát triển.

- Khoảng nửa thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia ở Đông Nam Á.

- Từ nửa sau thế kỉ XVIII: các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bước vào thời kì suy yếu mặc dù xã hội phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại cho tới khi trở thành phụ thuộc hoặc là thuộc địa của tư bản phương Tây.

Câu 2.

- *Hình thành các vương quốc cổ:*
  - Vương quốc Chăm-pa ở Trung Bộ - Việt Nam.
  - Vương quốc Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Kông.
  - Các vương quốc ở hạ lưu sông Mê Nam và trên các đảo của In-đô-nê-xia.
- *Thời kì hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến:*
  - Mô-giô-pa-hít ở In-đô-nê-xia.
  - Đại Việt, Chăm-pa, Cam-pu-chia trên Bán đảo Đông Dương

- Pa-gan (Mi-an-ma).
- Su-khô-thay (Thái Lan).
- Lạn Xạng (Lào).

• Thời kì suy yếu của các quốc gia phong kiến: Mặc dù xã hội phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại cho tới khi thành thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Câu 3.

- Vì sao:

+ 965, Ngô Xương Văn chết, triều đình rơi vào tình trạng hỗn loạn.

+ Cuộc tranh chấp giữa các thế lực cát cứ, thổ hào ở địa phương tiếp diễn rở lại.

+ Bộ máy nhà nước không còn thống nhất từ trung ương đến địa phương.

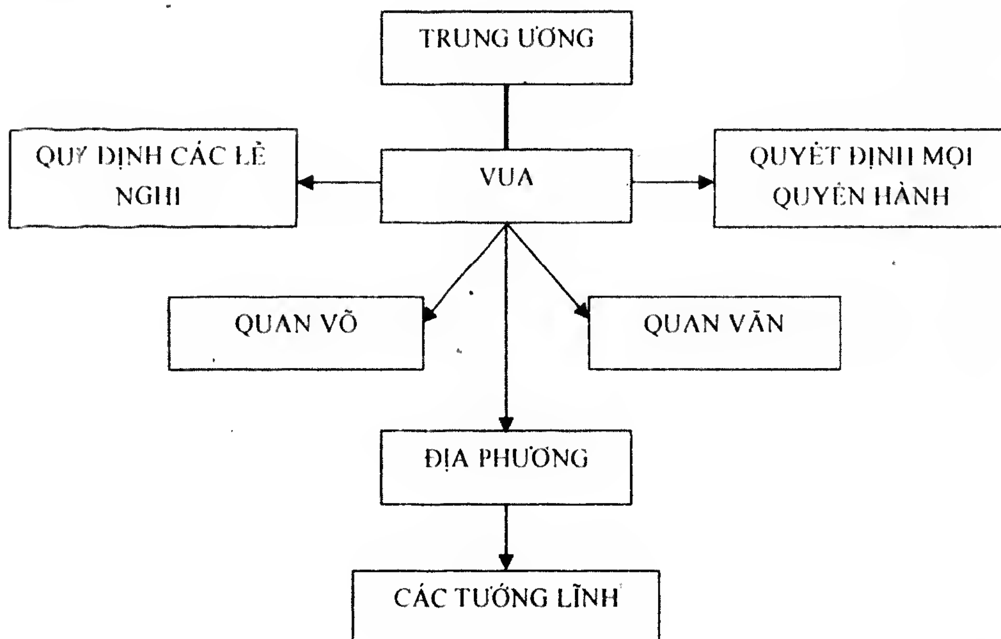
- Một số nổi loạn sau này liên kết với Đinh Bộ Lĩnh.

+ Trần Lãm giữ Bố Hải Khẩu (thị xã Thái Nguyên ngày nay).

+ Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu (Kim Động - Hưng Nguyên ngày nay).

Đề số 6

Câu 1



* *Nhận xét:*

- Bộ máy nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương.
- Mọi quyền hành nằm trong tay vua.

Câu 2.

a. Chế độ quân chủ.

b. Chế độ phong kiến trung ương tập quyền.

c. Chế độ phong kiến phân quyền.

Câu 3.

- Nét đặc sắc trong kiến trúc của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á là các đền, chùa với kiến trúc độc đáo chịu ảnh hưởng của lối kiến trúc truyền thống Ấn Độ.

- Chùa thay thế cho đền, tháp. Tuy tháp thờ Phật tích, vẫn mang dấu vết kiến trúc Ấn Độ.

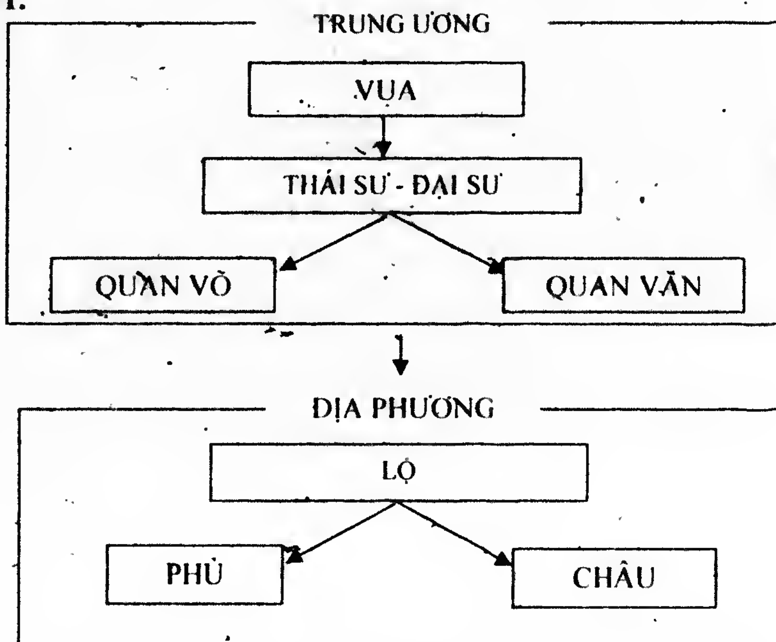
Câu 4.

- Sở dĩ gọi như vậy vì kinh đô của Vương quốc là Ăng-co (một địa điểm của vùng Xiêm Riệp ngày nay).

- Ở đây, người Khơ-me đã xây dựng nên nhiều công trình kiến trúc lớn nổi tiếng, điển hình là khu đền tháp Ăng-co Vát, Ăng-co Thom. Khu đền Ăng-co là một cống hiến độc đáo của người Khơ-me vào kho tàng văn hoá của Đông Nam Á và thế giới.

Đề số 7

Câu 1.



Câu 2.

- Năm 1072, vua Lý Thánh Tông chết, vua mới là Lý Nhân Tông còn ít tuổi, nhà Tống thừa cơ đó, ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Lý Thường Kiệt đã tổ chức cuộc tiến công tự vệ.

- Tháng 10/1075, Lý Thường Kiệt cùng Tông Đản chỉ huy hơn 10 vạn quân thuỷ - bộ, chia làm hai đạo tấn công vào đất Tống. Sau 42 ngày chiến đấu, quân nhà Lý hạ thành Ung Châu, tướng Tô Giám của nhà Tống phải tự tử.

Câu 3.

- Do ý chí độc lập tự chủ của toàn thể nhân dân Đại Việt.
- Do sức mạnh đoàn kết to lớn của các dân tộc.
- Do biết kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc.
- Do công lao và tài năng của anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt trong việc sử dụng lối đánh rất độc đáo.

Câu 4.

- Tổ chức quân đội

Quân đội dưới thời Trần gồm có cấm quân và quân ở các lộ. Cấm quân là đạo quân bảo vệ kinh thành, triều đình và nhà vua. Cấm quân được tuyển chọn từ những trai tráng khoẻ mạnh ở quê hương của nhà Trần.

Ở làng xã, có hương binh. Khi có chiến tranh, còn có quân đội của vương hầu.

Quân đội nhà Trần được tuyển dụng theo chính sách "ngụ binh ư nông" và theo chủ trương "Quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông", xây dựng tinh thần đoàn kết trong quân đội.

Quân đội nhà Trần được học tập binh pháp và luyện tập võ nghệ thường xuyên. Nhà Trần còn cử nhiều tướng giỏi cầm quân đóng giữ các vị trí hiểm yếu, nhất là vùng biên giới phía Bắc.

- *Nhận xét:*

+ Tổ chức quân đội thống nhất từ trung ương đến địa phương.

+ Mối quan hệ giữa quân, dân đồng nhất.

Đề số 8

Câu 1.

Nội dung so sánh	Nhà Lý	Nhà Đinh - Tiền Lê
1) Xã hội	- Bộ máy thống trị: Vua quan, hoàng tử, công chúa. - Những người bị trị: Nông dân, thợ thủ công, người buôn bán, nô tì. - Nông dân là lực lượng lao động chủ yếu.	- Bộ máy thống trị:Vua, quan văn, quan võ và một số nhà sư. - Những người bị trị: Nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và một ít địa chủ, nô tì. - Nông dân là lực lượng lao động chủ yếu.
2) Văn hoá	- Xây dựng Văn Miếu để thờ Khổng Tử và dạy học cho các con vua. - Tổ chức khoa thi để chọn người làm quan. - Phật giáo rất phát triển, hầu hết các vua thời Lý đều sùng Phật giáo.	- Giáo dục chưa phát triển. - Nho học vào nước ta nhưng chưa ảnh hưởng đáng kể. - Phật giáo phát triển đáng kể. Chùa chiền xây dựng nhiều nơi.

Câu 2.

- *Chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế:*

+ Nông nghiệp: Đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang, mở rộng thêm diện tích, đắp đê phòng lụt, đào sông, nạo vét kênh. Nông dân được nhà nước quan tâm, cố gắng tích cực cày cấy, nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi và phát triển.

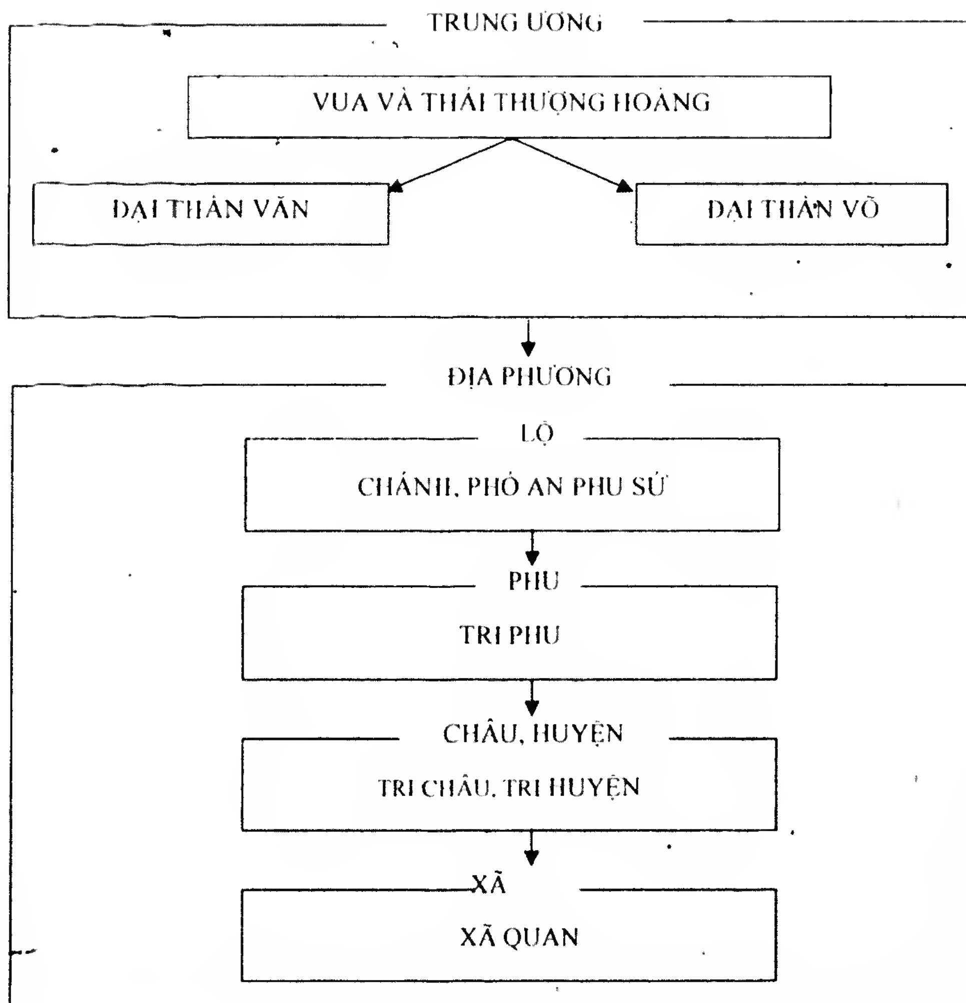
+ Thủ công nghiệp: Các xưởng thủ công nhà nước chuyên sản xuất đồ gốm, dệt vải, chế tạo vũ khí. Ở làng xã nghề thủ công được chú trọng. Chợ búa mọc lên ngày càng nhiều. Không khí buôn bán trong và ngoài nước tấp nập.

- *Tác dụng:*

+ Làm cho kinh tế nhanh chóng được phục hồi và phát triển tạo điều kiện để củng cố quốc phòng toàn dân.

+ Nhân dân nhất là nông dân tin tưởng vào nhà nước thời Trần.

Câu 3.



Câu 4.

- Thực hiện chủ trương "Vườn không, nhà trống".
- Tránh thế giặc mạnh khi chúng mới đến xâm lược.
- Vừa cho quân cản bước tiến của giặc, vừa rút lui để bảo toàn lực lượng.
- Khi thời cơ đến, phản công tiêu diệt giặc, giành thắng lợi.

Đề số 9

Câu 1.

Tháng 1.1288, Thoát Hoan chia làm 3 đạo quân tiến vào Thăng Long. Tại đây, ta thực hiện "Vườn không, nhà trống". Quân Nguyên ngày càng rơi vào thế lúng túng, khó khăn. Thoát Hoan quyết định rút quân về nước.

Nhân cơ hội này, vua Trần và Trần Quốc Tuấn mở cuộc phản công và tiến hành bố trí quân mai phục ở sông Bạch Đằng.

Tháng 4.1288, đoàn quân Ô Mã Nhi rút theo đường thuỷ trên sông Bạch Đằng. Khi quân Ô Mã Nhi tiến quân đến bãi cọc, quân Trần khiêu khích rồi bỏ chạy, chờ khi nước triều xuống, tổ chức phản công. Quân của Ô Mã Nhi bị tiêu diệt.

Cánh quân của Thoát Hoan từ Vạn Kiếp đến Lạng Sơn rút qua Quảng Tây (Trung Quốc) cũng bị truy kích và tiêu diệt. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Câu 2.

- Lịch sử: Bộ "Đại Việt sử ký toàn thư" của Lê Văn Hưu.
- Quân sự: Tác phẩm Binh thư yếu lược của Trần Hưng Đạo.
- Y học: Tuệ Tĩnh nghiên cứu cây thuốc nam để chữa bệnh cho nhân dân.
- Thiên văn học: Nhà thiên văn nổi tiếng Đặng Độ, Trần Nguyên Đán.
- Kiến trúc: Xây dựng nhiều công trình kiến trúc mới: Tháp Phổ Minh (Nam Định); Thành Tây Đô (Thanh Hoá).
- Điêu khắc: Lăng mộ vua và quý tộc có nhiều tượng hổ, sư tử, chó và các quan hầu bằng đá. Hình rồng khắc trên đá trau chuốt, có sừng uy nghiêm.

Câu 3.

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
1) Thời gian bắt đầu và kết thúc.	1075 - 1077	1258- 1288
2) Đường lối kháng chiến.	- Đánh ngay vào âm mưu xâm lược của địch. - Phòng ngự và phản công địch ngay khi chúng vào nước ta, giành thắng lợi quyết định.	- Vườn không nhà trống. - Đánh lâu dài làm cho địch suy yếu và dánh đòn quyết định. - Khai thác chỗ yếu của địch và phát huy thế mạnh của ta.

3) Những tấm gương tiêu biểu.	Lý Thường Kiệt, Tông Đản, Lý Kế Nguyên.	Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật, Phạm Nhữ Lão, Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toản,...
4) Nguyên nhân thắng lợi.	- Ý chí độc lập tự chủ của toàn dân, sức mạnh đoàn kết dân tộc. - Tài mưu lược của anh hùng Lý Thường Kiệt.	- Tinh thần đoàn kết toàn dân. - Chiến lược, chiến thuật tài tình của vua quan nhà Trần. - Sự đóng góp quan trọng của các danh tướng.
5) Ý nghĩa.	- Buộc quân nhà Tống phải bỏ âm mưu xâm lược Đại Việt. - Nền độc lập tự chủ được bảo vệ.	- Đập tan ý đồ xâm lược của đế chế Nguyên, bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc. - Góp phần xây dựng truyền thống quân sự Việt Nam. - Củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Đề số 10

Câu 1.

Khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra từ 1418 đến năm 1427 qua ba giai đoạn sau:

1) Giai đoạn 1 (1418 - 1423):

- Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn và tự xưng Bình Định Vương.

- Những năm đầu tiên, nghĩa quân hoạt động ở núi Chí Linh gặp nhiều khó khăn, Lê Lợi tạm hoà với quân Minh sau đó rút về hoạt động ở Lam Sơn.

2) Giai đoạn 2 (1424 - 1426):

- Nghĩa quân rời Thanh Hoá vào Nghệ An - Nghĩa quân giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá rồi tiến quân ra Bắc.

- Được sự ủng hộ của nhân dân, nghĩa quân chiến thắng nhiều trận lớn, quân Minh lâm vào thế phòng ngự, rút vào thành Đông Quan cố thủ. Cuộc kháng chiến chuyển qua giai đoạn phản công.

3) Giai đoạn 3 (cuối 1426 - cuối 1427):

- Nghĩa quân giành thắng lợi ở trận Tốt Động - Chúc Động (cuối năm 1426) tiêu diệt được 5 vạn quân địch, vây hãm địch ở Đông Quan.

- Nghĩa quân giành thắng lợi ở Chi Lăng - Xương Giang (10.1427) buộc quân Minh phải rút về nước. Đất nước ta sạch bóng quân thù.

Câu 2.

1. Tổ chức 26 khoa thi tiến sĩ.	a. Tổ chức 12 khoa thi tiến sĩ.
2. Lấy đỗ 989 tiến sĩ.	b. Lấy đỗ 501 tiến sĩ.
3. Có 20 trạng nguyên.	c. Có 9 trạng nguyên.

Câu 3.

- Những điểm giống nhau:
  + Pháp luật bảo vệ quyền lợi của vua và các quan đại thần.
  + Cấm việc giết mổ trâu, bò.
- Những điểm khác nhau:

* *Thời Lý - Trần:*

+ Bảo vệ quyền lợi tư hữu.
+ Chưa bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.

* *Thời Lê sơ:* Đầy đủ hoàn chỉnh hơn. Quốc triều hình luật (Bộ Luật Hồng Đức)

+ Bảo vệ quyền lợi của quốc gia, khuyến khích phát triển kinh tế.
+ Giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
+ Bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.
+ Hạn chế phát triển nô tì.

Đề số 11

Câu 1.

Các chiến thắng	Thời gian	Lãnh đạo	Ý nghĩa
1) Chiến thắng sông Như Nguyệt. (Thời Lý)	1077	Lý Thường Kiệt	- Quyết định số phận quân Tống xâm lược. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Tống. - Bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Đại Việt.
2) Chiến thắng trên sông Bạch Đằng. (Thời Trần)	1288	Trần Hưng Đạo	- Kết thúc cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. - Bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

3) Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang. (Thời Lê sơ)	1247-1248	- Lê Lợi. - Nguyễn Trãi	- Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh. - Mở ra một thời kì phát triển mới cho đất nước ta dưới thời Lê sơ.

Câu 2.

- Vì sao:

+ Khi triều Lê suy yếu, diễn ra cuộc tranh chấp giữa các phe phái ngày càng quyết liệt.

+ Lợi dụng tình hình đó, năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra nhà Mạc (Bắc Triều).

+ Năm 1533, Nguyễn Kim chạy vào Thanh Hoá, lập một người thuộc dòng họ nhà Lê lên làm vua, lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc" (Nam Triều).

- Cuộc chiến diễn ra:

Hai tập đoàn phong kiến Nam - Bắc Triều đánh nhau liên miên, dai dẳng hơn 50 năm. Suốt một vùng từ Thanh Hoá đến Nghệ An đều là chiến trường. Làng mạc điêu tàn, xơ xác. Mãi đến năm 1592, Nam Triều chiếm được Thăng Long, họ Mạc chạy lên Cao Bằng, chiến tranh Nam - Bắc Triều mới chấm dứt.

Câu 3.

1. Nho giáo.
2. Đạo giáo.
3. Truyền thống.

Đề số 12

Câu 1.

- Dưới chính quyền của họ Nguyễn ở Đàng Trong vào thế kỉ XVIII, cuộc sống của người dân ngày càng cơ cực. Nỗi bất bình, oán giận của các tầng lớp xã hội đối với chính quyền họ Nguyễn ngày càng dâng cao.

- Nghĩa quân Tây Sơn đã đề ra khẩu hiệu hợp với lòng dân, nhất là dân nghèo: "Lấy của người giàu chia cho dân nghèo", xoá nợ cho nông dân và bãi bỏ nhiều thứ thuế.

Câu 2.

1. - Khai hoang: a. Tăng diện tích canh tác.

b. Ruộng đất còn bỏ hoang nhiều.

- Chế độ quân điền: a. Nông dân có ruộng để sản xuất.

b. Vì quân điền mất tác dụng nên ruộng đất bị bỏ hoang.

- Thuỷ lợi: a. Sửa đắp đê.

b. Sửa đắp đê không được chú trọng nên lụt lội, hạn hán

2. a. Lập nhiều xưởng đúc tiền, đúc súng, đóng tàu, làng thủ công.

b. Chủ yếu tập trung sản xuất ở Kinh đô và thành thị, thợ thủ công nộp thuế nặng nề.

3. a. Buôn bán ở các thành thị, tứ thị sầm uất, buôn bán với Trung Quốc, Sin-ga-po, Phi-lip-pin.

b. Không cho người phương Tây mở cửa hàng buôn bán.

4. a. Hàng trăm mỏ được khai thác.

b. Cách khai thác lạc hậu, các mỏ hoạt động thất thường.

Câu 3.

1. Bộ Hộ - Tài chính, tô thuế, kho tàng, vật giá...
2. Bộ Lại - Tuyển chọn quan lại, ban phẩm tước, soạn thảo chiếu chỉ...
3. Bộ Lễ - Thi cử, tế tự, phong thần...
4. Bộ Binh - Tuyển lýnh, các ngạch võ quan, điều động quân lýnh...
5. Bộ Hình - Soạn luật, thi hành hình phạt, xét duyệt tố tụng...
6. Bộ Công - Xây dựng cung điện, lăng tẩm, thành luỹ, đóng tàu thuyền, đắp đường sá...

Đề số 13

Câu 1.

- Nội dung: Luật ban hành vào năm 1815 gồm 21 quyển chính với 398 điều và một quyển phụ lục với 30 điều. Nội dung chính của bộ luật thể hiện rõ ý đồ bảo vệ quyền hành tuyệt đối của nhà vua và đề cao địa vị của quan lại và gia trưởng.
- Việc mô phỏng theo phần lớn bộ luật của nhà Thanh đã thể hiện thái độ thuần phục, nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn.

Câu 2.

1. a. Năm 1527-1592

b. Năm 1627-1672

2. a. Nhà Lê suy yếu, sự tranh chấp giữa các phe phái phong kiến diễn ra quyết liệt:

+ 1527 Mạc Đăng Dung lập nhà Mạc (Bắc triều)

+ 1533 Nguyễn Kim lập Nam triều

b. Mâu thuẫn giữa Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng

3. a. Chiến tranh kéo dài hơn 50 năm. Thanh-Nghệ là chiến trường chính.

b. Chiến tranh kéo dài gần 50 năm. Quảng Bình-Hà Tĩnh là chiến trường ác liệt.

4. a. 1592, Nam triều chiếm Thăng Long, họ Mạc chạy lên Cao Bằng, chiến tranh chấm dứt.

b. Đất nước bị chia cắt: Đàng Ngoài và Đàng Trong.

Câu 3.

- Trong cục diện đấu tranh chống triều Nguyễn, các cuộc khởi nghĩa nửa đầu thế kỉ XIX diễn ra dồn dập, mãnh liệt mặc dù các cuộc khởi nghĩa nổ ra có sự liên kết, quy mô từ miền xuôi lên miền ngược song thực tế quy mô còn nhỏ, còn mang tính chất lẻ tẻ, rời rạc, thiếu hẳn một bộ chỉ huy tài giỏi đặc biệt là vị tướng trẻ tài ba như Quang Trung.

- Bí quyết thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là do Quang Trung đã vận dụng một đường lối chiến lược và chiến thuật tài tình, độc đáo, phát huy cao độ tinh thần yêu nước của nhân dân, nắm vững thời cơ, triệt để lợi dụng nhân tố bất ngờ để tổ chức phản công quyết liệt và nhanh chóng

- Đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Quang Trung là hành quân thần tốc, tiến quân mãnh liệt, tổ chức và chỉ đạo chiến đấu hết sức cơ động. Điều mà các phong trào nổi dậy của nhân dân ta nửa đầu thế kỉ XIX không có được.

Đề số 14

Câu 1.

a) Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung.

b) Đạo quân của Hoàng đế Quang Trung tới Nghệ An, dừng chân 10 ngày tuyển thêm quân.

c) Đạo quân của Quang Trung ra tới Tam Điệp (Ninh Bình).

d) Đạo quân của Quang Trung bất ngờ đánh đồn Ngọc Hồi.

Câu 2.

Nội dung	Thời Quang Trung	Thời Nguyễn
Ngoại giao	- Đối với nhà Thanh: mềm dẻo nhưng kiên quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc	- Thuần phục nhà Thanh - Đối với các nước phương Tây: khước từ mọi tiếp xúc
Ngoại thương	- Bãi bỏ hoặc giảm nhẹ nhiều loại thuế - "Mở cửa ải, thông chợ búa"	- Buôn bán với các nước: Trung Quốc, Xin-ga-po, Xiêm, Mã Lai - Không cho người phương Tây mở cửa hàng. Họ chỉ được ra vào một số cảng đã quy định.

Câu 3.

1. a - Chế độ phong kiến xuất hiện muộn khoảng thế kỉ V hoàn thiện vào thế kỉ X.
   - Xã hội có 2 giai cấp cơ bản:
     + Lãnh chúa phong kiến
     + Nông nô.

   b - Chế độ phong kiến xuất hiện sớm có nước vào TCN, có nước vào đầu công nguyên.
   - Xã hội có 2 giai cấp cơ bản:
     + Địa chủ quan lại
     + Nông dân lĩnh canh.

2. a - Kinh tế khép kín trong lãnh địa phong kiến, nông nô phải nộp nhiều thứ thuế.

   b - Sản xuất nông nghiệp bị bó hẹp, đóng kín trong các công xã nông thôn, nông nô phải nộp tô thuế.

3. a - Có phong trào Văn hóa Phục hưng (Thế kỉ XIV –XVIII)
   - Phong trào Cải cách tôn giáo

   b - Chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo (Trung Quốc), Phật giáo (Ấn Độ)
   - Nền văn hóa lâu đời hàng nghìn năm, phát triển rực rỡ.

Đề số 15

Câu 1

- Bốn câu thơ trên của Trần Quang Khải.
- Viết vào thời điểm: sau cuộc kháng chiến lần II chống quân Nguyên giành thắng lợi (1285).

Câu 2.

- Tình hình ruộng đất: Ruộng đất nằm trong tay bọn vương hầu quý tộc, nhà chùa, địa chủ. Ruộng đất ở công làng xã bị xâm lấn, khẩu phần ruộng đất của nông dân bị thu hẹp.
- Công tác thuỷ lợi: Không chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thuỷ lợi, nên nhiều năm bị mất mùa, đói kém.
- Chính sách thuế khoá: Dân nghèo mỗi năm phải nộp ba quan thuế đinh.
- Đời sống nhân dân: Vô cùng khốn khổ vì bị mất mùa, đói kém, bị bóc lột. Đặc biệt, nông dân phải bán ruộng đất, vợ con... cho quý tộc, địa chủ giàu có và bị biến thành nô tì.

Câu 3.

a) Tiến quân ra giải phóng miền Tây Bắc, ngăn chặn viện binh giặc từ Vân Nam sang.

b) Giải phóng vùng lưu vực sông Nhị (sông Hồng) và chặn đường rút lui của giặc từ Nghệ An về Đông Quan, ngăn chặn viện binh từ Quảng Tây sang.

c) Tiến thẳng ra Đông Quan.

Câu 4.

1: b ; d; g. 2: a; c; e; h; i

Đề 16

Câu 1.

1. a. Từ thế kỉ III TCN đến khoảng thế kỉ X.
   b. Từ thế kỉ V đến thế kỉ X.
   c. Các nước phương Đông chuyển sang chế độ phong kiến sớm hơn.
2. a. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.
   b. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.
   c. Phương Đông phát triển chậm chạp hơn.
3. a. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.
   b. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI.
   c. Ở các nước phương Đông quá trình khủng hoảng suy vong kéo dài hơn.
4. a. Nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn.
   b. Nông nghiệp đóng kín trong các lãnh địa phong kiến.
   c. Cư dân sống chủ yếu đều nhờ vào nông nghiệp, chăn nuôi, nghề thủ công.
5. a. Địa chủ và nông dân lĩnh canh.
   b. Lãnh chúa và nông nô.
   c. Địa chủ, lãnh chúa giao ruộng cho nông dân hoặc nông nô cày cấy rồi thu tô.
6. a. Bằng địa tô.
   b. Bằng địa tô.
   c. Nông dân hoặc nông nô đều cực khổ.

Câu 2.

Lê Hoàn sinh năm 941 ở Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hoá, trong một gia đình nghèo khổ, bố là Lê Mịch, mẹ là Đặng Thị Sen, cha mẹ mất sớm, Lê Hoàn phải đi làm con nuôi cho một vị quan nhỏ. Lớn lên Lê Hoàn đi

theo Đinh Liễn lập được nhiều chiến công, khi Định Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Tiên Hoàng phong cho Lê Hoàn làm thập đạo tướng quân.

Khi cha con Định Tiên Hoàng mất, Đinh Toàn mới 6 tuổi lên ngôi vua, nhân cơ hội đó nhà Tống sang xâm chiếm nước ta. Vì lợi ích của dân tộc, Thái Hậu Dương Vân Nga đã trao ngôi cho lê Hoàn.

Lê Hoàn xưng là Lê Đại Hành, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, đóng đô ở Hoa Lư. Chỉ trong một tháng, dưới sự chỉ huy của Lê Đại Hành, quân dân Đại Cồ Việt đã đánh bại quân xâm lược nhà Tống.

Câu 3.

- Tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- Ban hành bộ "Hình thư".
- Xây dựng quân đội vững mạnh gồm 2 bộ phận: Cấm quân và quân địa phương.
- Thi hành chính sách "ngụ binh ư nông" (gởi binh ở nhà nông).
- Thực hiện chính sách đoàn kết với các dân tộc thiểu số.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9718312; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: NGUYỄN VĂN THẢO

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

KIẾN THỨC CƠ BẢN LỊCH SỬ 7

Mã số: 2L - 42 ĐH 2006

In 3000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Công ty Phát triển Công nghệ Truyền hình Tp.Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 754 - 2006/CXB/11 – 143/ĐHQGHN, ngày 02/10/2006

Quyết định xuất bản số: 352 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2006.